



# VƯỢT QUA RUNG LẮC

## QNS – Cập nhật KQKD 9T 2019

### THỊ TRƯỜNG

Top large cap tác động lên VNIndex: GAS  
STB VHM VCB VIC

Diễn biến ngành trên HOSE hôm nay: 18  
Tăng vs 20 Giảm

Vị thế VNIndex hiện nay: tăng (kể từ đáy gần  
nhất 27/06)

Diễn biến ngành trên HOSE từ 27/06: 30  
Tăng vs 26 Giảm

### GIAO DỊCH

Xu hướng VNIndex hiện tại: Tăng Điểm hỗ  
trợ 995 -> kháng cự 1035

Xu hướng hiện tại nhóm vốn hóa Tỷ USD: 8  
Tăng & 17 Sideway vs 0 Giảm

Khuyến nghị kỹ thuật mới: 6 Mua

### ĐẦU TƯ

Danh mục PTĐT Rổng Việt: 54 cp, chiếm tỷ  
trọng 44% vốn hóa toàn thị trường

Top3 kỳ vọng: LHG (+64%), PC1 (+44%) &  
PAC (+43%)

Nhóm ngành: Thực phẩm (xếp hạng 3/85)

Cổ phiếu hôm nay: QNS, Khuyến nghị: Mua,  
giá mục tiêu của Rổng Việt: 41 k/cp





# HỘI THẢO ONLINE - CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ THÁNG 11 “CÚ HÍCH TỪ DÒNG TIỀN NGOẠI”



15h00 thứ Năm, ngày 07/11/2019

tại Fanpage CTCP Chứng khoán Rồng Việt

»» Đón xem và luận bàn cùng chuyên gia <<<

## NỘI DUNG CHÍNH

Dưới đây là một số nội dung QUÝ VỊ có thể quan tâm:

### TIN TỨC & BÌNH LUẬN

Một số Tin quốc tế và trong nước nổi bật  
Diễn biến 1 số chỉ số chứng khoán và giá hàng hóa thế giới  
Tin chứng khoán: CII MBB HNG MSN HT1...

### THỊ TRƯỜNG

Large cap nổi bật hôm nay: GAS STB VHM VCB VIC  
Diễn biến ngành trên HOSE hôm nay: 18 Tăng vs 20 Giảm  
Dòng tiền hôm nay (3 sàn): Ra (giảm)

VNIndex +0.86% so với cuối tuần trước  
Diễn biến ngành trên HOSE trong tuần: 23 Tăng vs 26 Giảm  
Cổ phiếu tốt nhất trong tuần: C71 TLH VRC GTN IDJ  
Cổ phiếu tệ nhất trong tuần: C69 NHH SCI VCR DTD

Vị thế VNIndex hiện nay: tăng (kể từ đáy gần nhất 27/06)  
Diễn biến ngành trên HOSE từ 27/06: 30 Tăng vs 26 Giảm  
Cổ phiếu tốt nhất trong kỳ: MBG NHH CTR HTM SSN  
Cổ phiếu tệ nhất trong kỳ: FTM VCR MPC DRH HVH

### GIAO DỊCH

Xu hướng VNIndex hiện tại: Tăng  
Điểm hỗ trợ 995 -> kháng cự 1035  
Xu hướng hiện tại nhóm vốn hóa Tỷ USD: 8 Tăng & 17 Sideway vs 0 Giảm  
Xu hướng hiện tại của Top10 tuần này: VCS PXS  
Xu hướng hiện tại của Top10 'con sông' gần đây: MBG SJS  
Khuyến nghị kỹ thuật mới: 6 Mua

### ĐẦU TƯ

Danh mục PTĐT Rổng Việt: 54 cp  
Kỳ vọng tốt nhất: LHG (+64%), PC1 (+44%), PAC (+43%)  
Dự phóng tốt nhất về tăng trưởng Doanh thu: HDG CTG AST  
Dự phóng tốt nhất về tăng trưởng lợi nhuận: PHR VIC CTG  
Khuyến nghị MUA với P/E 2019F thấp nhất: LHG ANV

Nhóm ngành hôm nay: Thực phẩm  
Đứng thứ 3/85 ngành về quy mô vốn hóa  
Tổng giá trị vốn hóa: 417 550 tỷ đồng  
B/q ngành (trọng số vốn hóa) ->: P/E trail 19.7, P/B 5.9

Cổ phiếu hôm nay: QNS  
Ngành: Thực phẩm  
UPCOM - Mid cap  
Khuyến nghị: Mua, giá mục tiêu của Rổng Việt: 41 k/cp

# VNINDEX

## 1024.34 (+0.19%)

Đầu T11 (1015.6)  
Diễn biến VNIndex 1 năm  
03/01/19 (878.2) 05/11/19 (1024.3)

UpcomIndex +0.03%  
1M (3.7%) 3M (5.3%) 6M (5.2%) 1Y (10.7%)  
turnover YTD (14.8%)

08/01/19 (1 670) 15/03/19 (4 825)  
B/q 1 tháng (3 135) B/q 1 năm (2 849) 05/11/19 (3 663)  
GT khớp lệnh b/q phiên trên HOSE

# HNXINDEX

## 106.71 (+0.1%)

# UPCOM INDEX

## 56.61 (+0.03%)

Nếu QUÝ VỊ có bất kỳ yêu cầu ngoài những nội dung trên  
Làm ơn gửi đến ngay cho chúng tôi tại  
<https://www.facebook.com/vdsc.com.vn/>



## TIN TỨC & BÌNH LUẬN ► TIN QUỐC TẾ

| Stock indexes |        | Daily  | Weekly | Monthly |
|---------------|--------|--------|--------|---------|
| Dow Jones     | 27,493 | 0.11%  | 1.56%  | 3.83%   |
| S&P 500       | 3,075  | -0.09% | 1.26%  | 4.64%   |
| FTSE 100      | 7,383  | 0.20%  | 1.05%  | 2.57%   |
| NIKKEI 225    | 23,295 | 0.22%  | 1.98%  | 8.98%   |
| SHANGHAI      | 2,992  | 0.54%  | 1.27%  | 2.68%   |
| KOSPI         | 2,151  | 0.37%  | 3.38%  | 6.37%   |
| Hang Seng     | 27,683 | 0.49%  | 3.35%  | 6.91%   |

| Commodities |         | Daily  | Weekly | Monthly |
|-------------|---------|--------|--------|---------|
| WTI         | 56.9    | 0.06%  | 3.40%  | 7.93%   |
| Brent       | 62.8    | -0.33% | 3.66%  | 7.68%   |
| Natural gas | 2.9     | -0.42% | 6.50%  | 24.44%  |
| Gold        | 1,488.7 | -1.56% | 0.10%  | -0.30%  |
| Milk        | 20.3    | 0.54%  | 8.73%  | 9.85%   |
| Coffee      | 105.9   | 2.12%  | 6.92%  | 9.07%   |
| Sugar       | 12.7    | 1.44%  | 3.00%  | 1.52%   |
| Rubber      | 158.0   | 1.35%  | 3.07%  | 6.04%   |
| Copper      | 2.7     | 1.14%  | 0.56%  | 4.88%   |
| Steel       | 3,600.0 | 3.75%  | 3.24%  | -1.34%  |
| Coal        | 70.4    | 0.39%  | 0.62%  | 1.91%   |
| Lead        | 2,171.5 | 0.06%  | -3.64% | -0.90%  |
| Zinc        | 2,539.0 | 0.75%  | -0.18% | 10.92%  |



**Chứng khoán châu Á lên cao nhất 6 tháng, thị trường Nhật Bản chạm đỉnh năm 2019.**

Chứng khoán châu Á duy trì đà tăng nhờ các chỉ số lớn tại Mỹ lập đỉnh trong phiên 4/11 trong bối cảnh đàm phán thương mại Mỹ - Trung có nhiều tín hiệu tích cực. Cuối tuần trước, Trung Quốc cho biết đã đạt được đồng thuận về nguyên tắc của thỏa thuận giai đoạn 1. Trong khi đó, Tổng thống Donald Trump khẳng định 2 quốc gia đã đạt được thỏa thuận rất bền vững và có thể tổ chức lễ ký tại Mỹ. Bộ trưởng Thương mại Mỹ Wilbur Ross ngày 3/11 cũng cho biết sẽ sớm cấp phép cho các doanh nghiệp Mỹ kinh doanh với Huawei. Trong khi đó, báo cáo việc làm tháng 10 của Mỹ cho thấy thị trường lao động gần như có đủ việc làm. Quan trọng hơn, Mỹ có được những số liệu mạnh mẽ như thế này sau khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ hạ lãi suất 3 lần. [Xem thêm](#)

**Dầu lên đỉnh 6 tuần trước những tín hiệu lạc quan về nhu cầu năng lượng.**

Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) vào ngày thứ Ba dự báo nguồn cung dầu sẽ giảm liên tục trong 5 năm tới, cho thấy Tổ chức này có thể cần phải cắt giảm sản lượng nhiều hơn để ổn định giá dầu do sự bùng nổ sản lượng dầu tại Mỹ và nhu cầu năng lượng suy giảm. OPEC cùng với các đồng minh dự kiến tranh luận về việc liệu có tiếp tục cắt giảm mức sản lượng hiện tại là 1.2 triệu thùng/ngày hay cắt giảm nhiều hơn nữa khi nhóm họp vào đầu tháng 12 tới. [Xem thêm](#)



**Mỹ cân nhắc gỡ một số hàng rào thuế quan 112 tỷ USD hàng hóa Trung Quốc?** Dựa trên nguồn tin thân cận từ Financial Times, Nhà Trắng đang cân nhắc gỡ bỏ hàng rào thuế quan đối với 112 tỷ USD hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc – bao gồm quần áo, đồ gia dụng và màn hình phẳng, vốn được đưa ra vào ngày 01/09/2019 với mức thuế 15%. Bằng động thái này, Mỹ sẽ đáp ứng một yêu cầu cốt lõi từ Bắc Kinh. Đây được xem là một bước nhượng bộ để tiến tới thỏa thuận giai đoạn một – một yếu tố có thể giúp tạm dừng cuộc thương chiến ngay trong tháng này. [Xem thêm](#)

**Lo doanh nghiệp bị bất lợi, Mỹ bắt đầu rút khỏi hiệp định khí hậu toàn cầu.** Mỹ ngày 4/11 trình thư về việc rút khỏi hiệp định khí hậu Paris lên Liên Hợp Quốc được ký năm 2016, dưới thời tổng thống Barack Obama. Theo đó, Washington dự kiến chính thức đứng ngoài hiệp định từ ngày 4/11/2020, ngay sau ngày bầu cử tổng thống Mỹ. Ngoại trưởng Mỹ Mike Pompeo nhắc lại lý do Tổng thống Donald Trump đưa ra năm 2017 là hiệp định sẽ gây bất lợi cho doanh nghiệp Mỹ. “Mỹ là bên sẽ chịu sự kìm hãm”, ông nói. “Không công bằng cho người dân và công nhân Mỹ”. Mỹ khuyến khích một “mô hình thực tế và thực dụng” có bao gồm năng lượng tái tạo nhưng vẫn giữ lại vai trò của nhiên liệu hóa thạch. [Xem thêm](#)



**RCEP gặp khó khi Ấn Độ muốn rút khỏi thỏa thuận.** Các quốc gia châu Á đã tổ chức đàm phán về Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) trong ngày thứ Hai (04/11) với hy vọng tiến tới thỏa thuận sau 7 năm đàm phán. Thế nhưng, bây giờ họ lại đối mặt với một rào cản mới khi Ấn Độ cho biết họ định rút khỏi thỏa thuận vì có những điều khoản đi ngược lại với lợi ích của Ấn Độ. Được biết, 16 quốc gia tham gia vào RCEP bao gồm 10 quốc gia thuộc ASEAN và các đối tác quan trọng của họ là Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Australia và New Zealand. [Xem thêm](#)



# TIN TỨC & BÌNH LUẬN ► VIETNAM VS GLOBAL INDEXES

Số lượng chỉ số: 23

tradingeconomics.com/stocks Nov.06 2019 07:39 AM

| Daily (+16 vs -5) |          | Weekly (+21 vs -1) |                |
|-------------------|----------|--------------------|----------------|
| U.S               |          | U.S                |                |
| Dow Jones         | → +0.11% | → +1.56%           | Dow Jones      |
| S&P 500           | ← -0.09% | → +1.26%           | S&P 500        |
| NASDAQ 100        | → +2.02% | → +2.02%           | NASDAQ 100     |
| S&P MidCap 400    | → +1.22% | → +1.22%           | S&P MidCap 400 |
| NYSE Composite    | ← -0.12% | → +0.98%           | NYSE Composite |
| Europe            |          | Europe             |                |
| FTSE 100          | → +0.2%  | → +1.05%           | FTSE 100       |
| DAX               | → +0.09% | → +1.61%           | DAX            |
| CAC 40            | → +0.39% | → +1.86%           | CAC 40         |
| Euronext 100      | → +0.47% | → +1.81%           | Euronext 100   |
| Euro Stoxx 50     | → +0.34% | → +1.48%           | Euro Stoxx 50  |
| Asia              |          | Asia               |                |
| NIKKEI 225        | → +0.22% | → +1.98%           | NIKKEI 225     |
| SHANGHAI          | → +0.54% | → +1.27%           | SHANGHAI       |
| SENSEX            | ← -0.13% | → +1.05%           | SENSEX         |
| KOSPI             | → +0.37% | → +3.38%           | KOSPI          |
| TAIEX             | → +0.75% | → +2.74%           | TAIEX          |
| SET 50            | → +0.39% | → +2.84%           | SET 50         |
| FKLCI             | → +0.2%  | → +1.83%           | FKLCI          |
| Hang Seng         | → +0.49% | → +3.35%           | Hang Seng      |
| PSEi              | → +1.95% | → +2.82%           | PSEi           |
| HNX               | → +0.1%  | → +1.94%           | HNX            |
| VN                | → +0.19% | → +2.86%           | VN             |
| Australia         |          | Australia          |                |
| ASX 50            | ← -0.05% | ← -0.03%           | ASX 50         |
| NZX 50            | ← -0.48% |                    | NZX 50         |



## TIN TỨC & BÌNH LUẬN ► TIN TRONG NƯỚC



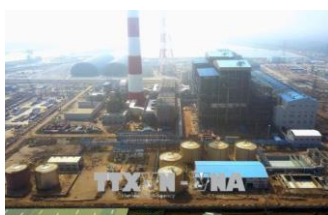
**NHNN bơm ròng 20.000 tỷ ra thị trường qua kênh tín phiếu.** Theo thống kê của chứng khoán Bảo Việt (BVSC), trong tuần qua (2/10-1/11), NHNN thực hiện bơm ròng 19.999 tỷ đồng qua thị trường mở. Cụ thể, NHNN đã phát hành mới 51.996 tỷ đồng (kỳ hạn 7 ngày với mức lãi suất duy trì ở mức 2,25%) và lượng tín phiếu đáo hạn đạt 71.995 tỷ đồng. Trên kênh OMO, NHNN không thực hiện hoạt động phát hành mới nào và không có lượng đáo hạn nào. Theo đó, hiện tại lượng tín phiếu đang lưu hành là 51.996 tỷ đồng và không có lượng OMO nào đang lưu hành. BVSC cho rằng, hoạt động bơm ròng trở lại của NHNN giúp thanh khoản hệ thống cải thiện trong tuần qua. [Xem thêm](#)

**GDP Việt Nam sẽ tăng thêm 25,4% vì lý do này.** Hãng tin Reuters dẫn lời ông Nguyễn Bích Lâm, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, cuối tháng 11 Việt Nam sẽ chính thức công bố điều chỉnh quy mô GDP giai đoạn 2011-2017. Trước đó, vào tháng 8, Tổng cục Thống kê cho biết sẽ tăng kích cỡ quy mô GDP của Việt Nam lên 25,4% nhằm đáp ứng các chuẩn mực quốc tế và phản ánh tốt hơn kích cỡ quy mô và cấu trúc nền kinh tế. Theo IMF, như vậy GDP của Việt Nam giai đoạn từ 2016-2020 sẽ được định vị tăng trưởng từ 6,5-7%, và năm 2018 sẽ là 7,0 8% khi giá trị GDP đã là 240 tỉ USD. [Xem thêm](#)



**Đồng Nai đẩy mạnh đầu tư hạ tầng xung quanh sân bay Long Thành từ quý I/2020.** UBND tỉnh Đồng Nai vừa phê duyệt các dự án hạ tầng ngoài hàng rào cảng hàng không quốc tế sân bay Long Thành. Đây là cơ sở để UBND huyện Long Thành triển khai thực hiện các dự án. Các công trình này được UBND tỉnh giao cho huyện Long Thành làm chủ đầu tư. Các dự án tái lập hạ tầng ngoài ranh giới sân bay Long Thành bao gồm cả hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Trong đó, 3 tuyến đường cần nâng cấp gồm: Tuyến An Viễn - Bàu Tre 6 dài 8,5 km; tuyến Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường dài 11 km và tuyến Cầu Mên dài 5 km. [Xem thêm](#)

**VASEP: Chi phí vận chuyển hàng hóa của các nhà xuất khẩu Việt Nam tăng 30% trong năm 2020.** VASEP dự kiến chi phí vận chuyển sẽ tăng 30% khi luật mới về hàm lượng lưu huỳnh trong nhiên liệu có hiệu lực từ ngày 1/1/2020, theo Undercurrent News. Các nhà xuất khẩu bắt đầu nhận được thông báo chi phí vận chuyển hàng hóa sẽ tăng 135 - 220 USD mỗi container trong năm mới với cước vận chuyển trên mỗi container đến Nhật Bản sẽ tăng lên 240 USD, VASEP dự đoán. VASEP ước tính hầu hết các nhiên liệu hàng hải hiện nay chứa khoảng 2,7% lưu huỳnh, do đó một lượng chi phí đáng kể sẽ phải bỏ ra để đáp ứng các qui tắc mới. [Xem thêm](#)



**Nhiệt điện Thái Bình 2 tiến tới mục tiêu đốt lửa lần đầu tổ máy số 1.** Dự án gồm hai tổ máy với tổng công suất thiết kế 1.200 MW và thuộc danh mục các dự án nguồn điện cấp bách theo Quyết định 2414/QĐ-TTg ngày 11/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Khi vận hành, dự án sẽ cung cấp cho lưới điện quốc gia khoảng 6,7 tỷ kWh điện mỗi năm, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Đến nay, dự án đã đạt được những dấu mốc trong công tác xây dựng nhà máy. Cụ thể, từ 23/9-26/9/2019, dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã hoàn thành đóng điện xung kích thành công máy biến áp T3 và tiến hành ngâm điện 72 giờ liên tục. [Xem thêm](#)

**Bộ Công Thương: Kim ngạch xuất khẩu tháng Mười giảm 0,8%.** Báo cáo của Bộ Công Thương cho thấy, trong tháng Mười, cả nước xuất khẩu khoảng 22,4 tỷ USD, giảm 0,8% so với cùng kỳ. Trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 6,88 tỷ USD, giảm 2,6% còn khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 15,52 tỷ USD, giảm 4,7%. Việc sụt giảm trên được lý giải là do Samsung kết thúc đợt đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm phiên bản mới Galaxy Note 10, do vậy đã kéo nhóm điện thoại và linh kiện giảm tới 13,5%. Tuy vậy, cộng hưởng từ những tháng trước nên sau 10 tháng, xuất khẩu của Việt Nam vẫn đạt con số rất cao, ước đạt 217,05 tỷ USD, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm 2018. [Xem thêm](#)



## TIN TỨC & BÌNH LUẬN ▶ TIN CHỨNG KHOÁN

**CII**

HOSE

Mid cap

**24.30**

EPS (ttm): 1.9

1N: -0.2%

P/E: 12.79

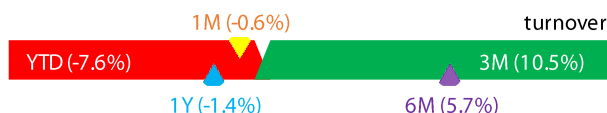
1Thg: -0.6%

BV: 21.87

YTD: -7.6%

P/B: 1.11

CII tăng sở hữu BOT Trung Lương - Mỹ Thuận lên 50%, đàm phán thương vụ 4.780 tỷ. Công ty đầu tư hạ tầng kỹ thuật TP HCM thông báo ngày 4/11 doanh nghiệp bắt đầu đàm phán với các nhà đầu tư để thực hiện một số thương vụ với tổng giá trị ước tính khoảng 4.780 tỷ đồng. Lãnh đạo CII dự kiến các thương vụ nói trên sẽ hoàn tất trong tháng 12 hoặc có thể kéo dài qua đầu tháng 1/2020. Theo nguồn tin của Người Đồng Hành, thương vụ đàm phán liên quan đến chuyển nhượng vốn đầu tư. Ngoài ra, CII cho biết đã tỷ lệ sở hữu BOT Trung Lương - Mỹ Thuận từ 10% lên 50%. CII dự kiến, doanh thu dự án sẽ đóng góp tới 40% tổng doanh thu thu phí cả nhóm trong 10 năm tới. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Xây dựng (267 cp), CII xếp hạng 4 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: ROS VCG SNZ **CII** CTD DTK PC1 CTR HBC SJG VCP

**MSN**

HOSE

Tỷ USD

**76.00**

EPS (ttm): 4.5

1N: -0.4%

P/E: 16.88

1Thg: -1.8%

BV: 28.78

YTD: -1.9%

P/B: 2.64

Masan ước doanh thu cả năm 2019 đạt khoảng 38,000 – 40,000 tỷ đồng. Lãi ròng vào khoảng từ 5,000 – 5,500 tỷ đồng. Như vậy, doanh thu quý 4 dự kiến rơi vào khoảng 11,600 -13,600 tỷ đồng và lãi ròng dao động từ 900-1,400 tỷ đồng. Sau 9 tháng đầu năm 2019, Masan ghi nhận doanh thu gần 26,4 ngàn tỷ đồng. Trong đó, doanh thu từ MCH chiếm gần 12.6 ngàn tỷ đồng, doanh thu từ MML chiếm hơn 10.1 ngàn tỷ đồng và doanh thu từ MSH chiếm 3.7 tỷ ngàn tỷ đồng. Công ty lãi ròng lũy kế hơn 4.1 ngàn tỷ đồng. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Thực phẩm (48 cp), MSN xếp hạng 2 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: VNM **MSN** MCH SBT QNS KDC VSF VSN KDF HHC VOC

**MBB**

HOSE

Tỷ USD

**23.25**

EPS (ttm): 3.2

1N: -0.2%

P/E: 7.26

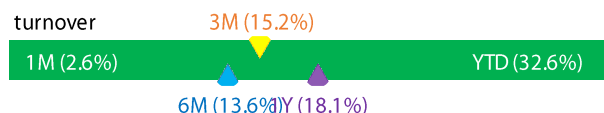
1Thg: +2.6%

BV: 15.6

YTD: +32.6%

P/B: 1.49

10 tháng, MB hoàn thành 96% kế hoạch lợi nhuận 2019. Kết thúc 10 tháng đầu năm 2019, lợi nhuận trước thuế riêng lẻ của MB đạt trên 8.000 tỷ, hoàn thành 96% kế hoạch cả năm 8.345 tỷ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào hồi cuối tháng 4 năm nay. Tính đến 31/10/2019, thu dịch vụ của MB đạt trên 1.300 tỷ đồng, tăng 55% so với cùng kỳ năm trước. Đóng góp của hoạt động dịch vụ vào tổng thu nhập của ngân hàng này ngày càng cao, chiếm khoảng 13% vào thời điểm cuối tháng 10/2019, gần gấp đôi tỷ trọng này ở năm 2016. Tăng trưởng cao về hoạt động dịch vụ về cả số tuyệt đối cũng như tỷ trọng chứng tỏ hướng đi của MB đang rất phù hợp với xu thế phát triển chung của thế giới, và góp phần không nhỏ vào chỉ tiêu lợi nhuận của MB. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Ngân hàng (18 cp), MBB xếp hạng 5 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: VCB BID TCB CTG **MBB** VPB ACB HDB EIB STB TPB

**HT1**

HOSE

Mid cap

**16.50**

EPS (ttm): 1.92

1N: -0.6%

P/E: 8.59

1Thg: +2.5%

BV: 14.7

YTD: +20.9%

P/B: 1.12

Xi măng Hà Tiên 1 trả cổ tức bằng tiền tỷ lệ 12%. CTCP Xi măng Hà Tiên 1 chốt quyền trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, tỷ lệ 12%. Với hơn 381,5 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Xi măng Hà Tiên 1 dự chi số tiền 457,9 tỷ đồng để trả cổ tức. Ngày đăng ký cuối cùng là 12/11, tương ứng với ngày giao dịch không hưởng quyền là 11/11. Ngày thanh toán là 22/11. Lũy kế 9 tháng, công ty ghi nhận doanh thu thuần và LNST tăng trưởng lần lượt 8% và 20%. Cty hoàn thành 73% kế hoạch doanh thu và 72% chỉ tiêu LN cả năm mà ĐHCĐ giao phó. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Vật liệu xây dựng & Nội thất (104 cp), HT1 xếp hạng 3 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: VCS VGC **HT1** BMP PTB NTP MBG FIC DNP VLB NNC



## TIN TỨC & BÌNH LUẬN ► TIN CHỨNG KHOÁN

**HNG**

HOSE

Large cap

**14.45**

EPS (ttm): -1.41

1N: -1.7%

P/E: n/a

1Thg: -4.9%

BV: 8.68

YTD: -9.7%

P/B: 1.66

HAGL Agico (HNG) lỗ thêm 980 tỷ trong quý 3 do sự cố ngập lụt, chuyển đổi vườn cây... **nâng lỗ lũy kế lên 1.622 tỷ đồng**. HAGL Agrico (HNG) đã công bố BCTC hợp nhất quý 3/2019 với tình hình không mấy sáng sủa, ghi nhận quý thứ 3 liên tiếp thua lỗ. Chi tiết, doanh thu Công ty ghi nhận 504 tỷ đồng, giảm gần nửa so với cùng kỳ. Lỗ ròng hợp nhất lên đến 990 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng đầu năm, Công ty thua lỗ hơn 1.741 tỷ. Tính đến ngày 30/9/2019, lỗ lũy kế HAGL Agrico là 1.622 tỷ đồng, vốn chủ ở mức 10.567 tỷ. Đây là quý thứ 3 kể từ đầu năm 2019 Công ty báo lỗ, thậm chí mức lỗ tăng mạnh. So với kế hoạch lãi trước thuế 103 tỷ đồng, HAGL Agrico đang khá xa kỳ vọng ban đầu. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Nuôi trồng nông & hải sản (55 cp), HNG xếp hạng 1 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: **HNG** VHC GTN MPC PRT HAG ANV DBC SEA ASM NSC

**TTF**

HOSE

Small cap

**2.82**

EPS (ttm): -1.24

1N: +1.4%

P/E: n/a

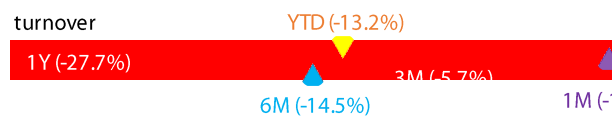
1Thg: -1.7%

BV: 0.44

YTD: -13.2%

P/B: 6.34

**Không còn thu nhập khác và chi phí tăng, Gỗ Trường Thành báo lỗ 170 tỷ quý III**. CTCP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành đạt 123 tỷ đồng doanh thu hợp nhất quý III, giảm 63% cùng kỳ. Theo giải trình, doanh thu từ hoạt động thi công lắp đặt giảm do các công trình của Vingroup và các công ty con của Vingroup đi vào giai đoạn hoàn tất. Công ty tiếp tục kinh doanh dưới giá vốn, lỗ gộp 115 tỷ đồng. Lỗ sau thuế cổ đông công ty mẹ là 170 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng, công ty ghi nhận doanh thu 422 tỷ đồng, giảm 35% và hoàn thành 34% kế hoạch năm. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Lâm sản và Chế biến gỗ (10 cp), TTF xếp hạng 2 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: VIF **TTF** MDF DLG TQN FRM PIS GTA AFC FRC

**ROS**

HOSE

Large cap

**25.00**

EPS (ttm): 0.3

1N: -0.4%

P/E: 83.71

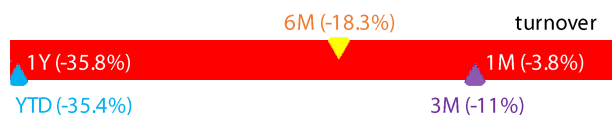
1Thg: -3.8%

BV: 10.47

YTD: -35.4%

P/B: 2.39

**FLC Faros trúng thầu dự án 700 tỉ đồng ở Gia Lai**. Công ty cổ phần Xây dựng FLC Faros vừa được Tập đoàn FLC lựa chọn làm tổng thầu thi công cho dự án tổ hợp khách sạn và nhà phố thương mại tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Quy mô dự án ước tính hơn 3 ha, tổng vốn đầu tư hơn 700 tỉ đồng. Trước đó, FLC Faros cũng trở thành tổng thầu thi công của nhiều dự án do Tập đoàn FLC làm chủ đầu tư tại các địa phương trên cả nước. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Xây dựng (267 cp), ROS xếp hạng 1 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: **ROS** VCG SNZ CII CTD DTK PC1 CTR HBC SJG VCP

**SGN**

HOSE

Mid cap

**85.70**

EPS (ttm): 8.2

1N: +0.2%

P/E: 10.45

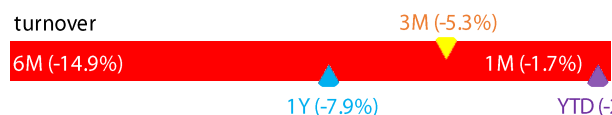
1Thg: -1.7%

BV: 21.01

YTD: -2%

P/B: 4.08

**Saigon Ground Services (SAGS) báo lãi quý 3 đạt 90 tỷ đồng, cao nhất kể từ khi chào sàn**. CTCP Phục vụ mặt đất Sài Gòn (Saigon Ground Services – SAGS – mã chứng khoán SGN) công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2019 với doanh thu thuần 391,4 tỷ đồng, tăng 22% so với cùng kỳ năm trước. Tính đến ngày 30/9, tổng tài sản của SAGS ghi nhận 1.175 tỷ đồng, tăng 22% đầu kỳ. Phần lớn tài sản nằm ở tiền, các khoản tương đương tiền (473 tỷ đồng) và tài sản cố định (403 tỷ đồng). Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn dưới 3 tháng gấp đôi đầu năm lên 300 tỷ đồng. [Xem thêm](#)



Nhóm ngành: Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng (62 cp), SGN xếp hạng 6 vốn hóa trong ngành

Chuỗi vốn hóa: ACV GMD PHP AST DL1 **SGN** NCT SGP CDN DVP TMS

**RONG VIET**  
SECURITIES



**Bản tin 6 giờ**



**Bản tin phái sinh**



**Báo cáo công ty**



**Báo cáo chiến lược**



**Báo cáo chuyên đề**



**Báo cáo thị trường chứng khoán**



**Phân tích cổ phiếu theo yêu cầu**

**DỊCH VỤ  
PHÂN TÍCH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT**

141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

+84 28 6299 2020

✉ cskh@vdsc.com.vn

🌐 www.vdsc.com.vn



# THỊ TRƯỜNG

## THỊ TRƯỜNG HÔM NAY (05/11/2019)

Top large cap tác động lên VNIndex: VHM VIC GAS VCB MBB  
Nhóm vốn hóa tỷ USD: 10 tăng giá & 4 đứng giá vs 17 giảm giá  
Diễn biến ngành trên HOSE hôm nay: 18 Tăng vs 20 Giảm

## THỊ TRƯỜNG TRONG TUẦN

VNIndex +0.86% so với cuối tuần trước  
Diễn biến ngành trên HOSE trong tuần: 23 Tăng vs 26 Giảm  
Cổ phiếu tốt nhất trong tuần: C71 TLH VRC GTN IDJ  
Cổ phiếu tệ nhất trong tuần: C69 NHH SCI VCR DTD

## XU HƯỚNG GẦN ĐÂY

Vị thế VNIndex hiện nay: tăng (kể từ đáy gần nhất 27/06)  
Diễn biến ngành trên HOSE từ 27/06: 30 Tăng vs 26 Giảm  
Cổ phiếu tốt nhất trong kỳ: MBG NHH CTR HTM SSN  
Cổ phiếu tệ nhất trong kỳ: FTM VCR MPC DRH HVH

## DÒNG TIỀN

Dòng tiền hôm nay (3 sàn): Ra (giảm)  
Dòng tiền trên HOSE: Ra (giảm)  
Dòng tiền 5 phiên (3 sàn): Ra (giảm)  
Dòng tiền 5 phiên trên HOSE: Ra (giảm)  
Top5 dòng tiền VÀO: VHM FPT VRE VJC GAS  
Top5 dòng tiền RA: ROS VNM PHR FLC HPG

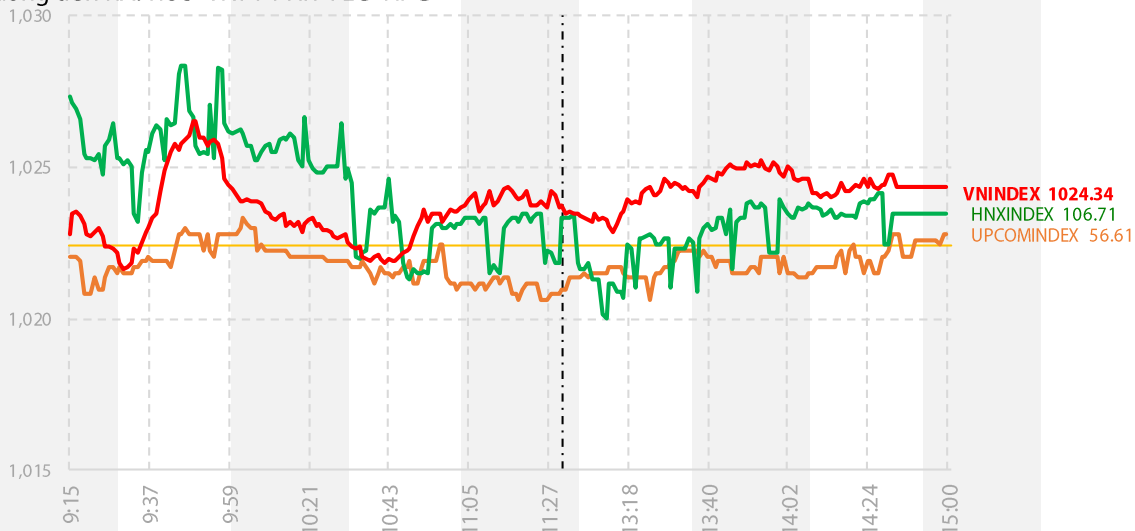
Tổng số cổ phiếu **1608**

số cổ phiếu tăng giá **313**  
giảm giá **320**

số phiên VNIndex tăng liên tiếp **3**

số phiên HNX Index tăng liên tiếp **3**

số phiên Upcom Index tăng liên tiếp **2**



| Công nghệ Thông tin | Dầu khí           | Dược phẩm và Y tế | Ngân hàng       | Tài chính          | Viễn thông |
|---------------------|-------------------|-------------------|-----------------|--------------------|------------|
| 5 tăng giá          | 5                 | 13                | 6               | 53                 | 2 tăng giá |
| 16                  | 4 đứng giá        | 30                | 5               | 59 đứng giá        | 3          |
| 8                   | 1                 | 11 giảm giá       | 7 giảm giá      | 56                 | 3          |
| Công nghiệp         | Dịch vụ Tiêu dùng | Hàng Tiêu dùng    | Nguyên vật liệu | Tiện ích Cộng đồng |            |
| 105 tăng giá        | 22                | 43                | 34              | 25 tăng giá        |            |
| 436                 | 87 đứng giá       | 142               | 99 đứng giá     | 92                 |            |
| 101                 | 18                | 56 giảm giá       | 41              | 18                 |            |

## THỊ TRƯỜNG ► **NGÀNH HOT HÔM NAY**

**Số lượng nhóm ngành HOT hôm nay (phạm vi cả 3 sàn): 0**

Tên ngành (số cp tăng giá x mức tăng b/q)

Một số nhóm ngành khác có cổ phiếu tăng tích cực

Phân phối hàng chuyên  
dụng (4 x +1.2%)

Lốp xe (3 x +1.2%)

**Nhóm ngành Hot là nhóm ngành có nhiều cổ phiếu tăng giá với mức tăng bình quân từ +5%/cp**

**Số lượng nhóm ngành HOT trong tuần này (phạm vi cả 3 sàn): 0**

Tên ngành (số cp tăng giá x mức tăng b/q so với cuối tuần trước)

Một số nhóm ngành khác có cổ phiếu tăng tích cực

Quỹ đầu tư (3 x +2.9%)

Sản xuất và Khai thác dầu  
khí (3 x +1.9%)

Phân phối hàng chuyên  
dụng (4 x +1.8%)

Sản xuất ô tô (5 x +2%)

Ngân hàng (15 x +1.9%)

**Nhóm ngành Hot là nhóm ngành có nhiều cổ phiếu tăng giá với mức tăng bình quân từ +7%/cp**

### Các nhóm ngành có diễn biến Tích cực trong tuần này

Sản xuất và Khai thác dầu khí (3 cp: 3 tăng vs 0 giảm)  
Phân phối hàng chuyên dụng (8 cp: 4+ vs 2-)  
Sản xuất ô tô (10 cp: 5+ vs 2-)  
Ngân hàng (18 cp: 15+ vs 1-)  
Quỹ đầu tư (5 cp: 3+ vs 1-)

### Các nhóm ngành có diễn biến Tiêu cực



## THỊ TRƯỜNG ► CỔ PHIẾU BỨT PHÁ

**Danh sách cổ phiếu TĂNG NÓNG (ít nhất 2 phiên liên tiếp tăng giá tối thiểu +5%/phiên): 13**



(cảnh báo)

**Đa số cp thuộc Small cap / thanh khoản Thấp**

Cơ hội lướt sóng với các mã này?

**Hãy quan tâm sớm các mã mới tăng 2 phiên**

Quý vị hãy xem chart cp cụ thể để tìm cơ hội lướt sóng cho mình

Xem khuyến nghị của chúng tôi ở Chương Giao dịch đối với các mã bồi đắp

| Stt |     |                        |                              | Nhóm ngành |       | GTTT<br>(tỷ đ) | Nhóm vốn<br>hóa | KLGD b/q<br>1 tháng | Nhóm<br>Thanh khoản | Số phiên<br>tăng giá | Thị giá | Tổng mức<br>tăng 2-3N |
|-----|-----|------------------------|------------------------------|------------|-------|----------------|-----------------|---------------------|---------------------|----------------------|---------|-----------------------|
| 1   | CDC | Chương Dương Corp      | Xây dựng                     | HOSE       | 215   | Small cap      | 358             | Thấp                | 3                   | 14.65                | 20.2%   |                       |
| 2   | CLG | Cotec Land             | Bất động sản                 | HOSE       | 64    | Small cap      | 45,215          | Thấp                | 3+                  | 3.23                 | 20.5%   |                       |
| 3   | MCG | Cơ điện và XD VN       | Xây dựng                     | HOSE       | 99    | Small cap      | 10,127          | Thấp                | 3                   | 2.03                 | 18.3%   |                       |
| 4   | POV | PV Oil Vũng Áng        | Phân phối xăng dầu & khí đốt | UPCOM      | 112   | Small cap      | 111             | Thấp                | 3+                  | 10.30                | 42.9%   |                       |
| 5   | PRO | Procimex Việt Nam      | Thực phẩm                    | UPCOM      | 16    | Small cap      | 114             | Thấp                | 3                   | 5.90                 | 41.5%   |                       |
| 6   | DXV | Xi măng & VLXD Đà Nẵng | Vật liệu xây dựng & Nội thất | HOSE       | 35    | Small cap      | 3,702           | Thấp                | 2                   | 3.77                 | 13.4%   |                       |
| 7   | NVT | Ninh Vân Bay           | Bất động sản                 | HOSE       | 656   | Small cap      | 4,967           | Thấp                | 2                   | 7.75                 | 13.8%   |                       |
| 8   | SAF | Thực Phẩm SAFOCO       | Thực phẩm                    | HNX        | 442   | Small cap      | 122             | Thấp                | 2                   | 59.80                | 16.6%   |                       |
| 9   | TKC | Địa ốc Tân Kỳ          | Xây dựng                     | HNX        | 79    | Small cap      | 2,135           | Thấp                | 2                   | 8.00                 | 13.8%   |                       |
| 10  | CC1 | TCT Xây dựng số 1      | Xây dựng                     | UPCOM      | 1,382 | Mid cap        | 176             | Thấp                | 2                   | 14.00                | 25.7%   |                       |
| 11  | HKP | Bao bì Hà Tiên         | Containers & Đóng gói        | UPCOM      | 20    | Small cap      | 100             | Thấp                | 2                   | 5.80                 | 27.1%   |                       |
| 12  | SPB | Sợi Phú Bài            | Hàng May mặc                 | UPCOM      | 150   | Small cap      | 10              | Thấp                | 2                   | 34.50                | 29.9%   |                       |
| 13  | SPV | Thủy đặc sản           | Nuôi trồng nông & hải sản    | UPCOM      | 99    | Small cap      | 519             | Thấp                | 2                   | 10.41                | 28.1%   |                       |

# THỊ TRƯỜNG ► CỔ PHIẾU TĂNG ĐÁNG CHÚ Ý

Danh sách cổ phiếu **TĂNG** đáng chú ý hôm nay (có thể kèm KLGD tăng mạnh): 10

**Cơ hội lướt sóng với các mã này?**

Quý vị hãy xem chart cp cụ thể để tìm cơ hội lướt sóng cho mình

Xem khuyến nghị của chúng tôi ở Chương Giao dịch đối với các mã bồi đắp

| Stt |            | Nhóm ngành                 |                              | GTTT<br>(tỷ đ) | Nhóm vốn<br>hóa | KLGD b/q<br>1 tháng | Nhóm<br>Thanh khoản | KLGD hôm nay<br>vs b/q 5N trước | Thị giá   | +% giá      |
|-----|------------|----------------------------|------------------------------|----------------|-----------------|---------------------|---------------------|---------------------------------|-----------|-------------|
| 1   | <b>EIB</b> | Eximbank                   | Ngân hàng                    | <b>HOSE</b>    | 20,286          | <b>Large cap</b>    | 65,606              | Trung bình                      | tăng mạnh | 17.40 5.5%  |
| 2   | <b>GTN</b> | GTNFOODS                   | Nuôi trồng nông & hải sản    | <b>HOSE</b>    | 5,100           | Mid cap             | 617,559             | <b>Cao</b>                      | tăng mạnh | 21.80 6.9%  |
| 3   | <b>HDC</b> | Phát triển Nhà BR-VT       | Bất động sản                 | <b>HOSE</b>    | 1,271           | Mid cap             | 579,090             | <b>Cao</b>                      | tăng mạnh | 22.90 4.3%  |
| 4   | <b>VRC</b> | Bất động sản và Đầu tư VRC | Bất động sản                 | <b>HOSE</b>    | 825             | Small cap           | 512,503             | <b>Cao</b>                      | tăng mạnh | 17.65 7.0%  |
| 5   | <b>NHP</b> | Sản xuất XNK NHP           | Containers & Đóng gói        | HNX            | 11              | Small cap           | 86,102              | Trung bình                      | tăng mạnh | 0.50 25.0%  |
| 6   | <b>VCS</b> | VICOSTONE                  | Vật liệu xây dựng & Nội thất | HNX            | 13,840          | <b>Large cap</b>    | 356,479             | Trung bình                      | tăng mạnh | 90.90 5.1%  |
| 7   | <b>VCP</b> | Đầu tư XD và PT Năng lượng | Xây dựng                     | UPCOM          | 2,451           | Mid cap             | 16,028              | Thấp                            | tăng mạnh | 46.31 7.7%  |
| 8   | <b>HIZ</b> | Khu công nghiệp Hồ Nai     | Bất động sản                 | UPCOM          | 137             | Small cap           | 643                 | Thấp                            |           | 20.84 13.9% |
| 9   | <b>PGV</b> | Tổng Công ty Phát điện 3   | Sản xuất & Phân phối Điện    | UPCOM          | 10,593          | Mid cap             | 1,419               | Thấp                            |           | 10.30 4.0%  |
| 10  | <b>PRT</b> | Sản xuất - XNK Bình Dương  | Nuôi trồng nông & hải sản    | UPCOM          | 4,110           | Mid cap             | 967                 | Thấp                            |           | 15.00 9.5%  |

# THỊ TRƯỜNG ► CỔ PHIẾU SALE-OFF

**(cảnh báo) Danh sách cổ phiếu Giảm mạnh (ít nhất 2 phiên liên tiếp giảm giá tối thiểu -5%/phiên): 12**



**Đa số cp thuộc Small cap / thanh khoản Thấp**

Giảm nhiều phiên quá sẽ có cơ hội bắt đáy, nhưng...

**Hãy lưu ý sớm các mã mới giảm 2 phiên**

Quý vị hãy kiểm tra có cp nào mình đang sở hữu hay không!

Xem khuyến nghị của chúng tôi ở Chương Giao dịch đối với các mã bồi đắp

| Stt |            |                                  |                       | Nhóm ngành   | GTĐT<br>(tỷ đ) | Nhóm vốn<br>hóa | KLGD b/q<br>1 tháng | Nhóm<br>Thanh khoản | Số phiên<br>giảm giá | Thị giá | Tổng mức<br>Giảm 2-3N |
|-----|------------|----------------------------------|-----------------------|--------------|----------------|-----------------|---------------------|---------------------|----------------------|---------|-----------------------|
| 1   | <b>PTL</b> | Petroland                        | Bất động sản          | <b>HOSE</b>  | 430            | Small cap       | 39,507              | Thấp                | 3+                   | 4.06    | -20.3%                |
| 2   | <b>PPP</b> | PP.Pharco                        | Dược phẩm             | <b>HNX</b>   | 110            | Small cap       | 422                 | Thấp                | 3+                   | 11.30   | -28.2%                |
| 3   | <b>PNT</b> | Kỹ thuật XD Phú Nhuận            | Xây dựng              | <b>UPCOM</b> | 63             | Small cap       | 133                 | Thấp                | 3                    | 6.00    | -40.7%                |
| 4   | <b>YBM</b> | Khoáng sản CN Yên Bái            | Khai khoáng           | <b>HOSE</b>  | 73             | Small cap       | 11,780              | Thấp                | 2                    | 4.77    | -12.9%                |
| 5   | <b>C69</b> | Xây dựng1369                     | Xây dựng              | <b>HNX</b>   | 189            | Small cap       | 335,381             | Trung bình          | 2                    | 11.40   | -18.9%                |
| 6   | <b>IVS</b> | Chứng khoán Đầu tư Việt Nam      | Môi giới chứng khoán  | <b>HNX</b>   | 700            | Small cap       | 16,400              | Thấp                | 2                    | 9.40    | -12.5%                |
| 7   | <b>WSS</b> | Chứng khoán Phố Wall             | Môi giới chứng khoán  | <b>HNX</b>   | 91             | Small cap       | 4,481               | Thấp                | 2                    | 1.70    | -10.8%                |
| 8   | <b>AGP</b> | Dược phẩm AGIMEXPHARM            | Dược phẩm             | <b>UPCOM</b> | 257            | Small cap       | 314                 | Thấp                | 2                    | 19.00   | -12.0%                |
| 9   | <b>HHV</b> | Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả | Xây dựng              | <b>UPCOM</b> | 139            | Small cap       | 2,331               | Thấp                | 2                    | 16.43   | -11.3%                |
| 10  | <b>SJM</b> | Sông Đà 19                       | Xây dựng              | <b>UPCOM</b> | 8              | Small cap       | 75,245              | Trung bình          | 2                    | 1.50    | -17.4%                |
| 11  | <b>TNS</b> | Thép tấm lá Thống Nhất           | Thép và sản phẩm thép | <b>UPCOM</b> | 48             | Small cap       | 3,117               | Thấp                | 2                    | 2.20    | -16.0%                |
| 12  | <b>VPC</b> | V- Power                         | Xây dựng              | <b>UPCOM</b> | 4              | Small cap       | 2,720               | Thấp                | 2                    | 0.60    | -26.8%                |



# THỊ TRƯỜNG ► CỔ PHIẾU GIẢM ĐÁNG LƯU Ý

**Danh sách cổ phiếu GIẢM đáng chú ý hôm nay (có thể kèm KLGD tăng mạnh): 12**



**(cảnh báo)**

**Đa số cp thuộc Small cap / thanh khoản Thấp**

(dấu hiệu) Xu hướng tiêu cực có thể bắt đầu...

**Hãy lưu ý các mã giảm mạnh hôm nay**

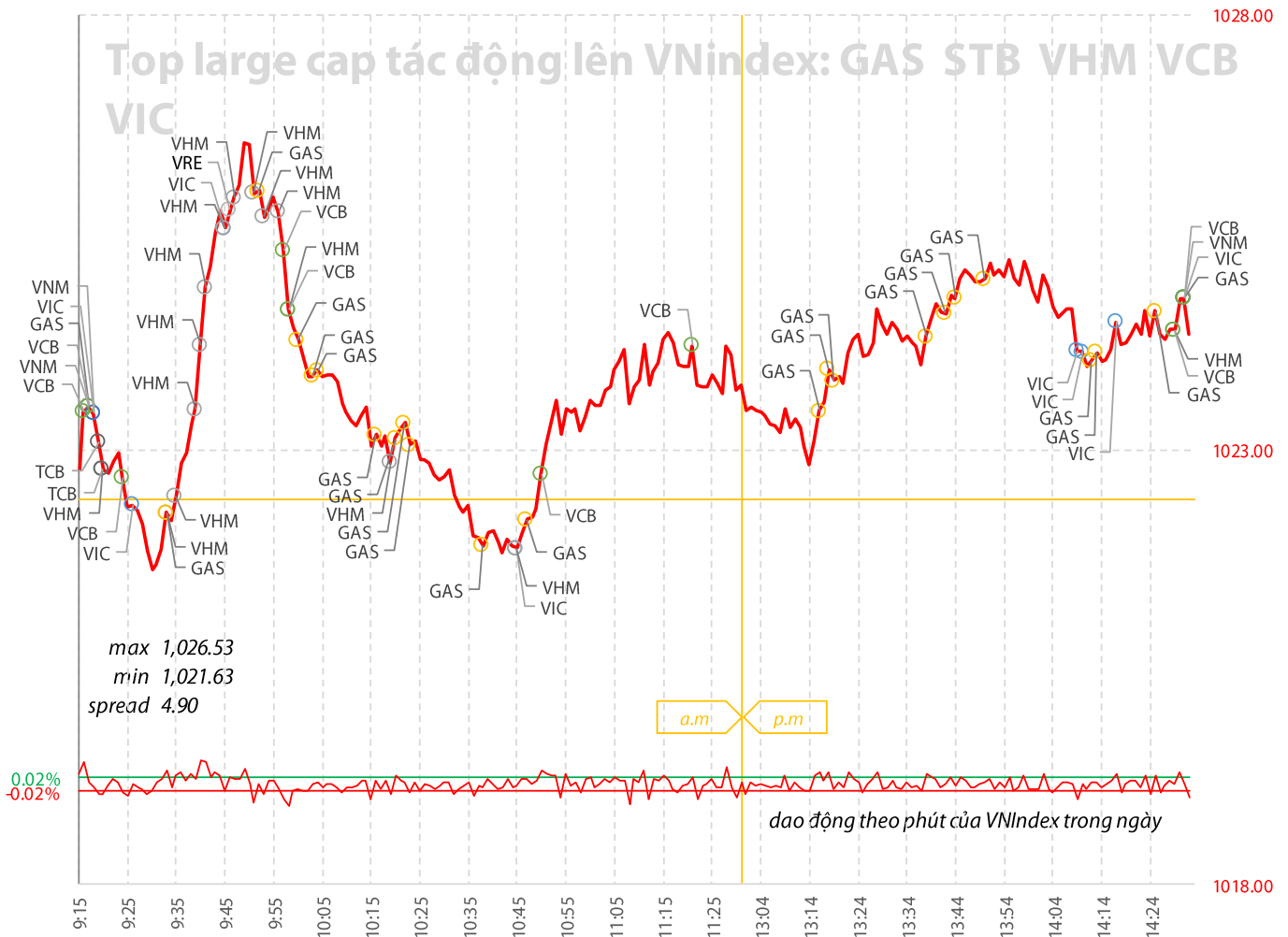
Quý vị hãy kiểm tra có cp nào mình đang sở hữu hay không!

Xem khuyến nghị của chúng tôi ở Chương Giao dịch đối với các mã bồi đắp

| Stt |            | Nhóm ngành                            |                                                | GTTT<br>(tỷ đ) | Nhóm vốn<br>hóa | KLGD b/q<br>1 tháng | Nhóm<br>Thanh khoản | KLGD hôm nay<br>vs b/q 5N trước | Thị giá   | -% giá       |
|-----|------------|---------------------------------------|------------------------------------------------|----------------|-----------------|---------------------|---------------------|---------------------------------|-----------|--------------|
| 1   | <b>CVN</b> | Vinam Group                           | Xây dựng                                       | HNX            | 114             | Small cap           | 7,029               | Thấp                            | tăng mạnh | 13.00 -5.8%  |
| 2   | <b>DTD</b> | Đầu tư Phát triển<br>Thành Đạt        | Xây dựng                                       | HNX            | 315             | Small cap           | 72,186              | Trung bình                      | tăng mạnh | 12.00 -6.3%  |
| 3   | <b>MST</b> | Xây dựng 1.1.6.8                      | Xây dựng                                       | HNX            | 124             | Small cap           | 175,178             | Trung bình                      | tăng mạnh | 3.30 -5.7%   |
| 4   | <b>SPP</b> | Bao bì Nhựa SG                        | Containers & Đóng gói                          | HNX            | 92              | Small cap           | 207,345             | Trung bình                      | tăng mạnh | 2.00 -9.1%   |
| 5   | <b>KHD</b> | Khoáng sản Hải<br>Dương               | Khai khoáng                                    | UPCOM          | 44              | Small cap           | 3,244               | Thấp                            | tăng mạnh | 21.96 -14.0% |
| 6   | <b>PVV</b> | Vinaconex 39                          | Xây dựng                                       | UPCOM          | 15              | Small cap           | 117,643             | Trung bình                      | tăng mạnh | 0.43 -13.3%  |
| 7   | <b>VPC</b> | V- Power                              | Xây dựng                                       | UPCOM          | 4               | Small cap           | 2,720               | Thấp                            | tăng mạnh | 0.60 -14.3%  |
| 8   | <b>XPH</b> | Xà phòng Hà Nội                       | Hàng cá nhân                                   | UPCOM          | 74              | Small cap           | 3,924               | Thấp                            | tăng mạnh | 5.10 -11.0%  |
| 9   | <b>TS4</b> | Thủy sản số 4                         | Nuôi trồng nông & hải sản                      | <b>HOSE</b>    | 73              | Small cap           | 14,469              | Thấp                            |           | 4.31 -5.7%   |
| 10  | <b>CET</b> | Tech - Vina                           | Hàng cá nhân                                   | HNX            | 21              | Small cap           | 1,055               | Thấp                            |           | 3.30 -5.7%   |
| 11  | <b>PCE</b> | Phân bón và Hóa chất<br>DK Miền Trung | Sản phẩm hóa dầu, Nông<br>dược & Hóa chất khác | HNX            | 102             | Small cap           | 633                 | Thấp                            |           | 9.40 -7.8%   |
| 12  | <b>SEA</b> | SEAPRODEX                             | Nuôi trồng nông & hải sản                      | UPCOM          | 1,711           | Mid cap             | 91,196              | Trung bình                      |           | 13.11 -4.2%  |

## THỊ TRƯỜNG ▶ DIỄN BIẾN TRONG PHIÊN

Diễn biến VNIndex trong ngày và tác động của các cổ phiếu vốn hóa lớn lên chỉ số



### Khải.TQ Vượt qua rung lắc

Xu hướng tăng điểm tiếp tục được kéo dài trên cả hai sàn mặc dù mức độ không còn mạnh như hai phiên trước đó. VN-Index có thêm 1.91 điểm (0.19%), đóng cửa tại 1024.24 điểm. HNX-Index tăng 0.11 điểm (0.1%), kết thúc ngày tại 106.71 điểm. Thanh khoản giảm nhẹ trên HOSE và tăng nhẹ trên HNX. Số cổ phiếu tăng và giảm gần như tương đương nhau.

Chỉ số VN30-Index tăng 0.22% nhờ các cổ phiếu như EIB (+5.5%), VRE (+2%), VHM (+2%), TCB (+1.6%), BVH (+1.6%), GAS (+1.4%) ... Phía giảm điểm đáng chú ý có VNM (-1.6%) và VCB (-1.3%).

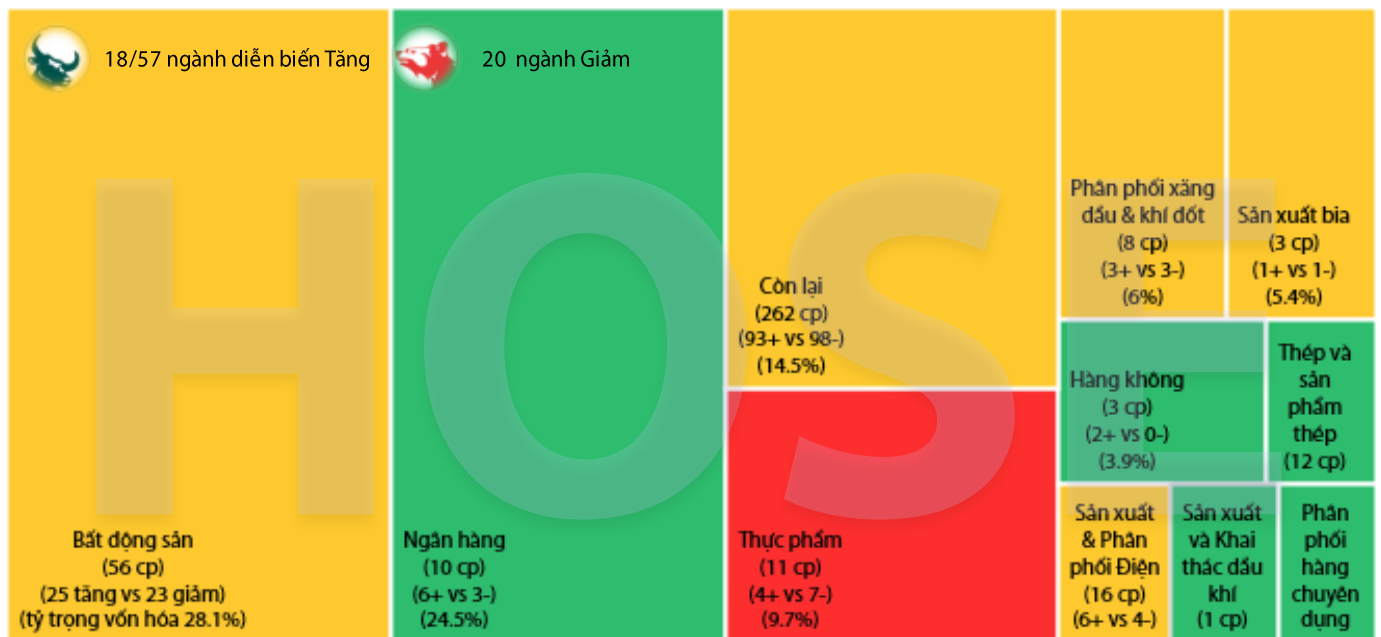
Có thể thấy nhóm cổ phiếu thuộc VinGroup và nhóm Ngân hàng vẫn đang đóng vai trò quan trọng nâng đỡ thị trường. Ngoài ra hôm nay còn ghi nhận thêm sự tích cực của các cổ phiếu Dầu khí như GAS (+1.4%), PVD (+3.7%), PVS (+3.2%), PXS (+2.2%) ...

Dòng tiền không còn tập trung duy nhất vào nhóm VN30 nữa mà đã có sự phân bổ phần nào sang các cổ phiếu Midcap và Smallcap. Các cổ phiếu thuộc hai nhóm này có mức tăng đáng kể là VRC (+7%), GTN (+6.9%), NVT (+6.9%), DRH (+6.8%), VCS (+5.1%), HDC (+4.3%), NTC (+4.2%), IJC (+3.3%), CTR (+2.2%) ... Có thể thấy nhóm cổ phiếu Bất động sản vốn hóa nhỏ đang được ưa chuộng khi có nhiều cổ phiếu tăng trần.

Khối ngoại có phiên mua ròng thứ ba liên tiếp trên HOSE nhưng với giá trị giảm dần, chỉ đạt 30 tỷ trên HOSE, tập trung vào VRE (+51.6 tỷ), VHM (+43 tỷ), TVS (+19 tỷ), VIC (+13.5 tỷ), HCM (+12.2 tỷ) ... Ở phía bán ròng, tâm điểm là VNM (-86 tỷ), VCB (-23.4 tỷ) và CTD (-14 tỷ).

# THỊ TRƯỜNG ► BIẾN ĐỘNG GIÁ HOSE HÔM NAY

**Biến động giá cp theo nhóm ngành trong ngày 05/11 trên HOSE**



57/85 nhóm ngành có cổ phiếu hiện diện trên HOSE, tỷ trọng nhóm ngành tính theo quy mô vốn hóa hiện tại

## Một số nhóm ngành khác có diễn biến Tích cực

Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng (13 cp: 9 tăng vs 1 giảm)  
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí (1 cp: 1+ vs 0-)  
Bán lẻ phức hợp (4 cp: 2+ vs 1-)  
Thiết bị y tế (1 cp: 1+ vs 0-)  
Công nghệ sinh học (2 cp: 2+ vs 0-)  
Sản xuất ô tô (7 cp: 4+ vs 3-)  
Lốp xe (3 cp: 2+ vs 1-)  
Lâm sản và Chế biến gỗ (3 cp: 2+ vs 1-)

## Một số nhóm ngành khác có diễn biến Tiêu cực

Tư vấn & Hỗ trợ KD (2 cp: 0 tăng vs 1 giảm)  
Nhà cung cấp thiết bị (1 cp: 0+ vs 1-)  
Giải trí & Truyền thông (1 cp: 0+ vs 1-)  
Khách sạn (2 cp: 0+ vs 1-)  
Nuôi trồng nông & hải sản (19 cp: 5+ vs 12-)  
Đồ gia dụng một lần (1 cp: 0+ vs 1-)  
Thiết bị gia dụng (3 cp: 1+ vs 2-)  
Hàng cá nhân (2 cp: 0+ vs 2-)

## Top10 HOSE tăng giảm giá trong ngày theo nhóm vốn hóa:

| Nhóm Tỷ USD |       |      | tổng cộng 10 tăng vs 10 giảm |       |       |
|-------------|-------|------|------------------------------|-------|-------|
| VRE         | 35.6  | 2.0% | VNM                          | 129.2 | -1.6% |
| VHM         | 97.9  | 2.0% | VCB                          | 90.8  | -1.3% |
| TCB         | 24.75 | 1.6% | NVL                          | 58.5  | -1.2% |
| BVH         | 75.2  | 1.6% | MWG                          | 125.6 | -0.4% |
| GAS         | 107   | 1.4% | MSN                          | 76    | -0.4% |
| VPB         | 22.25 | 1.1% | POW                          | 13.7  | -0.4% |
| BID         | 42.5  | 0.7% | CTG                          | 22.4  | -0.2% |
| HPG         | 21.9  | 0.7% | MBB                          | 23.25 | -0.2% |
| VJC         | 145.7 | 0.3% | FPT                          | 59.8  | -0.2% |
| PLX         | 59.7  | 0.2% | VIC                          | 121.5 | -0.2% |

| Large cap còn lại |       |      | 4 tăng vs 5 giảm |       |       |
|-------------------|-------|------|------------------|-------|-------|
| EIB               | 17.4  | 5.5% | HNG              | 14.45 | -1.7% |
| KDH               | 27.2  | 2.3% | REE              | 37.9  | -1.0% |
| TPB               | 22.55 | 0.7% | BHN              | 77    | -1.0% |
| STB               | 10.95 | 0.5% | PNJ              | 85.2  | -0.5% |
|                   |       |      | ROS              | 25    | -0.4% |

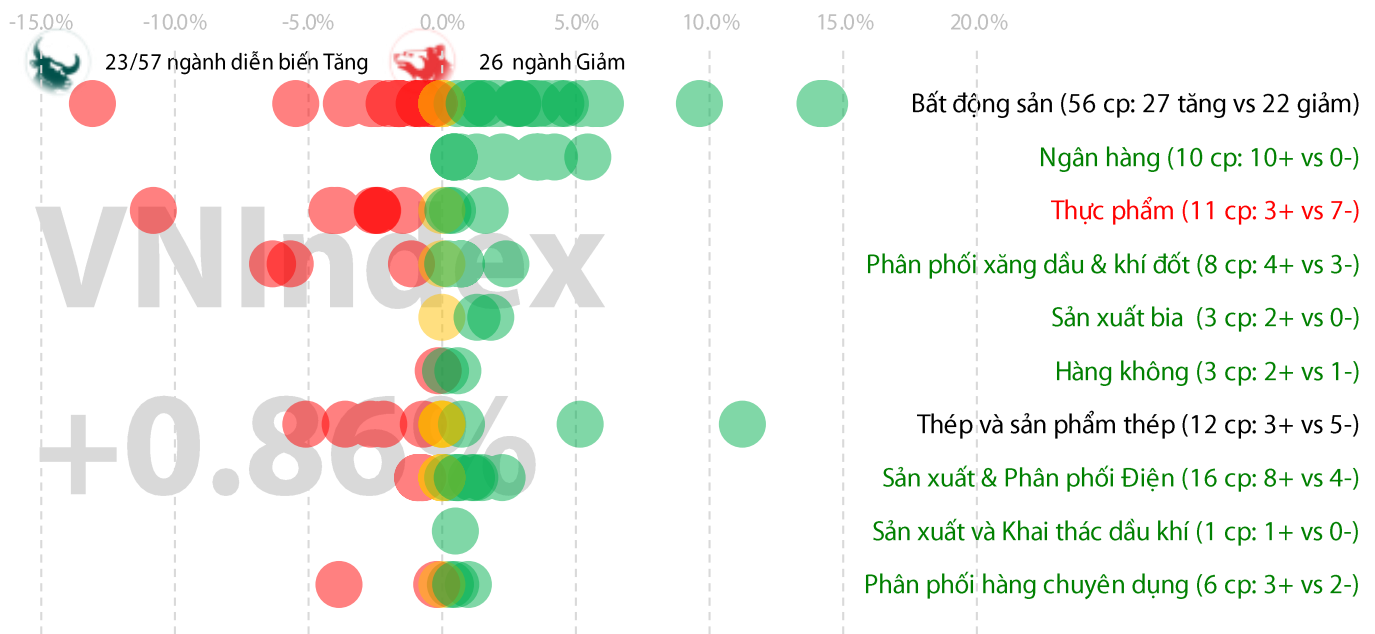
| Mid cap |       |      | 53 tăng vs 43 giảm |      |       |
|---------|-------|------|--------------------|------|-------|
| GTN     | 21.8  | 6.9% | HVG                | 5.32 | -5.3% |
| PDN     | 78    | 5.4% | OPC                | 45.5 | -4.1% |
| HDC     | 22.9  | 4.3% | NSC                | 80.5 | -3.6% |
| PVD     | 16.95 | 3.7% | MSH                | 51.9 | -3.4% |
| IJC     | 15.8  | 3.3% | THI                | 28   | -3.1% |
| BMI     | 27.15 | 2.5% | PGD                | 37   | -2.6% |
| CHP     | 20.45 | 2.3% | POM                | 5.6  | -2.6% |
| GMD     | 25.9  | 2.0% | NBB                | 21   | -2.3% |
| KDC     | 22    | 1.9% | FLC                | 4.7  | -2.3% |
| D2D     | 83.8  | 1.8% | TLG                | 45   | -2.0% |

| Small cap |       |      | 83 tăng vs 86 giảm |       |       |
|-----------|-------|------|--------------------|-------|-------|
| VRC       | 17.65 | 7.0% | TCR                | 1.75  | -6.9% |
| CLG       | 3.23  | 7.0% | ST8                | 16.3  | -6.9% |
| TPC       | 9.69  | 7.0% | SPM                | 11.85 | -6.7% |
| CDC       | 14.65 | 6.9% | PTL                | 4.06  | -6.7% |
| NAV       | 10.5  | 6.9% | AGF                | 2.88  | -6.2% |
| L10       | 22.45 | 6.9% | CLW                | 24.4  | -6.2% |
| NVT       | 7.75  | 6.9% | YBM                | 4.77  | -5.9% |
| VPS       | 10.9  | 6.9% | TS4                | 4.31  | -5.7% |
| PIT       | 3.9   | 6.8% | VDP                | 33.5  | -5.4% |
| MCG       | 2.03  | 6.8% | EMC                | 10.6  | -5.4% |



# THỊ TRƯỜNG ► SO VỚI TUẦN TRƯỚC

**Biến động giá cp theo nhóm ngành từ cuối tuần trước 01/11 đến nay trên HOSE**



57/85 nhóm ngành có cổ phiếu hiện diện trên HOSE, tỷ trọng nhóm ngành tính theo quy mô vốn hóa hiện tại

## Một số nhóm ngành khác có diễn biến Tích cực

Vận tải hành khách & Du lịch (4 cp: 2 tăng vs 1 giảm)

Thiết bị y tế (1 cp: 1+ vs 0-)

Công nghệ sinh học (2 cp: 1+ vs 1-)

Sản xuất ô tô (7 cp: 5+ vs 2-)

Hàng cá nhân (2 cp: 1+ vs 1-)

Sản xuất giấy (4 cp: 3+ vs 0-)

Bảo hiểm phi nhân thọ (3 cp: 2+ vs 0-)

Bảo hiểm nhân thọ (1 cp: 1+ vs 0-)

## Một số nhóm ngành khác có diễn biến Tiêu cực

Đồ gia dụng một lần (1 cp: 0 tăng vs 1 giảm)

Thiết bị gia dụng (3 cp: 1+ vs 2-)

Hàng May mặc (11 cp: 2+ vs 6-)

Thuốc lá (1 cp: 0+ vs 1-)

Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác (12 cp: 2+ vs 6-)

Lâm sản và Chế biến gỗ (3 cp: 1+ vs 2-)

Khai khoáng (7 cp: 0+ vs 6-)

Nước (4 cp: 1+ vs 2-)

## Top10 HOSE tăng giảm giá theo nhóm vốn hóa kể từ cuối tuần trước

| Nhóm Tỷ USD |       |      | tổng cộng 17 tăng vs 4 giảm |       |       |
|-------------|-------|------|-----------------------------|-------|-------|
| TCB         | 24.75 | 4.2% | VNM                         | 129.2 | -2.4% |
| BID         | 42.5  | 3.7% | NVL                         | 58.5  | -0.8% |
| VPB         | 22.25 | 3.5% | VIC                         | 121.5 | -0.8% |
| VHM         | 97.9  | 2.8% | HVN                         | 36.45 | -0.1% |
| GAS         | 107   | 2.4% |                             |       |       |
| VCB         | 90.8  | 2.3% |                             |       |       |
| FPT         | 59.8  | 2.2% |                             |       |       |
| BVH         | 75.2  | 1.6% |                             |       |       |
| VRE         | 35.6  | 1.6% |                             |       |       |
| MBB         | 23.25 | 1.3% |                             |       |       |

| Large cap còn lại |       |      | 8 tăng vs 2 giảm |       |       |
|-------------------|-------|------|------------------|-------|-------|
| EIB               | 17.4  | 5.5% | HNG              | 14.45 | -2.4% |
| KDH               | 27.2  | 4.6% | ROS              | 25    | -0.8% |
| PNJ               | 85.2  | 2.3% |                  |       |       |
| DHG               | 94    | 1.6% |                  |       |       |
| BHN               | 77    | 1.3% |                  |       |       |
| REE               | 37.9  | 0.7% |                  |       |       |
| STB               | 10.95 | 0.5% |                  |       |       |
| TPB               | 22.55 | 0.4% |                  |       |       |

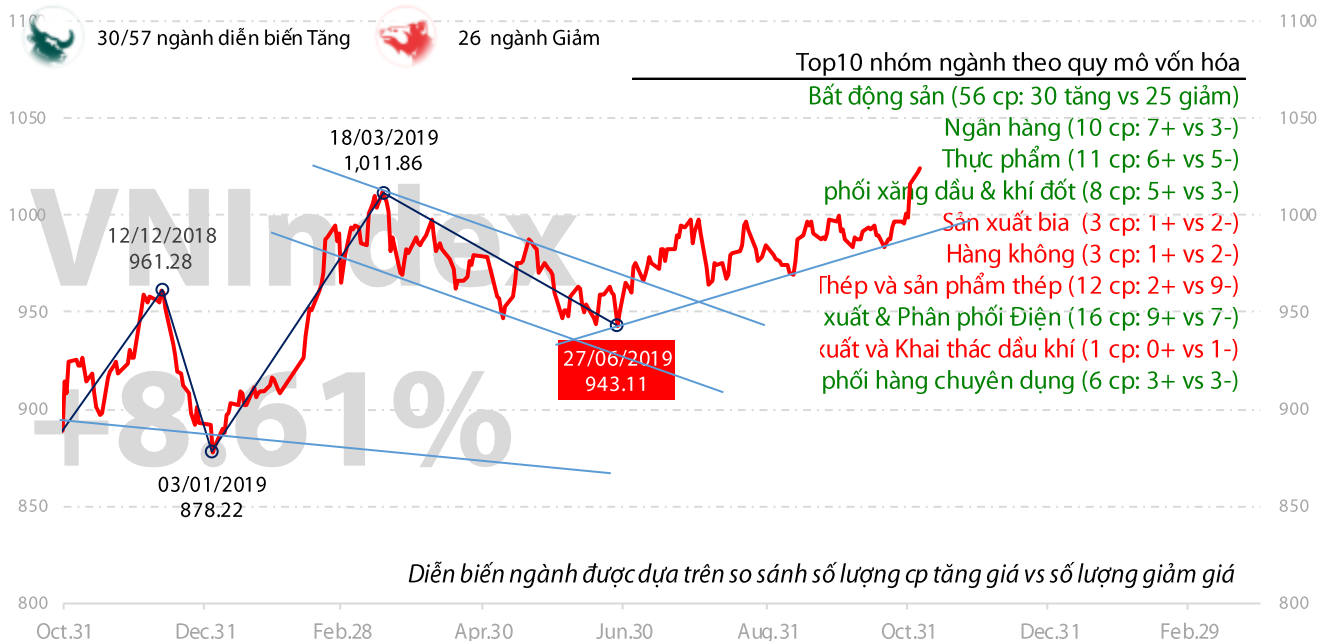
| Mid cap |       |      | 48 tăng vs 59 giảm |      |       |
|---------|-------|------|--------------------|------|-------|
| GTN     | 21.8  | 6.9% | PGD                | 37   | -6.3% |
| PDN     | 78    | 5.4% | NSC                | 80.5 | -5.2% |
| FLC     | 4.7   | 4.4% | POM                | 5.6  | -5.1% |
| HDC     | 22.9  | 4.3% | MSH                | 51.9 | -4.9% |
| IJC     | 15.8  | 3.9% | ANV                | 25.3 | -4.2% |
| HCM     | 24.8  | 3.8% | HBC                | 12.5 | -3.5% |
| LDG     | 10.65 | 3.4% | THI                | 28   | -3.4% |
| PVD     | 16.95 | 3.4% | PHR                | 57.2 | -2.6% |
| IDI     | 5.47  | 3.2% | SBT                | 18.3 | -2.4% |
| PGI     | 17    | 3.0% | HVG                | 5.32 | -2.4% |

| Small cap |       |       | 81 tăng vs 109 giảm |       |        |
|-----------|-------|-------|---------------------|-------|--------|
| NVT       | 7.75  | 14.3% | PTL                 | 4.06  | -13.1% |
| CLG       | 3.23  | 14.1% | YBM                 | 4.77  | -12.5% |
| CDC       | 14.65 | 14.0% | BTT                 | 36.1  | -10.9% |
| DXV       | 3.77  | 13.9% | LAF                 | 9.1   | -10.8% |
| MCG       | 2.03  | 12.8% | TCR                 | 1.75  | -9.8%  |
| TLH       | 4.06  | 11.2% | EMC                 | 10.6  | -9.8%  |
| AAM       | 12.5  | 10.1% | SGT                 | 5.6   | -8.8%  |
| VRC       | 17.65 | 9.6%  | LCM                 | 0.61  | -7.6%  |
| TPC       | 9.69  | 7.0%  | C47                 | 11.1  | -7.5%  |
| FUCVREIT  | 8.02  | 6.9%  | SMA                 | 12.35 | -7.1%  |

QUÝ VỊ có thể xem Top10 Giao dịch để xác định cổ phiếu nào có thể chốt lời hoặc cắt lỗ

## THỊ TRƯỜNG ▶ XU HƯỚNG HIỆN TẠI

**Biến động giá cp theo nhóm ngành từ ngày 27/06 đến nay trên HOSE**



### Một số nhóm ngành khác có diễn biến Tích cực

Tư vấn & Hỗ trợ KD (2 cp: 1 tăng vs 0 giảm)  
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí (1 cp: 1+ vs 0-)  
Khách sạn (2 cp: 2+ vs 0-)  
Dịch vụ giải trí (2 cp: 1+ vs 1-)  
Thiết bị y tế (1 cp: 1+ vs 0-)  
Sản xuất ô tô (7 cp: 4+ vs 3-)  
Lốp xe (3 cp: 2+ vs 1-)  
Đồ uống & giải khát (3 cp: 2+ vs 1-)

### Một số nhóm ngành khác có diễn biến Tiêu cực

Thiết bị văn phòng (1 cp: 0 tăng vs 1 giảm)  
Xây dựng (43 cp: 19+ vs 24-)  
Containers & Đóng gói (3 cp: 1+ vs 2-)  
Vận tải Thủy (7 cp: 2+ vs 5-)  
Nhà cung cấp thiết bị (1 cp: 0+ vs 1-)  
Bán lẻ phức hợp (4 cp: 0+ vs 4-)  
Giải trí & Truyền thông (1 cp: 0+ vs 1-)  
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa (1 cp: 0+ vs 1-)

### Top10 HOSE tăng giảm giá theo nhóm vốn hóa kể từ sau ngày 27/06/2019

| Nhóm Tỷ USD |              |              | tổng cộng 15 tăng vs 8 giảm |              |               |
|-------------|--------------|--------------|-----------------------------|--------------|---------------|
| <b>MWG</b>  | <b>125.6</b> | <b>38.0%</b> | <b>HVN</b>                  | <b>36.45</b> | <b>-11.5%</b> |
| <b>FPT</b>  | <b>59.8</b>  | <b>34.2%</b> | <b>MSN</b>                  | <b>76</b>    | <b>-7.3%</b>  |
| <b>BID</b>  | <b>42.5</b>  | <b>32.8%</b> | <b>BVH</b>                  | <b>75.2</b>  | <b>-7.0%</b>  |
| VCB         | 90.8         | 30.6%        | POW                         | 13.7         | -5.2%         |
| VHM         | 97.9         | 27.8%        | SAB                         | 260          | -3.9%         |
| TCB         | 24.75        | 22.5%        | PLX                         | 59.7         | -3.6%         |
| MBB         | 23.25        | 21.9%        | HPG                         | 21.9         | -2.9%         |
| VPB         | 22.25        | 18.0%        | NVL                         | 58.5         | -1.7%         |
| VJC         | 145.7        | 17.0%        |                             |              |               |
| GAS         | 107          | 11.7%        |                             |              |               |

| Large cap còn lại |             |              | 3 tăng vs 7 giảm |              |               |
|-------------------|-------------|--------------|------------------|--------------|---------------|
| <b>REE</b>        | <b>37.9</b> | <b>19.7%</b> | <b>ROS</b>       | <b>25</b>    | <b>-16.4%</b> |
| <b>PNJ</b>        | <b>85.2</b> | <b>19.6%</b> | <b>DHG</b>       | <b>94</b>    | <b>-12.5%</b> |
| <b>KDH</b>        | <b>27.2</b> | <b>11.0%</b> | <b>HNG</b>       | <b>14.45</b> | <b>-11.3%</b> |
|                   |             |              | EIB              | 17.4         | -7.0%         |
|                   |             |              | BHN              | 77           | -5.7%         |
|                   |             |              | STB              | 10.95        | -3.1%         |
|                   |             |              | TPB              | 22.55        | -0.7%         |

| Mid cap    |             |              | 70 tăng vs 52 giảm |              |               |
|------------|-------------|--------------|--------------------|--------------|---------------|
| <b>HVG</b> | <b>5.32</b> | <b>59.8%</b> | <b>YEG</b>         | <b>52.6</b>  | <b>-30.9%</b> |
| <b>HDC</b> | <b>22.9</b> | <b>53.2%</b> | <b>SJS</b>         | <b>14.65</b> | <b>-26.8%</b> |
| <b>IJC</b> | <b>15.8</b> | <b>50.5%</b> | <b>PAC</b>         | <b>26.5</b>  | <b>-26.0%</b> |
| BIC        | 26          | 40.6%        | CTD                | 74.5         | -24.8%        |
| DBD        | 55.1        | 29.6%        | FRT                | 40.8         | -21.8%        |
| LDG        | 10.65       | 26.9%        | STK                | 18.65        | -20.3%        |
| DRC        | 22.75       | 24.3%        | TDM                | 25.9         | -19.6%        |
| D2D        | 83.8        | 23.9%        | HAG                | 4.24         | -19.1%        |
| LGC        | 39.5        | 23.8%        | TCM                | 21.9         | -18.9%        |
| DPG        | 46          | 23.7%        | THI                | 28           | -17.6%        |

| Small cap  |             |              | 90 tăng vs 132 giảm |             |               |
|------------|-------------|--------------|---------------------|-------------|---------------|
| <b>TSC</b> | <b>3.18</b> | <b>93.9%</b> | <b>FTM</b>          | <b>3.32</b> | <b>-86.1%</b> |
| <b>CLG</b> | <b>3.23</b> | <b>67.4%</b> | <b>SFG</b>          | <b>6.94</b> | <b>-48.0%</b> |
| <b>TNA</b> | <b>18.2</b> | <b>48.0%</b> | <b>VPK</b>          | <b>1.96</b> | <b>-43.8%</b> |
| HOT        | 50.9        | 47.8%        | SBV                 | 6.7         | -43.5%        |
| JVC        | 4.18        | 45.6%        | YBM                 | 4.77        | -43.3%        |
| TCO        | 12.4        | 43.7%        | DIC                 | 1.74        | -42.0%        |
| CLW        | 24.4        | 43.5%        | GMC                 | 21.5        | -41.4%        |
| BCG        | 8           | 41.6%        | CIG                 | 1.7         | -41.4%        |
| SVI        | 70          | 40.0%        | TGG                 | 1.86        | -37.8%        |
| LAF        | 9.1         | 36.4%        | CMV                 | 10.75       | -34.5%        |

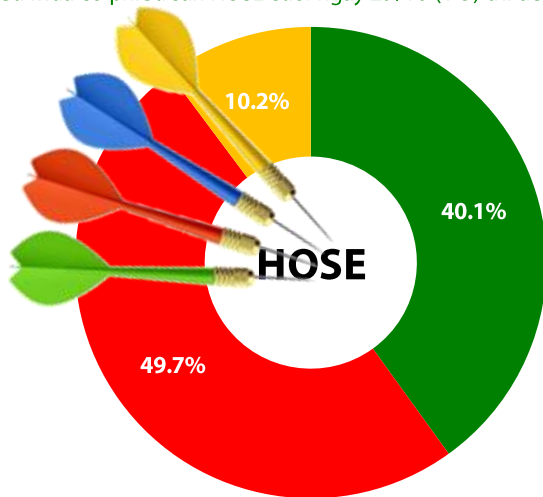
QUÝ VỊ có thể xem Top10 Giao dịch để xác định cổ phiếu nào có thể chốt lời hoặc cắt lỗ

## THỊ TRƯỜNG ► TRADING T+ DỄ HAY KHÓ?

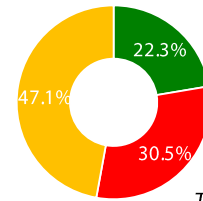
Giả sử quý vị mua NGẪU NHIÊN 1 cổ phiếu nào đó trên sàn HOSE vào cuối ngày 31/10 (T-3) thì đến cuối hôm nay, 05/11 (T) khả năng quý vị mua trúng mã tăng giá:

**40.1%**

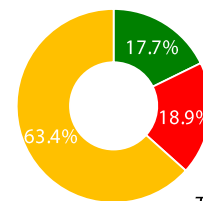
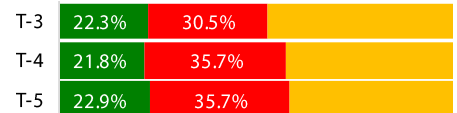
Nếu mua cổ phiếu sàn HOSE cuối ngày 29/10 (T-5) thì đến cuối hôm nay, cơ hội mua trúng mã tăng giá là 39 %



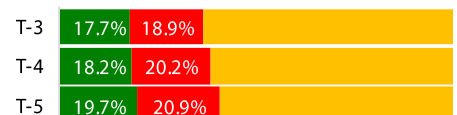
Tổng số cổ phiếu vào ngày T-3: 382



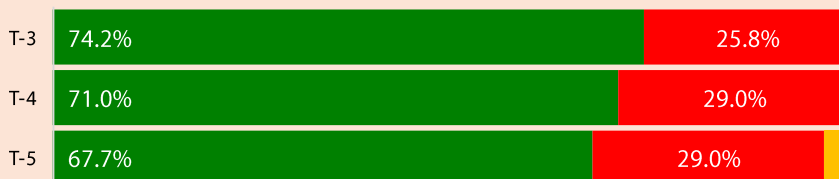
Tổng số cp ngày T-3: 367



Tổng số cp ngày T-3: 857



### Cơ hội tăng giá cho nhóm cổ phiếu vốn hóa tỷ USD



Tổng số cp ngày T-3:

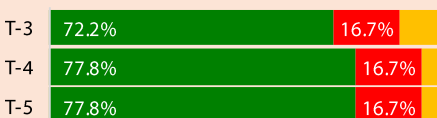
Nhóm Tỷ USD: 31

Large cap: 18

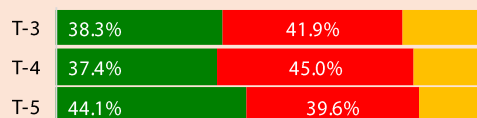
Mid cap: 222

Small cap: 1335

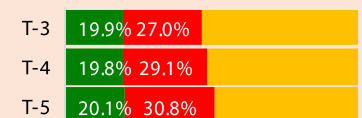
### Nhóm largecap còn lại



### Midcap

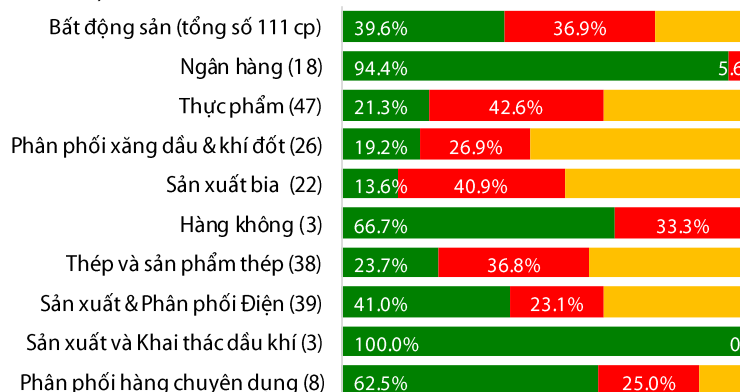


### Smallcap



### Cơ hội tăng giá của Top10 nhóm ngành

(theo quy mô vốn hóa)



### Một số nhóm ngành khác có cơ hội tăng giá cao (8)

(tổng số cp : cơ hội tăng giá T3)

- Bảo hiểm nhân thọ (1 : 100%)
- Thiết bị văn phòng (1 : 100%)
- Dịch vụ Máy tính (3 : 66.7%)
- Bảo hiểm phi nhân thọ (8 : 62.5%)
- Quỹ đầu tư (5 : 60%)
- Phần cứng (5 : 60%)
- Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí (7 : 57.1%)
- Thiết bị y tế (2 : 50%)

(hãy chú ý các nhóm có cơ hội tăng giá T-3 cao hơn 50%, nếu cả T-4 và T-5 cũng cao thì càng tốt)

# GIAO DỊCH

## Khải.TQ DỰ BÁO CHỈ SỐ VNINDEX

**Chỉ số VN-Index (1.024,34)**

Xu hướng ngắn hạn: Tăng

Hỗ trợ ngắn hạn: 1.000

Kháng cự ngắn hạn: 1.035

Xu hướng trung hạn: Tăng

Hỗ trợ trung hạn: 990

### KHUYẾN NGHỊ

Thị trường tiếp tục duy trì được trạng thái tăng điểm mặc dù rung lắc bắt đầu xuất hiện trong phiên do áp lực chốt lời. Xu hướng tăng đã hình thành, do vậy nhà đầu tư có thể tận dụng các nhịp điều chỉnh tại các ngưỡng kháng cự để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục.





## GIAO DỊCH ► NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ



### Phường.NH SÀN HSX:

VN-Index tăng 1.91 điểm (+0.19%), đóng cửa tại 1024.34 điểm. Thanh khoản không còn mạnh như 3 phiên trước và trở lại mức 172.2 triệu cổ phiếu khớp lệnh.

VN-Index tiếp tục tăng điểm phiên thứ 3 liên tiếp sau khi vượt thành công vùng kháng cự 1000 điểm; tuy nhiên đà tăng đã bị thu hẹp và chỉ còn tăng 1.91 điểm trong phiên hôm nay. Chỉ báo kỹ thuật MACD vẫn theo xu hướng tích cực, RSI tăng chậm lại trước mức 75.

Điều này cho thấy xu hướng của VN-Index vẫn đang tích cực sau khi hình thành sóng tăng mới. Hiện tại, đà tăng đã chậm lại và có thể điều chỉnh nhẹ trong phiên giao dịch tiếp theo nhưng động lực tăng giá của VN-Index vẫn còn và vẫn có thể nới rộng nhịp tăng trong ngắn hạn.



### SÀN HNX:

HNX-Index tăng 0.11 điểm (+0.1%), đóng cửa tại 106.71 điểm. Thanh khoản tăng nhẹ với 25.2 triệu cổ phiếu khớp lệnh.

HNX-Index đang thể hiện sự lưỡng lự sau khi vượt nhẹ ngưỡng 106.5 điểm. Chỉ báo kỹ thuật MACD tiếp tục có chuyển biến tích cực sau khi vượt đường tín hiệu, RSI vẫn tăng nhưng có phần lưỡng lự.

Điều này cho thấy HNX-Index đang diễn biến theo xu hướng tích cực nhưng đà tăng đang chậm lại và có thể điều chỉnh nhẹ trong thời gian gần.



**Khuyến nghị:** Mặc dù đà tăng của VN-Index đang chậm lại và có thể điều chỉnh nhẹ nhưng xu hướng chung của chỉ số vẫn đang tích cực nhờ động thái hình thành sóng tăng mới sau khi vượt vùng kháng cự 1000 điểm. Do đó, Quý nhà đầu tư tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư và xem xét giải ngân khi có mức giá tốt.

# GIAO DỊCH ▶ CẬP NHẬT XU HƯỚNG

**Tổng hợp những Bình luận về Xu hướng hiện tại của chỉ số và cổ phiếu**

**Xu hướng VNIndex hiện tại: Tăng**

| Nhóm ngành                      | Tăng    | Sideway | Giảm |
|---------------------------------|---------|---------|------|
| 1 Vật liệu xây dựng & Nội thất  | VCS     |         |      |
| 2 Xây dựng                      | PXS     |         |      |
| 3 Sản xuất và Khai thác dầu khí | BSR     |         |      |
| 4 Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí   | PVS     |         |      |
| 5 Dược phẩm                     | DHT     |         |      |
| 6 Ngân hàng                     |         | MBB     |      |
| 7 Bất động sản                  | NTC VHM |         |      |
|                                 |         |         |      |
|                                 |         |         |      |
|                                 |         |         |      |
|                                 |         |         |      |
|                                 |         |         |      |

**Một số nhận định kỹ thuật mới nhất trong ngày (9):**

|   |         |                                                                                                             |
|---|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | MBB     | Dao động tích lũy trong biên độ hẹp 22.5-23.5. Đường EMA(26) vẫn đang hỗ trợ tốt cho đà tăng.               |
| 2 | VCS     | Tích lũy một thời gian tại vùng hỗ trợ sau đó bật tăng mạnh, vượt lên EMA(26) và EMA(45)                    |
| 3 | NTC     | Đang dần khôi phục lại xu hướng tăng, đã vượt lên SMA(100)                                                  |
| 4 | PXS     | Bật tăng mạnh sau khi tích lũy tạo đáy quanh vùng 4.2                                                       |
| 5 | BSR     | Biên độ dao động đang co hẹp dần, sẽ sớm có biến động lớn. Thanh khoản cho thấy lực mua mạnh thời gian qua. |
| 6 | PVS     | Bứt phá mạnh cả về giá và khối lượng sau vài phiên đi ngang tích lũy. Đã cắt lên trên EMA(26) và EMA(45).   |
| 7 | DHT     | Đồ thị nến có dạng Spinning Top, cảnh báo có thể đảo chiều. Cần chờ xác nhận.                               |
| 8 | VHM     | Vượt đỉnh lịch sử. Xu hướng tăng vẫn đang mạnh.                                                             |
| 9 | VNIndex | Xu hướng tăng đang yếu dần do áp lực chốt lời, có thể xuất hiện rung lắc nhẹ quanh ngưỡng 1.025 điểm.       |

# GIAO DỊCH ► VỐN HÓA TỶ USD

## Bình luận về xu hướng hiện tại TOP30 nhóm vốn hóa tỷ USD

Ngày khuyến nghị cập nhật đến

06/11/2019

Tổng số cổ phiếu 30

Xu hướng Tích cực 8

Xu hướng Tiêu cực

Trung lập 17

Vốn hóa (tỷ đ) 3,297,645

Tăng 1,074,434

Giảm

Sideway 1,958,457

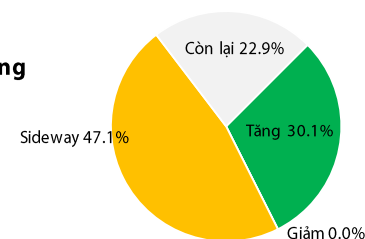
Tính riêng sàn HOSE

Tăng 1,043,426

Giảm

Sideway 1,632,076

Nhóm tỷ USD trong  
cơ cấu sàn HOSE



| STT | Ngày khuyến nghị | Diễn biến giá 5 phiên | Xu hướng hiện tại | CK          |       | Vốn hóa (tỷ đ)                | Thị giá | Mục tiêu 2 tuần | Kỳ vọng | Nhận định kỹ thuật                                                          |                                                                 |
|-----|------------------|-----------------------|-------------------|-------------|-------|-------------------------------|---------|-----------------|---------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1   | 04/11            | -0.8%                 | Tăng              | VIC<br>★🔥🔒🌀 | HOSE  | Bất động sản                  | 407,200 | 121.5           |         | Sau một thời gian sideway trong biên độ hẹp thì đã bắt đầu tăng tốc đi lên. |                                                                 |
| 2   | 24/10            | 2.3%                  | Sideway           | VCB<br>★🔒🟢🌀 | HOSE  | Ngân hàng                     | 341,217 | 90.8            |         | Xu hướng tăng vẫn duy trì, mức độ chậm và tiến về ngưỡng 90.                |                                                                 |
| 3   | 06/11            | 2.8%                  | Tăng              | VHM<br>★🔥🟢🟡 | HOSE  | Bất động sản                  | 321,553 | 97.9            |         | Vượt đỉnh lịch sử. Xu hướng tăng vẫn đang mạnh.                             |                                                                 |
| 4   | 24/10            | -2.4%                 | Sideway           | VNM<br>★🔒🟢🌀 | HOSE  | Thực phẩm                     | 228,643 | 129.2           |         | Chạm ngưỡng kháng cự 135 và điều chỉnh ngắn hạn.                            |                                                                 |
| 5   | 24/10            | 2.4%                  | Sideway           | GAS<br>★🔥🟢  | HOSE  | Phân phối xăng dầu & khí đốt  | 201,922 | 107.0           |         | Sideway trong vùng 97.5- 110, chưa có dấu hiệu bứt phá ra khỏi kênh giá.    |                                                                 |
| 6   | 01/11            | -0.2%                 | Sideway           | ACV<br>★🔥🟢🌀 | UPCOM | Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng | 174,724 | 80.0            |         | Xu hướng phục hồi tiếp tục tốt, thanh khoản có cải thiện.                   |                                                                 |
| 7   | 24/10            |                       | Sideway           | SAB<br>★🔵🔒  | HOSE  | Sản xuất bia                  | 166,733 | 260.0           |         | Xu hướng vẫn sideway xuống. Hỗ trợ gần nhất ở 230.                          |                                                                 |
| 8   | 04/11            | 3.7%                  | Sideway           | BID<br>★🔵🔒  | HOSE  | OCT15:100.200B346             | 144,270 | 42.5            |         | Kiểm tra lại vùng đỉnh cũ, kênh giá tăng vẫn đang được giữ vững             |                                                                 |
| 9   | 28/10            | -1.7%                 | Sideway           | VGI<br>★🔥🟢  | UPCOM | Viễn thông di động            | 96,181  | 31.6            |         | Sideway vùng 31-33. Chưa tỏ xu hướng.                                       |                                                                 |
| 10  | 24/10            | 0.4%                  | Sideway           | MSN<br>★🔒🟢  | HOSE  | Thực phẩm                     | 89,191  | 76.0            |         | Được hỗ trợ ở vùng 74 và có nhịp tăng ngắn hạn.                             |                                                                 |
| 11  | 04/11            | 4.2%                  | Sideway           | TCB<br>★🔥🟢  | HOSE  | OCT15:118.200B332             | 85,228  | 24.8            |         | Lướt lự sát ngưỡng 24 nhưng đang được hỗ trợ và lướt lự gần mức 23.5        |                                                                 |
| 12  | 24/10            | 0.4%                  | Sideway           | CTG<br>★🔒🟢🌀 | HOSE  | OCT15:100.229M345             | 83,590  | 22.4            | 22.5    | 0.4%                                                                        | Vừa điều chỉnh khá tích cực và chuẩn bị vào xu hướng tăng tiếp. |
| 13  | 04/11            | 1.6%                  | Tăng              | VRE<br>★🔥🟢🌀 | HOSE  | OCT15:100.206M300             | 81,276  | 35.6            |         | Vượt vùng cản 33.5 tạo nhịp hồi phục hướng về vùng kháng cự 37.5            |                                                                 |

# GIAO DỊCH ► VỐN HÓA TỶ USD

| STT | Ngày khuyến nghị | Diễn biến giá 5 phiên | Xu hướng hiện tại | CK  |       | Vốn hóa (tỷ đ)                | Thị giá | Mục tiêu 2 tuần | Kỳ vọng | Nhận định kỹ thuật                                                                                |                                                                                                                           |
|-----|------------------|-----------------------|-------------------|-----|-------|-------------------------------|---------|-----------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 14  |                  | 0.1%                  |                   | VJC | HOSE  | Hàng không                    | 76,114  | 145.7           |         |                                                                                                   |                                                                                                                           |
| 15  | 31/10            | 0.5%                  | Tăng              | PLX | HOSE  | Sản xuất và Khai thác dầu khí | 69,780  | 59.7            |         | Hình thành mô hình hai đáy tuy nhiên giá hiện tại nằm khá gần các ngưỡng kháng cự mạnh phía trên. |                                                                                                                           |
| 16  |                  | -0.2%                 |                   | VEA | UPCOM | Máy công nghiệp               | 65,162  | 49.0            |         |                                                                                                   |                                                                                                                           |
| 17  | 29/10            |                       | Tăng              | HPG | HOSE  | OCT15:149.221B317             | 60,053  | 21.9            | 23.5    | 7.3%                                                                                              | Vượt lên trên hai đường EMA(26) và EMA(45) để hình thành xu hướng tăng. KLGD có sự gia tăng mạnh mẽ trong những phiên gần |
| 18  | 31/10            | 0.3%                  | Sideway           | MWG | HOSE  | Phân phối hàng chuyên dụng    | 55,829  | 125.6           |         |                                                                                                   | Có nhiều dấu hiệu cho thấy sự suy yếu. Khả năng cao sẽ có nhịp điều chỉnh.                                                |
| 19  | 01/11            | -0.8%                 | Sideway           | NVL | HOSE  | OCT15:105.200.300             | 55,487  | 58.5            |         |                                                                                                   | Nhịp giảm điểm đang tạm dừng quanh hỗ trợ 59                                                                              |
| 20  | 24/10            | -0.4%                 | Sideway           | GVR | UPCOM | Nhựa, cao su & sợi            | 55,476  | 13.8            | 14.8    | 7.1%                                                                                              | Dấu hiệu đảo chiều sau khi tích lũy trên nền giá 13.                                                                      |
| 21  | 06/11            | 1.3%                  | Sideway           | MBB | HOSE  | OCT15:100.211B308             | 54,188  | 23.3            |         |                                                                                                   | Dao động tích lũy trong biên độ hẹp 22.5-23.5. Đường EMA(26) vẫn đang hỗ trợ tốt cho đà tăng.                             |
| 22  | 04/11            | 3.5%                  | Sideway           | VPB | HOSE  | OCT15:100.232B310             | 52,948  | 22.3            |         |                                                                                                   | Có dấu hiệu hỗ trợ gần mức 21.2, có thể sẽ tích lũy trước khi tăng trở lại                                                |
| 23  |                  | -0.1%                 |                   | MCH | UPCOM | Thực phẩm                     | 52,184  | 73.9            |         |                                                                                                   |                                                                                                                           |
| 24  | 04/11            | 1.6%                  | Tăng              | BVH | HOSE  | Bảo hiểm nhân thọ             | 51,866  | 75.2            | 79.5    | 5.7%                                                                                              | Có tín hiệu đảo chiều đi lên tại vùng hỗ trợ mạnh 71.x                                                                    |
| 25  | 04/11            | -0.1%                 | Tăng              | HVN | HOSE  | Hàng không                    | 51,697  | 36.5            |         |                                                                                                   | Nhịp hồi phục mở rộng và hướng đến vùng 38-39                                                                             |
| 26  | 24/10            | 1.7%                  |                   | ACB | HNX   | OCT15:103.200.300             | 40,750  | 24.6            |         |                                                                                                   | Sideway trong vùng 23-25 trend trung hạn. Ngắn hạn có dấu hiệu tích cực.                                                  |
| 27  | 25/10            | 2.2%                  | Sideway           | FPT | HOSE  | Phần mềm                      | 40,629  | 59.8            |         |                                                                                                   | Kiểm tra lại vùng đỉnh cũ, kênh giá tăng vẫn đang được giữ vững                                                           |
| 28  | 24/10            | 1.1%                  | Sideway           | POW | HOSE  | OCT15:100.200B318             | 32,201  | 13.7            |         |                                                                                                   | Thoát khỏi xu hướng dontrend và đang điều chỉnh.                                                                          |
| 29  | 06/11            | 2.9%                  | Tăng              | BSR | UPCOM | OCT15:128.200B344             | 31,008  | 10.0            | 10.7    | 7.0%                                                                                              | Biên độ dao động đang co hẹp dần, sẽ sớm có biến động lớn. Thanh khoản cho thấy lực mua mạnh thời gian qua.               |
| 30  |                  | -1.9%                 |                   | BCM | UPCOM | Bất động sản                  | 30,545  | 29.4            |         |                                                                                                   |                                                                                                                           |



# GIAO DỊCH ► NHÓM TĂNG VÀ GIẢM NÓNG

## Bình luận về xu hướng hiện tại 1 số cổ phiếu tăng/giảm nóng hay thuộc các nhóm ngành HOT

Danh sách bao gồm cả cổ phiếu tăng & giảm giá khác trong các ngành hot.

Ngày khuyến nghị cập nhật đến

06/11/2019

| STT | Ngày khuyến nghị | KLGD b/q 1 tháng | Xu hướng hiện tại | CK               |                              | Vốn hóa (tỷ đ) | Thị giá | Mục tiêu 2 tuần | Kỳ vọng | Nhận định kỹ thuật                                                                                          |
|-----|------------------|------------------|-------------------|------------------|------------------------------|----------------|---------|-----------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 06/11            | 4,020,999        | Sideway           | <b>MBB</b> HOSE  | OCT15:100.211B308            | 54,188         | 23.3    |                 |         | Dao động tích lũy trong biên độ hẹp 22.5-23.5. Đường EMA(26) vẫn đang hỗ trợ tốt cho đà tăng.               |
| 2   | 06/11            | 93,651           | Tăng              | <b>PXS</b> HOSE  | Xây dựng                     | 324            | 5.5     |                 |         | Bật tăng mạnh sau khi tích lũy tạo đáy quanh vùng 4.2                                                       |
| 3   | 06/11            | 679,887          | Tăng              | <b>VHM</b> HOSE  | Bất động sản                 | 321,553        | 97.9    |                 |         | Vượt đỉnh lịch sử. Xu hướng tăng vẫn đang mạnh.                                                             |
| 4   | 06/11            | 1,680,973        | Tăng              | <b>PVS</b> HNX   | Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí  | 8,938          | 19.3    | 20.3            | 5.2%    | Bứt phá mạnh cả về giá và khối lượng sau vài phiên đi ngang tích lũy. Đã cắt lên trên EMA(26) và EMA(45).   |
| 5   | 06/11            | 356,479          | Tăng              | <b>VCS</b> HNX   | Vật liệu xây dựng & Nội thất | 13,840         | 90.9    | 98.0            | 7.8%    | Tích lũy một thời gian tại vùng hỗ trợ sau đó bật tăng mạnh, vượt lên EMA(26) và EMA(45)                    |
| 6   | 06/11            | 1,966,720        | Tăng              | <b>BSR</b> UPCOM | OCT15:128.200B344            | 31,008         | 10.0    | 10.7            | 7.0%    | Biên độ dao động đang co hẹp dần, sẽ sớm có biến động lớn. Thanh khoản cho thấy lực mua mạnh thời gian qua. |
| 7   | 06/11            | 48,392           | Tăng              | <b>NTC</b> UPCOM | Bất động sản                 | 2,678          | 170.5   |                 |         | Đang dần khôi phục lại xu hướng tăng, đã vượt lên SMA(100)                                                  |
| 8   | 05/11            | 4,245,081        | Sideway           | <b>STB</b> HOSE  | OCT15:101.207M316            | 19,660         | 11.0    | 11.6            | 5.9%    | Điều chỉnh về mốc Fibonacci Retracement 50% và có dấu hiệu tăng trở lại                                     |
| 9   | 04/11            | 2,474,837        | Tăng              | <b>AAA</b> HOSE  | Nhựa, cao su & sợi           | 2,679          | 15.9    |                 |         | Xuất hiện nhịp hồi phục sau khi tạo vùng hỗ trợ 14.8 và hướng về vùng 16.5-17                               |
| 10  | 04/11            | 911,470          | Sideway           | <b>BID</b> HOSE  | OCT15:100.200B346            | 144,270        | 42.5    |                 |         | Kiểm tra lại vùng đỉnh cũ, kênh giá tăng vẫn đang được giữ vững                                             |
| 11  | 04/11            | 152,570          | Tăng              | <b>BVH</b> HOSE  | Bảo hiểm nhân thọ            | 51,866         | 75.2    | 79.5            | 5.7%    | Có tín hiệu đảo chiều đi lên tại vùng hỗ trợ mạnh 71.x                                                      |
| 12  | 04/11            | 593,563          | Tăng              | <b>CII</b> HOSE  | OCT15:136.239B331            | 6,035          | 24.3    |                 |         | Được hỗ trợ tại vùng 23.5 và hồi phục nhưng vẫn sẽ chịu áp lực cản trước ngưỡng 25.5                        |
| 13  | 04/11            | 918,868          | Tăng              | <b>HCM</b> HOSE  | Môi giới chứng khoán         | 7,562          | 24.8    | 25.8            | 4.0%    | Bật tăng mạnh từ ngưỡng hỗ trợ tạo bởi Fibonacci Retracement 50%                                            |
| 14  | 04/11            | 539,797          | Tăng              | <b>HVN</b> HOSE  | Hàng không                   | 51,697         | 36.5    |                 |         | Nhịp hồi phục mở rộng và hướng đến vùng 38-39                                                               |
| 15  | 04/11            | 1,267,718        | Giảm              | <b>KBC</b> HOSE  | Bất động sản                 | 6,718          | 14.4    |                 |         | Điều chỉnh hướng về vùng hỗ trợ 14.2                                                                        |

## GIAO DỊCH ► TOP10 TUẦN QUA

**Cổ phiếu còn tăng giá hay đã đến lúc chốt lời?**

từ 01/11 đến 05/11

**Tăng giá vs cuối tuần trước**

*Cổ phiếu có giá tối thiểu 3 ng.đ/cp + thanh khoản trung bình trở lên*

| STT | Ngày khuyến nghị | Tăng giá vs cuối tuần trước | Xu hướng hiện tại | CK  |       | KL khớp lệnh b/q 1 tháng     | Thị giá    | Mức tiêu 2 tuần | Kỳ vọng | Nhận định kỹ thuật |                                                                       |
|-----|------------------|-----------------------------|-------------------|-----|-------|------------------------------|------------|-----------------|---------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 1   |                  | 15.0%                       |                   | C71 | UPCOM | Xây dựng                     | 97,307     | 9.2             |         |                    |                                                                       |
| 2   |                  | 11.2%                       |                   | TLH | HOSE  | Thép và sản phẩm thép        | 124,982    | 4.1             |         |                    |                                                                       |
| 3   |                  | 9.6%                        |                   | VRC | HOSE  | OCT15:100.209M314            | 512,503    | 17.7            |         |                    |                                                                       |
| 4   |                  | 6.9%                        |                   | GTN | HOSE  | OCT15:116.200.300            | 617,559    | 21.8            |         |                    |                                                                       |
| 5   |                  | 6.2%                        |                   | IDJ | HNX   | Bất động sản                 | 414,145    | 6.9             |         |                    |                                                                       |
| 6   |                  | 5.5%                        |                   | EIB | HOSE  | OCT15:102.214B319            | 65,606     | 17.4            |         |                    |                                                                       |
| 7   | 06/11            | 5.5%                        | Tăng              | VCS | HNX   | Vật liệu xây dựng & Nội thất | 356,479    | 90.9            | 98.0    | 7.8%               | Tích lũy một thời gian tại vùng hỗ trợ sau đó bật tăng mạnh, vượt lên |
| 8   | 06/11            | 5.3%                        | Tăng              | PXS | HOSE  | Xây dựng                     | 93,651     | 5.5             |         |                    | Bật tăng mạnh sau khi tích lũy tạo đáy quanh vùng 4.2                 |
| 9   |                  | 4.6%                        |                   | KDH | HOSE  | Bất động sản                 | 373,390    | 27.2            |         |                    |                                                                       |
| 10  |                  | 4.4%                        |                   | FLC | HOSE  | OCT15:124.215M335            | 15,486,053 | 4.7             |         |                    |                                                                       |

**Cổ phiếu còn giảm giá hay đã đến lúc bắt đáy?**

*Cổ phiếu có giá tối thiểu 3 ng.đ/cp + thanh khoản trung bình trở lên*

| STT | Ngày khuyến nghị | Giảm giá vs cuối tuần trước | Xu hướng hiện tại | CK  |       | KL khớp lệnh b/q 1 tháng               | Thị giá   | Mức tiêu 2 tuần | Kỳ vọng | Nhận định kỹ thuật |
|-----|------------------|-----------------------------|-------------------|-----|-------|----------------------------------------|-----------|-----------------|---------|--------------------|
| 1   |                  | -18.0%                      |                   | C69 | HNX   | Xây dựng                               | 335,381   | 11.4            |         |                    |
| 2   |                  | -8.7%                       |                   | NHH | UPCOM | Nhựa, cao su & sợi                     | 99,461    | 44.2            |         |                    |
| 3   |                  | -8.6%                       |                   | SCI | HNX   | Xây dựng                               | 105,698   | 10.6            |         |                    |
| 4   |                  | -7.8%                       |                   | VCR | HNX   | Bất động sản                           | 203,199   | 16.6            |         |                    |
| 5   |                  | -6.3%                       |                   | DTD | HNX   | Xây dựng                               | 72,186    | 12.0            |         |                    |
| 6   |                  | -5.7%                       |                   | MST | HNX   | Xây dựng                               | 175,178   | 3.3             |         |                    |
| 7   |                  | -5.6%                       |                   | DS3 | HNX   | Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng          | 65,657    | 3.4             |         |                    |
| 8   |                  | -5.5%                       |                   | TLD | HOSE  | Bất động sản                           | 269,332   | 4.5             |         |                    |
| 9   |                  | -4.8%                       |                   | TSC | HOSE  | Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất | 1,200,498 | 3.2             |         |                    |
| 10  |                  | -4.5%                       |                   | TVB | HOSE  | Môi giới chứng khoán                   | 103,924   | 14.7            |         |                    |

# GIAO DỊCH ▶ TOP10 DÒNG TIỀN 5 PHIÊN

## Dòng tiền vào (tỷ đồng)

| STT | Ngày khuyến nghị | Dòng tiền 5 phiên | Xu hướng hiện tại | CK           |      | Vốn hóa (tỷ đ)               | Thị giá | Tăng/giảm giá 5 phiên | Mức tiêu 2 tuần | Kỳ vọng | Nhận định kỹ thuật                                               |                                                                  |
|-----|------------------|-------------------|-------------------|--------------|------|------------------------------|---------|-----------------------|-----------------|---------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 1   | 06/11            | 686               | Tăng              | VHM<br>★🔴➕🔴  | HOSE | Bất động sản                 | 321,553 | 97.9                  | 2.8%            |         | Vượt đỉnh lịch sử. Xu hướng tăng vẫn đang mạnh.                  |                                                                  |
| 2   |                  | 383               |                   | FPT<br>★🔴🟢🔴  | HOSE | Phần mềm                     | 40,629  | 59.8                  | 2.2%            |         |                                                                  |                                                                  |
| 3   | 04/11            | 359               | Tăng              | VRE<br>★🔴➕🔴  | HOSE | OCT15:100.206M300            | 81,276  | 35.6                  | 1.6%            |         | Vượt vùng cản 33.5 tạo nhịp hồi phục hướng về vùng kháng cự      |                                                                  |
| 4   |                  | 282               |                   | VJC<br>★🟡➕🔴  | HOSE | Hàng không                   | 76,114  | 145.7                 | 0.1%            |         |                                                                  |                                                                  |
| 5   |                  | 238               |                   | GAS<br>★🟡➕🟢  | HOSE | Phân phối xăng dầu & khí đốt | 201,922 | 107.0                 | 2.4%            |         |                                                                  |                                                                  |
| 6   | 04/11            | 220               | Tăng              | AAA<br>🔴➕🟢   | HOSE | Nhựa, cao su & sợi           | 2,679   | 15.9                  | 1.0%            |         | Xuất hiện nhịp hồi phục sau khi tạo vùng hỗ trợ 14.8 và hướng về |                                                                  |
| 7   |                  | 202               |                   | ACB<br>★🔴🟢🔴  | HNX  | OCT15:103.200.300            | 40,750  | 24.6                  | 1.7%            |         |                                                                  |                                                                  |
| 8   | 06/11            | 201               | Tăng              | PVS<br>🔴➕🟢🟢🔴 | HNX  | Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí  | 8,938   | 19.3                  | 3.8%            | 20.3    | 5.2%                                                             | Bứt phá mạnh cả về giá và khối lượng sau vài phiên đi ngang tích |
| 9   | 04/11            | 197               | Sideway           | TCB<br>★🔴➕🟢  | HOSE | OCT15:118.200B332            | 85,228  | 24.8                  | 4.2%            |         | Lướt lự sát ngưỡng 24 nhưng đang được hỗ trợ và lướt lự gần      |                                                                  |
| 10  |                  | 180               |                   | CTG<br>★🔴🟢🔴  | HOSE | OCT15:100.229M345            | 83,590  | 22.4                  | 0.4%            |         |                                                                  |                                                                  |

## Dòng tiền ra

| STT | Ngày khuyến nghị | Dòng tiền 5 phiên | Xu hướng hiện tại | CK  |       | Vốn hóa (tỷ đ)     | Thị giá | Tăng/giảm giá 5 phiên | Mức tiêu 2 tuần | Kỳ vọng | Nhận định kỹ thuật |                                                            |
|-----|------------------|-------------------|-------------------|-----|-------|--------------------|---------|-----------------------|-----------------|---------|--------------------|------------------------------------------------------------|
| 1   |                  | -1,832            |                   | ROS | HOSE  | OCT15:100.205.311  | 14,247  | 25.0                  | -0.8%           |         |                    |                                                            |
| 2   |                  | -805              |                   | VNM | HOSE  | Thực phẩm          | 228,643 | 129.2                 | -2.4%           |         |                    |                                                            |
| 3   | 31/10            | -161              | Giảm              | PHR | HOSE  | Nhựa, cao su & sợi | 7,832   | 57.2                  | -2.6%           | 55.0    | -3.8%              | Đà phục hồi bị cản mạnh tại vùng 62-63 tạo bởi SMA(200) và |
| 4   |                  | -118              |                   | FLC | HOSE  | OCT15:124.215M335  | 3,415   | 4.7                   | 4.4%            |         |                    |                                                            |
| 5   |                  | -115              |                   | HPG | HOSE  | OCT15:149.221B317  | 60,053  | 21.9                  |                 |         |                    |                                                            |
| 6   |                  | -88               |                   | VEA | UPCOM | Máy công nghiệp    | 65,162  | 49.0                  | -0.2%           |         |                    |                                                            |
| 7   | 04/11            | -86               | Giảm              | KBC | HOSE  | Bất động sản       | 6,718   | 14.4                  | -1.0%           |         |                    | Điều chỉnh hướng về vùng hỗ trợ 14.2                       |
| 8   |                  | -81               |                   | PDR | HOSE  | OCT15:114.200B303  | 8,519   | 26.0                  |                 |         |                    |                                                            |
| 9   |                  | -72               |                   | HBC | HOSE  | OCT15:100.218.325  | 2,863   | 12.5                  | -3.5%           |         |                    |                                                            |
| 10  |                  | -66               |                   | SBT | HOSE  | OCT15:148.200B326  | 11,011  | 18.3                  | -2.4%           |         |                    |                                                            |

# GIAO DỊCH ► KHUYẾN NGHỊ KỸ THUẬT

## Khuyến nghị mua bán MỚI 3 phiên (trong T3) theo tín hiệu kỹ thuật

Ngày khuyến nghị cập nhật đến

06/11/2019

Tổng số cổ phiếu 6

Khuyến nghị Mua 6

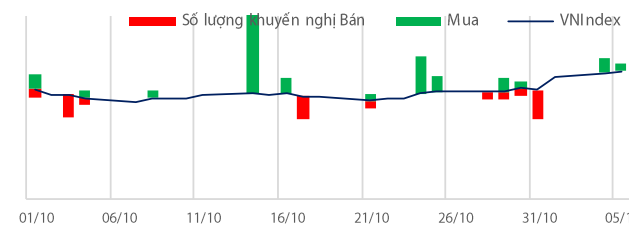
Khuyến nghị Bán

Vốn hóa (tỷ đ) 132,873

Mua 132,873

Bán

**NEW**



| STT | Ngày khuyến nghị | Diễn biến giá 5 phiên | Khuyến nghị | CK  |       | Vốn hóa (tỷ đ)               | Thị giá | Giá khuyến nghị | Mục tiêu 2 tuần | Kỳ vọng | Cắt lỗ | Nhận định kỹ thuật |                                                                                                             |
|-----|------------------|-----------------------|-------------|-----|-------|------------------------------|---------|-----------------|-----------------|---------|--------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 06/11            | 5.5%                  | Mua         | VCS | HNX   | Vật liệu xây dựng & Nội thất | 13,840  | 90.9            | 90.9            | 98.0    | 7.8%   | 85.0               | Tích lũy một thời gian tại vùng hỗ trợ sau đó bật tăng mạnh, vượt lên EMA(26) và EMA(45)                    |
| 2   | 06/11            | 2.9%                  | Mua         | BSR | UPCOM | OCT15:128.200B344            | 31,008  | 10.0            | 10.0            | 10.7    | 7.0%   | 9.5                | Biên độ dao động đang co hẹp dần, sẽ sớm có biến động lớn. Thanh khoản cho thấy lực mua mạnh thời gian qua. |
| 3   | 06/11            | 3.8%                  | Mua         | PVS | HNX   | Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí  | 8,938   | 19.3            | 19.3            | 20.3    | 5.2%   | 18.6               | Bứt phá mạnh cả về giá và khối lượng sau vài phiên đi ngang tích lũy. Đã cắt lên trên EMA(26) và EMA(45).   |
| 4   | 05/11            | 0.5%                  | Mua         | STB | HOSE  | OCT15:101.207M316            | 19,660  | 11.0            | 10.9            | 11.6    | 5.9%   | 10.6               | Điều chỉnh về mốc Fibonacci Retracement 50% và có dấu hiệu tăng trở lại                                     |
| 5   | 04/11            | 1.6%                  | Mua         | BVH | HOSE  | Bảo hiểm nhân thọ            | 51,866  | 75.2            | 74.0            | 79.5    | 5.7%   | 71.5               | Có tín hiệu đảo chiều đi lên tại vùng hỗ trợ mạnh 71.x                                                      |
| 6   | 04/11            | 3.8%                  | Mua         | HCM | HOSE  | Môi giới chứng khoán         | 7,562   | 24.8            | 23.9            | 25.8    | 4.0%   | 22.5               | Bật tăng mạnh từ ngưỡng hỗ trợ tạo bởi Fibonacci Retracement 50%                                            |



## GIAO DỊCH ► KHUYẾN NGHỊ KỸ THUẬT



Bảng theo dõi khuyến nghị Mua - Bán sau T3 theo tín hiệu kỹ thuật

| Khuyến nghị gốc (17) |                  |     |             |                 |                 | Vị thế hiện tại (41.2%) |         |                      | Cập nhật trạng thái |                   |                                                                                             |
|----------------------|------------------|-----|-------------|-----------------|-----------------|-------------------------|---------|----------------------|---------------------|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| STT                  | Ngày khuyến nghị | CK  | Khuyến nghị | Giá khuyến nghị | Mục tiêu Cắt lỗ | Vị thế                  | Thị giá | +/-%/Giá khuyến nghị | Ngày cập nhật       | Xu hướng hiện tại | Nhận định kỹ thuật                                                                          |
| 1                    | 31/10            | D2D | <b>BÁN</b>  | 83.9            | 78.0<br>86.5    | <b>Mở</b>               | 83.8    | 0.1%                 | 31/10               | Sideway           | Nhịp phục hồi bị cản mạnh tại ngưỡng Fibonacci Retracement 78.6% và đề xuất hiện            |
| 2                    | 31/10            | IDI | <b>BÁN</b>  | 5.4             | 4.9<br>5.8      | <b>Mở</b>               | 5.47    | -2.1%                | 31/10               | Giảm              | Thùng hỗ trợ mạnh 5.6 và có xu hướng giảm về đáy cũ quanh 4.8-4.9                           |
| 3                    | 31/10            | PHR | <b>BÁN</b>  | 59.0            | 55.0<br>62.5    | <b>Mở</b>               | 57.2    | 3.1%                 | 31/10               | Giảm              | Đà phục hồi bị cản mạnh tại vùng 62-63 tạo bởi SMA(200) và Fibonacci Retracement 50%        |
| 4                    | 31/10            | TIG | <b>BÁN</b>  | 4.4             | 4.1<br>4.6      | <b>Đóng</b>             | 4.7     | -6.8%                |                     |                   |                                                                                             |
| 5                    | 30/10            | MBG | <b>BÁN</b>  | 44.0            | 38.0<br>48.0    | <b>Mở</b>               | 40.8    | 7.3%                 | 30/10               | Tăng              | Đã tăng rất nóng và có phân kỳ âm với RSI, có thể đảo chiều bất kỳ lúc nào                  |
| 6                    | 30/10            | CCL | <b>MUA</b>  | 7.2             | 8.0<br>6.5      | <b>Mở</b>               | 6.89    | -3.6%                | 30/10               | Sideway           | Test thành công đường SMA(100). MACD bắt đầu cắt lên trên đường tín hiệu. Xu hướng phục     |
| 7                    | 29/10            | DXG | <b>MUA</b>  | 16.1            | 17.5<br>15.3    | <b>Mở</b>               | 15.85   | -1.6%                | 29/10               | Sideway           | Nhịp điều chỉnh có khả năng đã kết thúc và xu hướng tăng sẽ được khôi phục                  |
| 8                    | 29/10            | HPG | <b>MUA</b>  | 22.2            | 23.5<br>21.2    | <b>Mở</b>               | 21.9    | -1.4%                | 29/10               | Tăng              | Vượt lên trên hai đường EMA(26) và EMA(45) để hình thành xu hướng tăng. KLGD có sự gia tăng |
| 9                    | 29/10            | DBD | <b>BÁN</b>  | 53.2            | 50.0<br>55.5    | <b>Mở</b>               | 55.1    | -3.6%                | 29/10               | Sideway           | Có dấu hiệu hình thành mô hình hai đỉnh đảo chiều đi xuống                                  |
| 10                   | 28/10            | CII | <b>BÁN</b>  | 23.9            | 22.5<br>24.8    | <b>Mở</b>               | 24.3    | -1.7%                | 04/11               | Tăng              | Được hỗ trợ tại vùng 23.5 và hồi phục nhưng vẫn sẽ chịu áp lực cản trước ngưỡng 25.5        |
| 11                   | 25/10            | GTN | <b>MUA</b>  | 20.8            | 24.3<br>19.4    | <b>Mở</b>               | 21.8    | 4.8%                 | 25/10               | Tăng              | Vượt vùng tích lũy, có thể kiểm tra lại mức 20.2 nhưng xu hướng tăng đã hình thành          |
| 12                   | 25/10            | HT1 | <b>MUA</b>  | 16.6            | 18.0<br>15.5    | <b>Mở</b>               | 16.5    | -0.3%                | 25/10               | Tăng              | Bứt phá thành công khỏi ngưỡng kháng cự mạnh 16                                             |
| 13                   | 24/10            | ANV | <b>MUA</b>  | 26.2            | 28.5<br>25.3    | <b>Đóng</b>             | 25.3    | -3.4%                |                     |                   |                                                                                             |
| 14                   | 24/10            | CTG | <b>MUA</b>  | 21.5            | 22.5<br>20.6    | <b>Mở</b>               | 22.4    | 4.4%                 | 24/10               | Sideway           | Vừa điều chỉnh khá tích cực và chuẩn bị vào xu hướng tăng tiếp.                             |
| 15                   | 24/10            | GVR | <b>MUA</b>  | 13.6            | 14.8<br>13.0    | <b>Mở</b>               | 13.821  | 1.6%                 | 24/10               | Sideway           | Dấu hiệu đảo chiều sau khi tích lũy trên nền giá 13.                                        |
| 16                   | 24/10            | HAH | <b>Mua</b>  | 14.3            | 15.9<br>13.9    | <b>Đóng</b>             | 13.1    | -8.4%                |                     |                   |                                                                                             |
| 17                   | 24/10            | HDB | <b>MUA</b>  | 28.3            | 30.0<br>27.0    | <b>Mở</b>               | 29.5    | 4.4%                 | 24/10               | Sideway           | Dấu hiệu đảo chiều tăng ngắn hạn và tiến đến ngưỡng KH 30.                                  |

# GIAO DỊCH ► CHỨNG QUYỀN

## Thông tin về chứng quyền (15)

## (bảng 1) ITM : OTM = 11 : 4

## Thông tin về chứng khoán cơ sở (4)

|    |                                            |                                    |                         |                     |                    |                                       |                                                          |                   |       | Khuyến nghị Giao dịch |                                                       |                   |                  |                                  | Khuyến nghị Đầu tư                                                                                  |                    |                       |                |
|----|--------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------|-------------------|-------|-----------------------|-------------------------------------------------------|-------------------|------------------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------|----------------|
| CW | Loại Kỳ hạn                                | Thị giá 05/11 (PH)                 | Tăng/Giảm               | Giá thực hiện quyền | Giá t/h quyền + CW | Giá Kỳ vọng                           | Định giá CW với giả định giá cp đạt mục tiêu khi đáo hạn | Ngày GD cuối cùng | CK    | Thị giá 05/11         | VNIndex 1Thg: +3.7%                                   | Xu hướng hiện tại | Khuyến nghị      | Kỳ vọng 2 tuần                   | Nhận định kỹ thuật                                                                                  | Khuyến nghị (ngày) | Mức tiêu 1Y           | EPS -> P/E (f) |
| 1  | <b>CDPM1901</b><br>KIS<br>Chuyển đổi: 1:1  | Call 4T<br><b>1.57</b><br>(1.9)    | 1N: -7.6%<br>PH: -17.4% | 13.99 (OTM)         | 15.56              | HT: -12.3%<br><br>ĐT: +5.4%           | HT: 0<br><br>ĐT: 2.41                                    | Bỏ quyền          | 07/01 | <b>DPM</b>            | <b>13.7</b><br>1N: 0%<br>1Thg: -3.5%<br>Beta: -0.13   | Giảm 24/10        |                  |                                  | Nhịp tăng nhẹ pullback, thiếu ổn định trend tăng.                                                   | <b>Mua</b> 28/10   | 16.4<br><b>+20.1%</b> | 0.7 -> 19.1    |
| 2  | <b>CFPT1903</b><br>SSI<br>Chuyển đổi: 1:1  | Call 6T<br><b>15.30</b><br>(6)     | 1N: -0.8%<br>PH: +155%  | 46.00 (ITM)         | 61.30              | HT: -2.4%<br><br>ĐT: +14.2%           | HT: 13.8<br><br>ĐT: 24                                   | Cắt lỗ            | 26/12 | <b>FPT</b>            | <b>59.8</b><br>1N: -0.2%<br>1Thg: +5.3%<br>Beta: 1.39 | Sideway 25/10     |                  |                                  | Kiểm tra lại vùng đỉnh cũ, kênh giá tăng vẫn đang được giữ vững                                     | <b>Mua</b> 28/10   | 70.0<br>+17.1%        | 4.9 -> 12.2    |
| 3  | <b>CFPT1904</b><br>MBS<br>Chuyển đổi: 3:1  | Call 3T<br><b>2.52</b><br>(1.7)    | 1N: -0.8%<br>PH: +48.2% | 52.00 (ITM)         | 59.56              | HT: +0.4%<br><br>ĐT: +17.5%           | HT: 2.6<br><br>ĐT: 6                                     | Thực hiện quyền   | 19/11 | <b>FPT</b>            |                                                       |                   |                  |                                  |                                                                                                     |                    |                       |                |
| 4  | <b>CFPT1905</b><br>SSI<br>Chuyển đổi: 1:1  | Call 6.5T<br><b>10.75</b><br>(9.9) | 1N: -2.5%<br>PH: +8.6%  | 55.00 (ITM)         | 65.75              | HT: -9%<br><br>ĐT: +6.5%              | HT: 4.8<br><br>ĐT: 15                                    | Cắt lỗ            | 20/04 | <b>FPT</b>            |                                                       |                   |                  |                                  |                                                                                                     |                    |                       |                |
| 5  | <b>CFPT1906</b><br>HSC<br>Chuyển đổi: 5:1  | Call 6T<br><b>2.00</b><br>(1.7)    | 1N: +1%<br>PH: +17.6%   | 57.00 (ITM)         | 67.00              | HT: -10.7%<br><br>ĐT: +4.5%           | HT: 0.56<br><br>ĐT: 2.6                                  | Cắt lỗ            | 06/04 | <b>FPT</b>            |                                                       |                   |                  |                                  |                                                                                                     |                    |                       |                |
| 6  | <b>CFPT1907</b><br>VNDS<br>Chuyển đổi: 2:1 | Call 3T<br><b>4.42</b><br>(4.2)    | 1N: +0.2%<br>PH: +5.2%  | 53.00 (ITM)         | 61.84              | HT: -3.3%<br><br>ĐT: +13.2%           | HT: 3.4<br><br>ĐT: 8.5                                   | Cắt lỗ            | 07/01 | <b>FPT</b>            |                                                       |                   |                  |                                  |                                                                                                     |                    |                       |                |
| 7  | <b>CHPG1902</b><br>KIS<br>Chuyển đổi: 5:1  | Call 6T<br><b>0.08</b><br>(1)      | 1N: 0%<br>PH: -92%      | 42.00 (OTM)         | 42.40              | HT: -48.3%<br>GD: -44.6%<br>ĐT: -30%  | HT: 0<br>GD: 0<br>ĐT: 0                                  | Bỏ quyền          | 09/12 | <b>HPG</b>            | <b>21.9</b><br>1N: +0.7%<br>1Thg: +2.6%<br>Beta: 0.7  | Tăng 29/10        | <b>Mua</b> 29/10 | MT: 23.5 (+7.3%)<br>Cắt lỗ: 21.2 | Vượt lên trên hai đường EMA(26) và EMA(45) để hình thành xu hướng tăng. KLGD có sự gia tăng mạnh mẽ | <b>Mua</b> 28/10   | 29.7<br><b>+35.6%</b> | 2.9 -> 7.5     |
| 8  | <b>CHPG1905</b><br>SSI<br>Chuyển đổi: 1:1  | Call 6T<br><b>0.98</b><br>(3.3)    | 1N: 0%<br>PH: -70.3%    | 23.10 (OTM)         | 24.08              | HT: -9.1%<br>GD: -2.4%<br>ĐT: +23.3%  | HT: 0<br>GD: 0.4<br>ĐT: 6.6                              | Bỏ quyền          | 26/12 | <b>HPG</b>            |                                                       |                   |                  |                                  |                                                                                                     |                    |                       |                |
| 9  | <b>CHPG1906</b><br>KIS<br>Chuyển đổi: 2:1  | Call 3T<br><b>0.03</b><br>(1.5)    | 1N: 0%<br>PH: -98%      | 28.09 (OTM)         | 28.15              | HT: -22.2%<br>GD: -16.5%<br>ĐT: +5.5% | HT: 0<br>GD: 0<br>ĐT: 0.81                               | Bỏ quyền          | 14/11 | <b>HPG</b>            |                                                       |                   |                  |                                  |                                                                                                     |                    |                       |                |
| 10 | <b>CHPG1907</b><br>SSI<br>Chuyển đổi: 1:1  | Call 6.5T<br><b>4.20</b><br>(4.2)  | 1N: +15.1%<br>PH: 0%    | 21.00 (ITM)         | 25.20              | HT: -13.1%<br>GD: -6.7%<br>ĐT: +17.9% | HT: 0.9<br>GD: 2.5<br>ĐT: 8.7                            | Cắt lỗ            | 20/04 | <b>HPG</b>            |                                                       |                   |                  |                                  |                                                                                                     |                    |                       |                |
| 11 | <b>CMBB1902</b><br>HSC<br>Chuyển đổi: 1:1  | Call 6T<br><b>3.95</b><br>(3.2)    | 1N: -2.2%<br>PH: +23.4% | 21.80 (ITM)         | 25.75              | HT: -9.7%<br><br>ĐT: +10.7%           | HT: 1.45<br><br>ĐT: 6.7                                  | Cắt lỗ            | 13/12 | <b>MBB</b>            | <b>23.3</b><br>1N: -0.2%<br>1Thg: +2.6%<br>Beta: 1.34 | Sideway 06/11     |                  |                                  | Dao động tích lũy trong biên độ hẹp 22.5-23.5. Đường EMA(26) vẫn đang hỗ trợ tốt cho đà tăng.       | <b>Mua</b> 28/10   | 28.5<br><b>+22.6%</b> | 3.1 -> 7.5     |
| 12 | <b>CMBB1903</b><br>SSI<br>Chuyển đổi: 1:1  | Call 6.5T<br><b>3.98</b><br>(4)    | 1N: -1.5%<br>PH: -0.5%  | 22.00 (ITM)         | 25.98              | HT: -10.5%<br><br>ĐT: +9.7%           | HT: 1.25<br><br>ĐT: 6.5                                  | Cắt lỗ            | 20/04 | <b>MBB</b>            |                                                       |                   |                  |                                  |                                                                                                     |                    |                       |                |
| 13 | <b>CMBB1904</b><br>SSI<br>Chuyển đổi: 1:1  | Call 3.5T<br><b>3.11</b><br>(2.9)  | 1N: -6.6%<br>PH: +7.2%  | 22.00 (ITM)         | 25.11              | HT: -7.4%<br><br>ĐT: +13.5%           | HT: 1.25<br><br>ĐT: 6.5                                  | Cắt lỗ            | 20/01 | <b>MBB</b>            |                                                       |                   |                  |                                  |                                                                                                     |                    |                       |                |
| 14 | <b>CMBB1905</b><br>HSC<br>Chuyển đổi: 2:1  | Call 6T<br><b>1.74</b><br>(1.7)    | 1N: -2.2%<br>PH: +2.4%  | 23.00 (ITM)         | 26.48              | HT: -12.2%<br><br>ĐT: +7.6%           | HT: 0.13<br><br>ĐT: 2.75                                 | Cắt lỗ            | 06/04 | <b>MBB</b>            |                                                       |                   |                  |                                  |                                                                                                     |                    |                       |                |
| 15 | <b>CMBB1906</b><br>VNDS<br>Chuyển đổi: 2:1 | Call 3T<br><b>2.27</b><br>(2.1)    | 1N: -1.3%<br>PH: +8.1%  | 20.00 (ITM)         | 24.54              | HT: -5.3%<br><br>ĐT: +16.1%           | HT: 1.63<br><br>ĐT: 4.25                                 | Cắt lỗ            | 07/01 | <b>MBB</b>            |                                                       |                   |                  |                                  |                                                                                                     |                    |                       |                |

PH: giá phát hành CW, HT: giá cp hiện tại, GD: giá mục tiêu cp theo PTKT, ĐT: giá mục tiêu cp theo PTCB

Những tính toán bên trên chưa bao gồm các loại phí và thuế...

Quyền chỉ được thực hiện khi trạng thái là ITM, trường hợp ở trạng thái OTM hoặc ATM, quyền tự động bị hủy.

Do đó nếu muốn nắm CW đến đáo hạn, chỉ nên theo dõi các mã có trạng thái ITM.

Thông tin về chứng quyền (15)

**(bảng 2) ITM : OTM = 13 : 2**

Thông tin về chứng khoán cơ sở (7)

Khuyến nghị Giao dịch

Khuyến nghị Đầu tư

| CW                                            | Loại Kỳ hạn | Thị giá 05/11 (PH)    | Tăng/Giảm                | Giá thực hiện quyền | Giá t/h quyền + CW | Giá Kỳ vọng             | Định giá CW với giá định giá cp đạt mục tiêu khi đáo hạn | Ngày GD cuối cùng | CK    | Thị giá 05/11 | VNIndex 1Thg: +3.7%                                    | Xu hướng hiện tại | Khuyến nghị         | Kỳ vọng 2 tuần                      | Nhận định kỹ thuật                                                         | Khuyến nghị (ngày)       | Mức tiêu 1Y    | EPS -> P/E (f) |
|-----------------------------------------------|-------------|-----------------------|--------------------------|---------------------|--------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------|-------------------|-------|---------------|--------------------------------------------------------|-------------------|---------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------|----------------|
| 16 <b>CMSN1901</b><br>KIS<br>Chuyển đổi: 5:1  | Call 3T     | <b>0.12</b><br>(1.92) | 1N: -40%<br>PH: -93.8%   | 88.89<br>(OTM)      | 89.49              | HT: -15.1%              | HT: 0                                                    | Bỏ quyền          | 14/11 | <b>MSN</b>    | <b>76.0</b><br>1N: -0.4%<br>1Thg: -1.8%<br>Beta: 1.29  | Sideway 24/10     |                     |                                     | Được hỗ trợ ở vùng 74 và có nhịp tăng ngắn hạn.                            |                          |                |                |
| 17 <b>CMWG1902</b><br>VNDS<br>Chuyển đổi: 4:1 | Call 6T     | <b>8.91</b><br>(2.99) | 1N: -1%<br>PH: +198%     | 90.00<br>(ITM)      | 125.64             | HT: 0%                  | HT: 8.9                                                  | Cắt lỗ            | 09/12 | <b>MWG</b>    | <b>125.6</b><br>1N: -0.4%<br>1Thg: +2.1%<br>Beta: 0.57 | Sideway 31/10     |                     |                                     | Có nhiều dấu hiệu cho thấy sự suy yếu. Khả năng cao sẽ có nhịp điều chỉnh. | <b>Mua</b><br>28/10      | 167.0<br>+33%  | 8.6 -><br>14.7 |
| 18 <b>CMWG1903</b><br>HSC<br>Chuyển đổi: 5:1  | Call 6T     | <b>6.50</b><br>(2.7)  | 1N: 0%<br>PH: +140.7%    | 95.00<br>(ITM)      | 127.50             | HT: -1.5%               | HT: 6.12                                                 | Cắt lỗ            | 24/12 | <b>MWG</b>    |                                                        |                   |                     |                                     |                                                                            |                          |                |                |
| 19 <b>CMWG1904</b><br>SSI<br>Chuyển đổi: 1:1  | Call 6T     | <b>38.30</b><br>(14)  | 1N: +0%<br>PH: +173.6%   | 90.00<br>(ITM)      | 128.30             | HT: -2.1%               | HT: 35.6                                                 | Cắt lỗ            | 26/12 | <b>MWG</b>    |                                                        |                   |                     |                                     |                                                                            |                          |                |                |
| 20 <b>CMWG1905</b><br>VCSC<br>Chuyển đổi: 5:1 | Call 3T     | <b>6.70</b><br>(5.6)  | 1N: +5.2%<br>PH: +19.6%  | 94.00<br>(ITM)      | 127.50             | HT: -1.5%               | HT: 6.32                                                 | Cắt lỗ            | 05/12 | <b>MWG</b>    |                                                        |                   |                     |                                     |                                                                            |                          |                |                |
| 21 <b>CMWG1906</b><br>MBS<br>Chuyển đổi: 5:1  | Call 3T     | <b>2.50</b><br>(2.85) | 1N: -0.4%<br>PH: -12.3%  | 120.90<br>(ITM)     | 133.40             | HT: -5.8%               | HT: 0.94                                                 | Cắt lỗ            | 12/12 | <b>MWG</b>    |                                                        |                   |                     |                                     |                                                                            |                          |                |                |
| 22 <b>CMWG1907</b><br>HSC<br>Chuyển đổi: 10:1 | Call 6T     | <b>1.90</b><br>(1.9)  | 1N: -5%<br>PH: 0%        | 125.00<br>(ITM)     | 144.00             | HT: -12.8%              | HT: 0.06                                                 | Cắt lỗ            | 06/04 | <b>MWG</b>    |                                                        |                   |                     |                                     |                                                                            |                          |                |                |
| 23 <b>CNVL1901</b><br>KIS<br>Chuyển đổi: 4:1  | Call 5T     | <b>1.77</b><br>(1.9)  | 1N: -7.3%<br>PH: -6.8%   | 62.09<br>(OTM)      | 69.17              | HT: -15.4%              | HT: 0                                                    | Bỏ quyền          | 05/02 | <b>NVL</b>    | <b>58.5</b><br>1N: -1.2%<br>1Thg: -8%<br>Beta: n/a     | Sideway 01/11     |                     |                                     | Nhịp giảm điểm đang tạm dừng quanh hỗ trợ 59                               |                          |                |                |
| 24 <b>CREE1901</b><br>MBS<br>Chuyển đổi: 3:1  | Call 3T     | <b>0.44</b><br>(1.26) | 1N: -15.4%<br>PH: -65.1% | 37.55<br>(ITM)      | 38.87              | HT: -2.5%               | HT: 0.12                                                 | Cắt lỗ            | 19/11 | <b>REE</b>    | <b>37.9</b><br>1N: -1%<br>1Thg: +1.3%<br>Beta: 1.1     | Tăng 30/10        |                     |                                     | Điều chỉnh kết thúc, xu hướng tăng ngắn hạn hình thành                     | <b>Mua</b><br>28/10      | 43.3<br>+14.2% | 5.2 -><br>7.3  |
| 25 <b>CREE1902</b><br>SSI<br>Chuyển đổi: 1:1  | Call 3.5T   | <b>5.12</b><br>(5.6)  | 1N: -0.4%<br>PH: -8.6%   | 36.00<br>(ITM)      | 41.12              | HT: -7.8%               | HT: 1.9                                                  | Cắt lỗ            | 20/01 | <b>REE</b>    |                                                        |                   |                     |                                     |                                                                            |                          |                |                |
| 26 <b>CREE1903</b><br>SSI<br>Chuyển đổi: 1:1  | Call 6.5T   | <b>7.53</b><br>(7.6)  | 1N: -1.1%<br>PH: -0.9%   | 36.00<br>(ITM)      | 43.53              | HT: -12.9%              | HT: 1.9                                                  | Cắt lỗ            | 20/04 | <b>REE</b>    |                                                        |                   |                     |                                     |                                                                            |                          |                |                |
| 27 <b>CREE1904</b><br>VNDS<br>Chuyển đổi: 2:1 | Call 3T     | <b>3.25</b><br>(3.4)  | 1N: +0.6%<br>PH: -4.4%   | 34.00<br>(ITM)      | 40.50              | HT: -6.4%               | HT: 1.95                                                 | Cắt lỗ            | 07/01 | <b>REE</b>    |                                                        |                   |                     |                                     |                                                                            |                          |                |                |
| 28 <b>CSTB1901</b><br>KIS<br>Chuyển đổi: 1:1  | Call 4T     | <b>1.40</b><br>(1.39) | 1N: -5.4%<br>PH: +0.7%   | 10.89<br>(ITM)      | 12.29              | HT: -10.9%<br>GD: -5.6% | HT: 0.06<br>GD: 0.71                                     | Cắt lỗ            | 07/01 | <b>STB</b>    | <b>11.0</b><br>1N: +0.5%<br>1Thg: +5.3%<br>Beta: 0.82  | Sideway 05/11     | <b>Mua</b><br>05/11 | MT: 11.6<br>(+5.9%)<br>Cắt lỗ: 10.6 | Điều chỉnh về mốc Fibonacci Retracement 50% và có dấu hiệu tăng trở lại    |                          |                |                |
| 29 <b>CTCB1901</b><br>MBS<br>Chuyển đổi: 2:1  | Call 3T     | <b>1.72</b><br>(1.68) | 1N: +3.6%<br>PH: +2.4%   | 23.50<br>(ITM)      | 26.94              | HT: -8.1%               | HT: 0.63                                                 | Cắt lỗ            | 15/01 | <b>TCB</b>    | <b>24.8</b><br>1N: +1.6%<br>1Thg: +4.9%<br>Beta: 1.28  | Sideway 04/11     |                     |                                     | Lường lự sát ngưỡng 24 nhưng đang được hỗ trợ và lường lự gần mức 23.5     | <b>Tích lũy</b><br>07/08 |                |                |
| 30 <b>CVHM1901</b><br>KIS<br>Chuyển đổi: 4:1  | Call 5T     | <b>4.89</b><br>(3.1)  | 1N: +7%<br>PH: +57.7%    | 89.89<br>(ITM)      | 109.45             | HT: -10.6%              | HT: 2                                                    | Cắt lỗ            | 05/02 | <b>VHM</b>    | <b>97.9</b><br>1N: +2%<br>1Thg: +9.8%<br>Beta: 2.04    | Tăng 06/11        |                     |                                     | Vượt đỉnh lịch sử. Xu hướng tăng vẫn đang mạnh.                            | <b>Khả quan</b><br>26/08 | 102.0<br>+4.2% | 6.1 -><br>16.2 |

PH: giá phát hành CW, HT: giá cp hiện tại, GD: giá mục tiêu cp theo PTKT, ĐT: giá mục tiêu cp theo PTCB

Những tính toán bên trên chưa bao gồm các loại phí và thuế...

Quyền chỉ được thực hiện khi trạng thái là ITM, trường hợp ở trạng thái OTM hoặc ATM, quyền tự động bị hủy.

Do đó nếu muốn nắm CW đến đáo hạn, chỉ nên theo dõi các mã có trạng thái ITM.

# GIAO DỊCH ► CHỨNG QUYỀN

## Thông tin về chứng quyền (11)

## (bảng 3) ITM : OTM = 6 : 5

## Thông tin về chứng khoán cơ sở (5)

|    |                                  |                     |                          |                     |                    |             |                                                          |                   |       | Khuyến nghị Giao dịch |                   |                                        |                |                    | Khuyến nghị Đầu tư                                                          |                     |                |             |
|----|----------------------------------|---------------------|--------------------------|---------------------|--------------------|-------------|----------------------------------------------------------|-------------------|-------|-----------------------|-------------------|----------------------------------------|----------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------|-------------|
|    |                                  |                     |                          |                     |                    |             |                                                          |                   |       | VNIndex 1Thg: +3.7%   |                   |                                        |                |                    |                                                                             |                     |                |             |
| CW | Loại Kỳ hạn                      | Thị giá 05/11 (PH)  | Tăng/Giảm                | Giá thực hiện quyền | Giá t/h quyền + CW | Giá Kỳ vọng | Định giá CW với giả định giá cp đạt mục tiêu khi đáo hạn | Ngày GD cuối cùng | CK    | Thị giá 05/11         | Xu hướng hiện tại | Khuyến nghị                            | Kỳ vọng 2 tuần | Nhận định kỹ thuật | Khuyến nghị (ngày)                                                          | Mục tiêu 1Y         | EPS -> P/E (f) |             |
| 31 | CVHM1902 SSI<br>Chuyển đổi: 1:1  | Call 6.5T<br>(18.6) | 1N: +8.5%<br>PH: +25.6%  | 85.00 (ITM)         | 108.36             | HT: -9.7%   | HT: 12.9                                                 | Cắt lỗ            | 20/04 | VHM                   | 97.9              | 1N: +2%<br>1Thg: +9.8%<br>Beta: 2.04   | Tăng           | 06/11              | Vượt đỉnh lịch sử. Xu hướng tăng vẫn đang mạnh.                             | Khả quan 26/08 (#1) | 102.0 +4.2%    | 6.1 -> 16.2 |
| 32 | CVIC1901 KIS<br>Chuyển đổi: 5:1  | Call 3T<br>(1.96)   | 1N: -33.3%<br>PH: -95.9% | 140.89 (OTM)        | 141.29             | HT: -14%    | HT: 0                                                    | Bỏ quyền          | 14/11 | VIC                   | 121.5             | 1N: -0.2%<br>1Thg: +3%<br>Beta: 0.95   | Tăng           | 04/11              | Sau một thời gian sideway trong biên độ hẹp thì đã bắt đầu tăng tốc đi lên. | Giảm 28/10          | 106.7 -12.2%   | 1.6 -> 77.2 |
| 33 | CVIC1902 SSI<br>Chuyển đổi: 1:1  | Call 6.5T<br>(22.7) | 1N: -4.7%<br>PH: -5.3%   | 115.00 (ITM)        | 136.50             | HT: -11%    | HT: 6.5                                                  | Cắt lỗ            | 20/04 | VIC                   |                   |                                        |                |                    |                                                                             |                     |                |             |
| 34 | CVJC1901 KIS<br>Chuyển đổi: 10:1 | Call 5T<br>(1.8)    | 1N: +0.7%<br>PH: +56.7%  | 145.68 (ITM)        | 173.88             | HT: -16.2%  | HT: 0                                                    | Cắt lỗ            | 26/02 | VJC                   | 145.7             | 1N: +0.3%<br>1Thg: +5.9%<br>Beta: 0.47 |                |                    |                                                                             | Nắm giữ 01/11       | 138.0 -5.3%    | 10 -> 14.6  |
| 35 | CVJC1902 SSI<br>Chuyển đổi: 1:1  | Call 6.5T<br>(27.9) | 1N: +0%<br>PH: +11.5%    | 130.00 (ITM)        | 161.10             | HT: -9.6%   | HT: 15.7                                                 | Cắt lỗ            | 20/04 | VJC                   |                   |                                        |                |                    |                                                                             |                     |                |             |
| 36 | CVNM1901 KIS<br>Chuyển đổi: 10:1 | Call 6T<br>(1.2)    | 1N: -17.1%<br>PH: -71.7% | 158.89 (OTM)        | 162.29             | HT: -20.4%  | HT: 0                                                    | Bỏ quyền          | 11/12 | VNM                   | 129.2             | 1N: -1.6%<br>1Thg: +0.5%<br>Beta: 0.23 | Sideway        | 24/10              | Chạm ngưỡng kháng cự 135 và điều chỉnh ngắn hạn.                            | Nắm giữ 28/10       | 134.0 +3.7%    | 5.6 -> 23.2 |
| 37 | CVNM1902 KIS<br>Chuyển đổi: 10:1 | Call 6T<br>(1.84)   | 1N: -5.5%<br>PH: +40.2%  | 133.33 (OTM)        | 159.13             | HT: -18.8%  | HT: 0                                                    | Bỏ quyền          | 26/03 | VNM                   |                   |                                        |                |                    |                                                                             |                     |                |             |
| 38 | CVNM1903 SSI<br>Chuyển đổi: 1:1  | Call 6.5T<br>(26.6) | 1N: -3.3%<br>PH: -3.2%   | 120.00 (ITM)        | 145.75             | HT: -11.4%  | HT: 9.2                                                  | Cắt lỗ            | 20/04 | VNM                   |                   |                                        |                |                    |                                                                             |                     |                |             |
| 39 | CVNM1904 HSC<br>Chuyển đổi: 10:1 | Call 6T<br>(1.9)    | 1N: -7.1%<br>PH: -10.5%  | 133.00 (OTM)        | 150.00             | HT: -13.9%  | HT: 0                                                    | Bỏ quyền          | 06/04 | VNM                   |                   |                                        |                |                    |                                                                             |                     |                |             |
| 40 | CVRE1901 KIS<br>Chuyển đổi: 2:1  | Call 3T<br>(1.9)    | 1N: -26.7%<br>PH: -94.2% | 40.89 (OTM)         | 41.11              | HT: -13.4%  | HT: 0                                                    | Bỏ quyền          | 14/11 | VRE                   | 35.6              | 1N: +2%<br>1Thg: +11.6%<br>Beta: 1.57  | Tăng           | 04/11              | Vượt vùng cản 33.5 tạo nhịp hồi phức hướng về vùng kháng cự 37.5            | Tích lũy 28/10      | 38.6 +8.3%     | 1.3 -> 28.3 |
| 41 | CVRE1902 HSC<br>Chuyển đổi: 4:1  | Call 6T<br>(1.3)    | 1N: +8.4%<br>PH: +38.5%  | 32.50 (ITM)         | 39.70              | HT: -10.3%  | HT: 0.78                                                 | Cắt lỗ            | 06/04 | VRE                   |                   |                                        |                |                    |                                                                             |                     |                |             |

# ĐẦU TƯ

Số cổ phiếu **54**

Nhóm Tỷ USD (55.6%)

Large cap (10.9%)

Mid cap (21%)

Small cap (1.2%)

## DANH MỤC PTĐT RỒNG VIỆT

Tổng giá trị vốn hóa danh mục chiếm tỷ trọng 44% toàn thị trường  
22 cp có giá mục tiêu lớn hơn thị giá ít nhất 20%  
Top3 kỳ vọng: LHG (+64%), PC1 (+44%) & PAC (+43%)

## DANH MỤC TVCN RỒNG VIỆT

Tổng giá trị vốn hóa danh mục chiếm tỷ trọng 1.2% toàn thị trường  
4 cp có giá mục tiêu lớn hơn thị giá ít nhất 20%  
Top kỳ vọng: TCW (+84%), WSB (+55%) & HAH (+39%)

## CHỨNG KHOÁN HÔM NAY

Nhóm ngành: Thực phẩm

Đúng thứ 3/85 ngành về quy mô vốn hóa

Tổng giá trị vốn hóa: 417 550 tỷ đồng

Cổ phiếu hôm nay: QNS

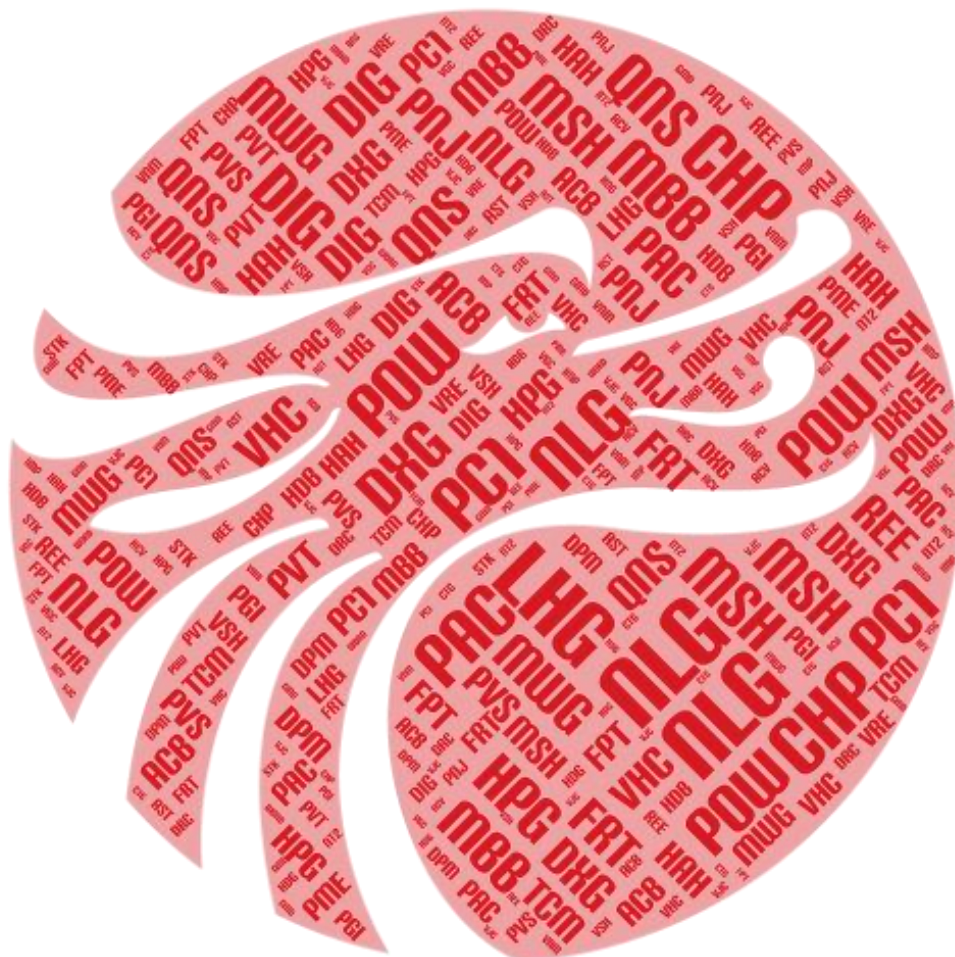
Đường Quảng Ngãi, Ngành: Thực phẩm, Mid cap, Thanh khoản:

Trung bình, Khuyến nghị: Mua, Giá mục tiêu của Rồng Việt: 41 k/cp

BCTC cập nhật đến 30/09/2019

Tổng số BCTC được cập nhật:

**896**





## ĐẦU TƯ ► DANH MỤC PTĐT

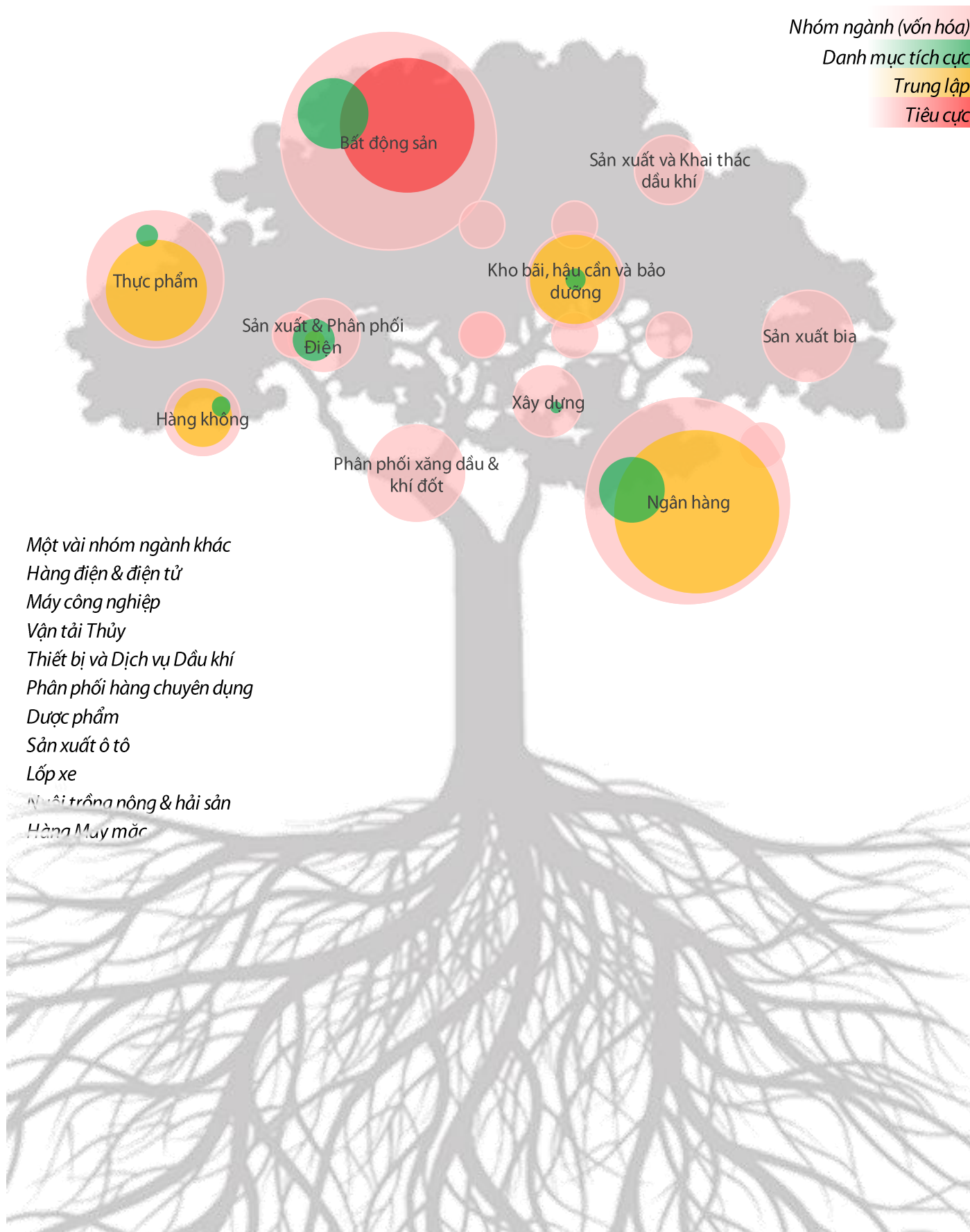
### Danh mục Đầu tư Rồng Việt trong Top10 ngành lớn nhất thị trường

Nhóm ngành (vốn hóa)

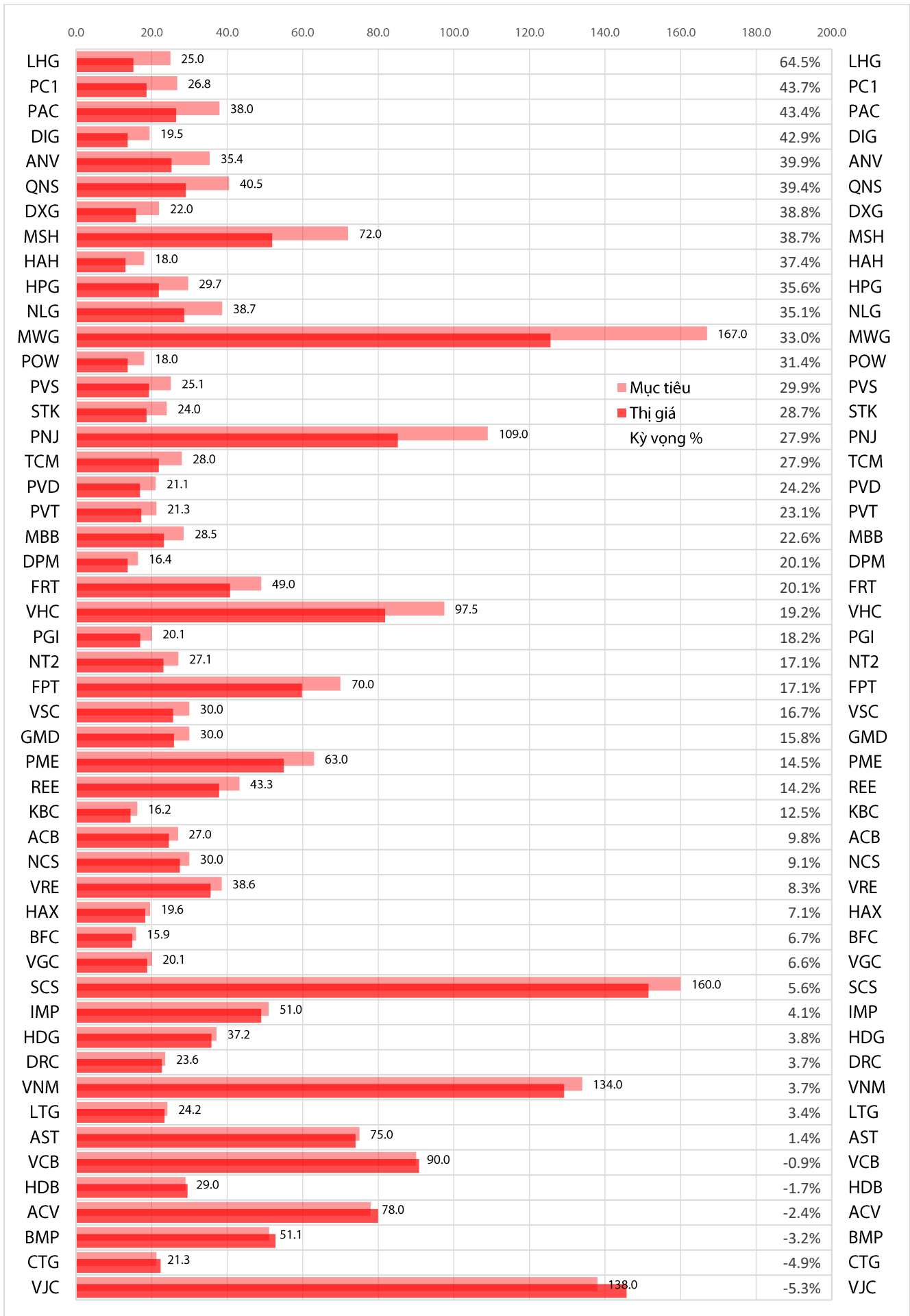
Danh mục tích cực

Trung lập

Tiêu cực



# ĐẦU TƯ ▶ DANH MỤC PTĐT ▶ GIÁ MỤC TIÊU & KỲ VỌNG



# ĐẦU TƯ ► DANH MỤC PTĐT ► DỰ PHÓNG DOANH THU

## Top20 dự phóng tăng trưởng Doanh thu 2019F

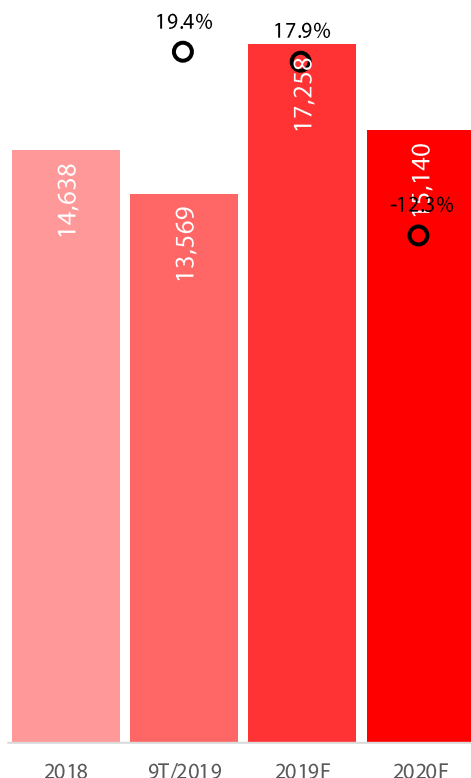
| Stt | CK  |       |                               | Nhóm vốn<br>hóa | DT 2019F yoy  | LNST cty yoy<br>mẹ2019F | EPS<br>2019F |
|-----|-----|-------|-------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------|--------------|
| 1   | HDG | HOSE  | Bất động sản                  | Mid cap         | 4,744 48.1%   | 654 7.7%                | 5.5          |
| 2   | CTG | HOSE  | Ngân hàng                     | Tỷ USD          | 39,269 36.6%  | 8,002 47.6%             | 1.6          |
| 3   | AST | HOSE  | Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng | Mid cap         | 1,146 32.5%   | 198 23.3%               | 4.4          |
| 4   | BID | HOSE  | Ngân hàng                     | Tỷ USD          | 48,199 23.5%  | 7,583 11.7%             | 1.7          |
| 5   | FPT | HOSE  | Phần mềm                      | Tỷ USD          | 28,598 23.2%  | 3,319 26.9%             | 4.9          |
| 6   | MBB | HOSE  | Ngân hàng                     | Tỷ USD          | 24,060 23.1%  | 7,588 23.4%             | 3.1          |
| 7   | PC1 | HOSE  | Xây dựng                      | Mid cap         | 6,197 22.2%   | 407 -11.6%              | 2.3          |
| 8   | MWG | HOSE  | Phân phối hàng chuyên dụng    | Tỷ USD          | 105,327 21.7% | 3,888 35.0%             | 8.6          |
| 9   | HPG | HOSE  | Thép và sản phẩm thép         | Tỷ USD          | 67,968 19.7%  | 8,612 -2.6%             | 2.9          |
| 10  | VCB | HOSE  | Ngân hàng                     | Tỷ USD          | 47,022 19.7%  | 18,698 27.7%            | 4.5          |
| 11  | PVS | HNX   | Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí   | Mid cap         | 17,258 17.9%  | 1,130 7.9%              | 2.3          |
| 12  | PNJ | HOSE  | Hàng cá nhân                  | Large cap       | 17,043 16.9%  | 1,156 20.4%             | 4.8          |
| 13  | HDB | HOSE  | Ngân hàng                     | Tỷ USD          | 10,828 14.7%  | 3,340 17.5%             | 3.4          |
| 14  | MSH | HOSE  | Hàng May mặc                  | Mid cap         | 4,497 13.8%   | 433 17.0%               | 8.2          |
| 15  | ACV | UPCOM | Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng | Tỷ USD          | 18,220 13.2%  | 7,147 16.5%             | 3.0          |
| 16  | VJC | HOSE  | Hàng không                    | Tỷ USD          | 60,600 13.1%  | 6,778 27.0%             | 10.0         |
| 17  | KBC | HOSE  | Bất động sản                  | Mid cap         | 2,829 12.9%   | 847 13.3%               | 1.8          |
| 18  | ACB | HNX   | Ngân hàng                     | Tỷ USD          | 15,843 12.9%  | 6,038 17.5%             | 3.6          |
| 19  | SCS | HOSE  | Hàng không                    | Mid cap         | 759 12.4%     | 478 14.9%               | 8.9          |
| 20  | FRT | HOSE  | Phân phối hàng chuyên dụng    | Mid cap         | 17,195 12.4%  | 385 10.6%               | 4.7          |
|     |     |       |                               |                 | tỷ đồng       | tỷ đồng                 | k/cp         |

tỷ đồng

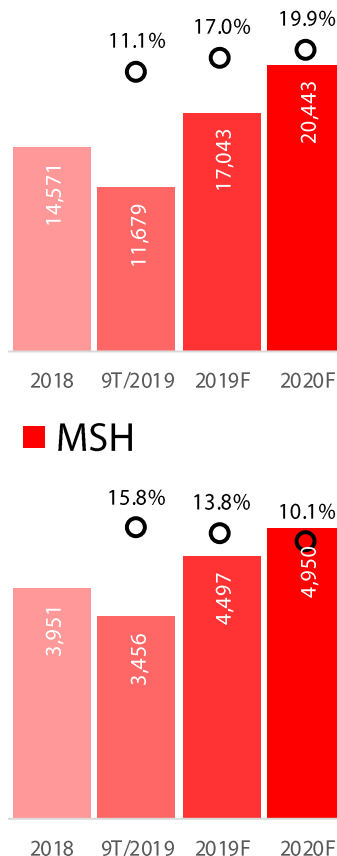
tỷ đồng

k/cp

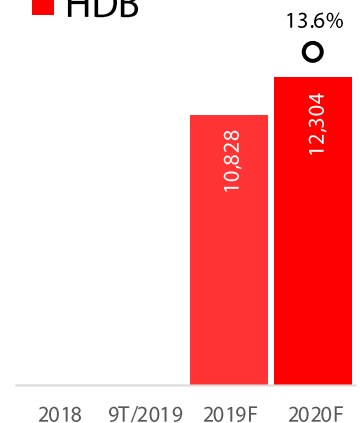
### ■ PVS • yoy



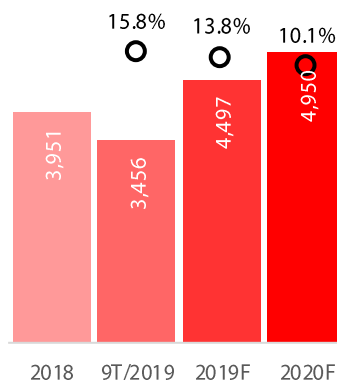
### ■ PNJ



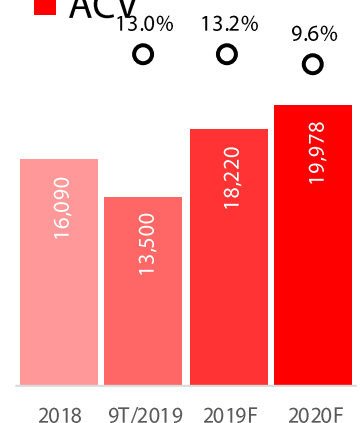
### ■ HDB



### ■ MSH



### ■ ACV



# ĐẦU TƯ ► DANH MỤC PTĐT ► DỰ PHÓNG LỢI NHUẬN

## Top20 dự phóng tăng trưởng LNST cổ đông cty mẹ 2019F

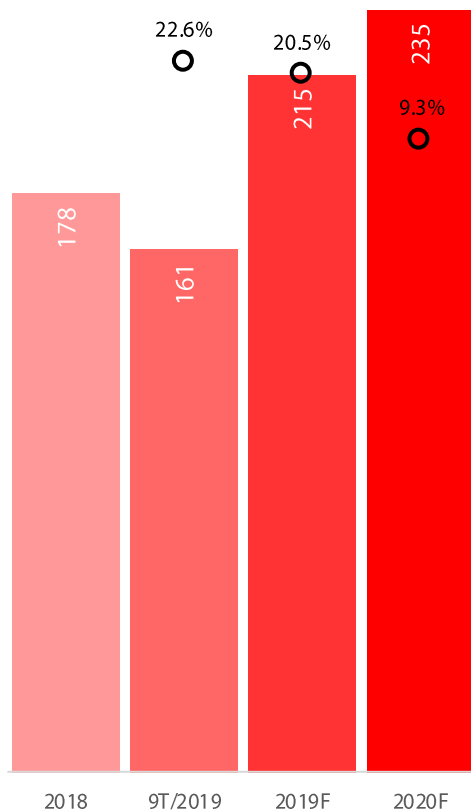
| Stt | CK  |       |                               | Nhóm vốn<br>hóa | DT 2019F yoy  | LNST cty yoy<br>mẹ 2019F | EPS<br>2019F |
|-----|-----|-------|-------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------|--------------|
| 1   | PHR | HOSE  | Nhựa, cao su & sợi            | Mid cap         | 1,497 -9.4%   | 1,018 211.4%             | 6.1          |
| 2   | VIC | HOSE  | Bất động sản                  | Tỷ USD          | 131,946 7.6%  | 5,020 50.0%              | 1.6          |
| 3   | CTG | HOSE  | Ngân hàng                     | Tỷ USD          | 39,269 36.6%  | 8,002 47.6%              | 1.6          |
| 4   | POW | HOSE  | Sản xuất & Phân phối Điện     | Tỷ USD          | 34,111 4.4%   | 2,441 45.6%              | 1.0          |
| 5   | MWG | HOSE  | Phân phối hàng chuyên dụng    | Tỷ USD          | 105,327 21.7% | 3,888 35.0%              | 8.6          |
| 6   | NLG | HOSE  | Bất động sản                  | Mid cap         | 3,263 -8.2%   | 972 27.8%                | 3.8          |
| 7   | VCB | HOSE  | Ngân hàng                     | Tỷ USD          | 47,022 19.7%  | 18,698 27.7%             | 4.5          |
| 8   | VJC | HOSE  | Hàng không                    | Tỷ USD          | 60,600 13.1%  | 6,778 27.0%              | 10.0         |
| 9   | FPT | HOSE  | Phần mềm                      | Tỷ USD          | 28,598 23.2%  | 3,319 26.9%              | 4.9          |
| 10  | DIG | HOSE  | Bất động sản                  | Mid cap         | 2,131 -9.2%   | 403 26.5%                | 1.3          |
| 11  | LTG | UPCOM | Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & | Mid cap         | 8,592 -4.6%   | 514 25.4%                | 5.4          |
| 12  | MBB | HOSE  | Ngân hàng                     | Tỷ USD          | 24,060 23.1%  | 7,588 23.4%              | 3.1          |
| 13  | AST | HOSE  | Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng | Mid cap         | 1,146 32.5%   | 198 23.3%                | 4.4          |
| 14  | VRE | HOSE  | Bất động sản                  | Tỷ USD          | 9,276 2.5%    | 2,927 21.7%              | 1.3          |
| 15  | STK | HOSE  | Hàng May mặc                  | Mid cap         | 2,533 5.2%    | 215 20.8%                | 2.7          |
| 16  | PNJ | HOSE  | Hàng cá nhân                  | Large cap       | 17,043 16.9%  | 1,156 20.4%              | 4.8          |
| 17  | ACB | HNX   | Ngân hàng                     | Tỷ USD          | 15,843 12.9%  | 6,038 17.5%              | 3.6          |
| 18  | HDB | HOSE  | Ngân hàng                     | Tỷ USD          | 10,828 14.7%  | 3,340 17.5%              | 3.4          |
| 19  | MSH | HOSE  | Hàng May mặc                  | Mid cap         | 4,497 13.8%   | 433 17.0%                | 8.2          |
| 20  | ACV | UPCOM | Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng | Tỷ USD          | 18,220 13.2%  | 7,147 16.5%              | 3.0          |
|     |     |       |                               |                 | tỷ đồng       | tỷ đồng                  | k/cp         |

tỷ đồng

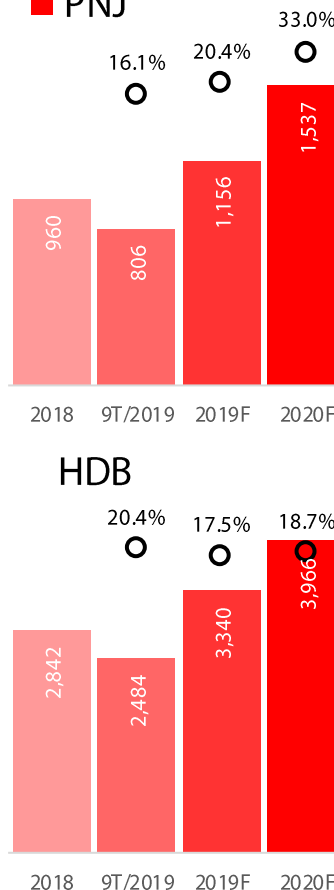
tỷ đồng

k/cp

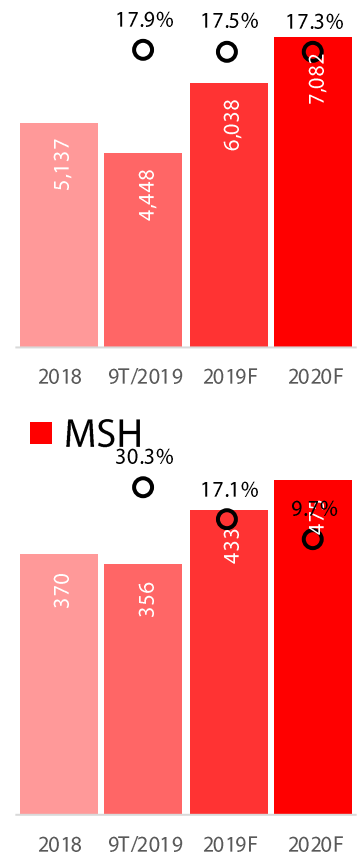
### STK • yoy



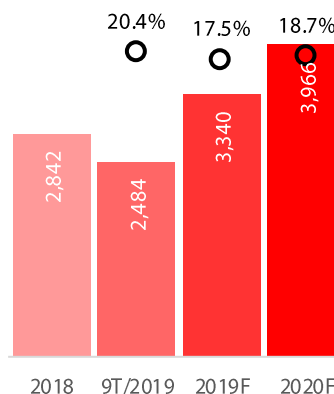
### PNJ



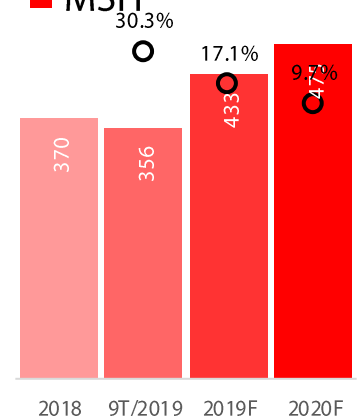
### ACB



### HDB

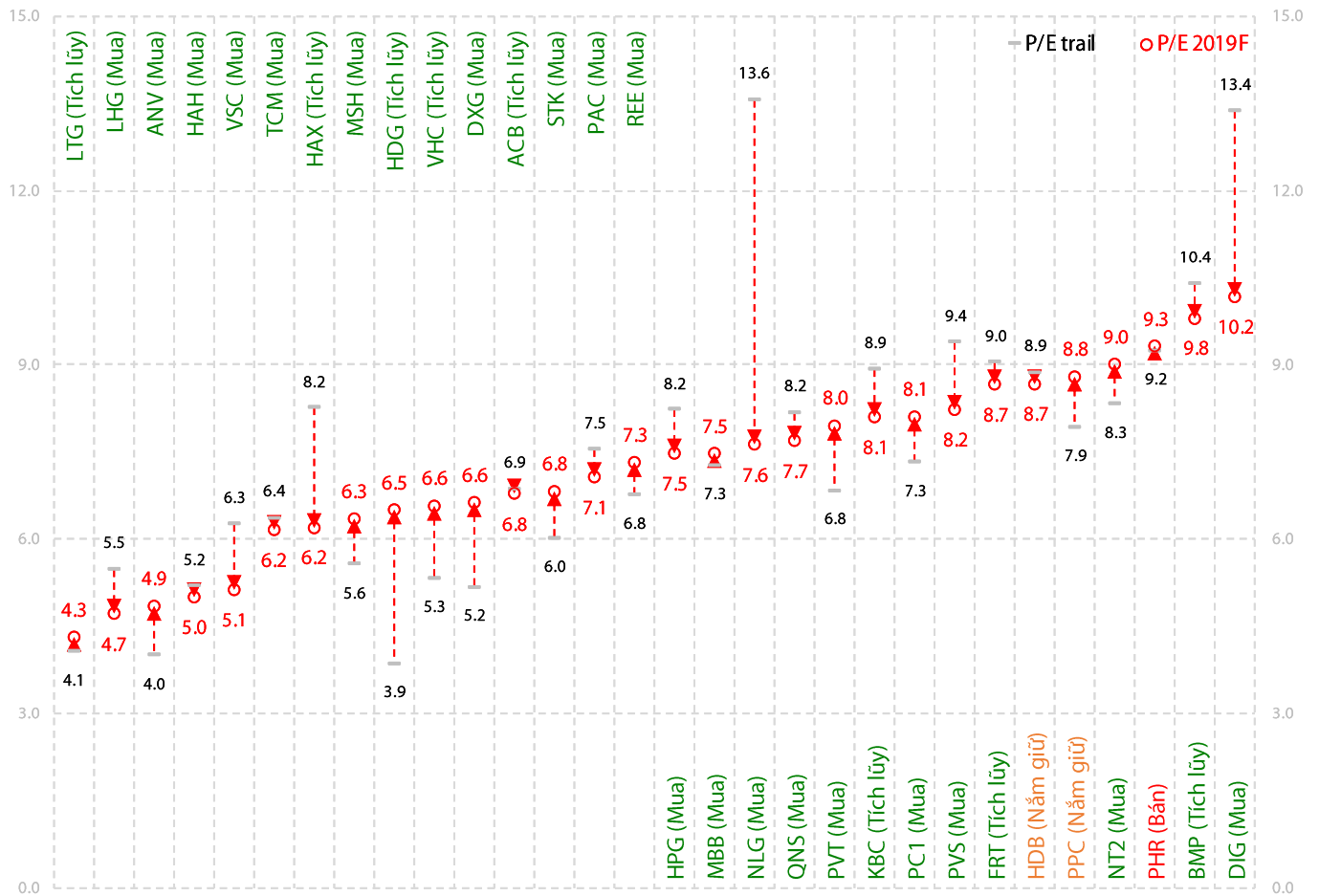


### MSH

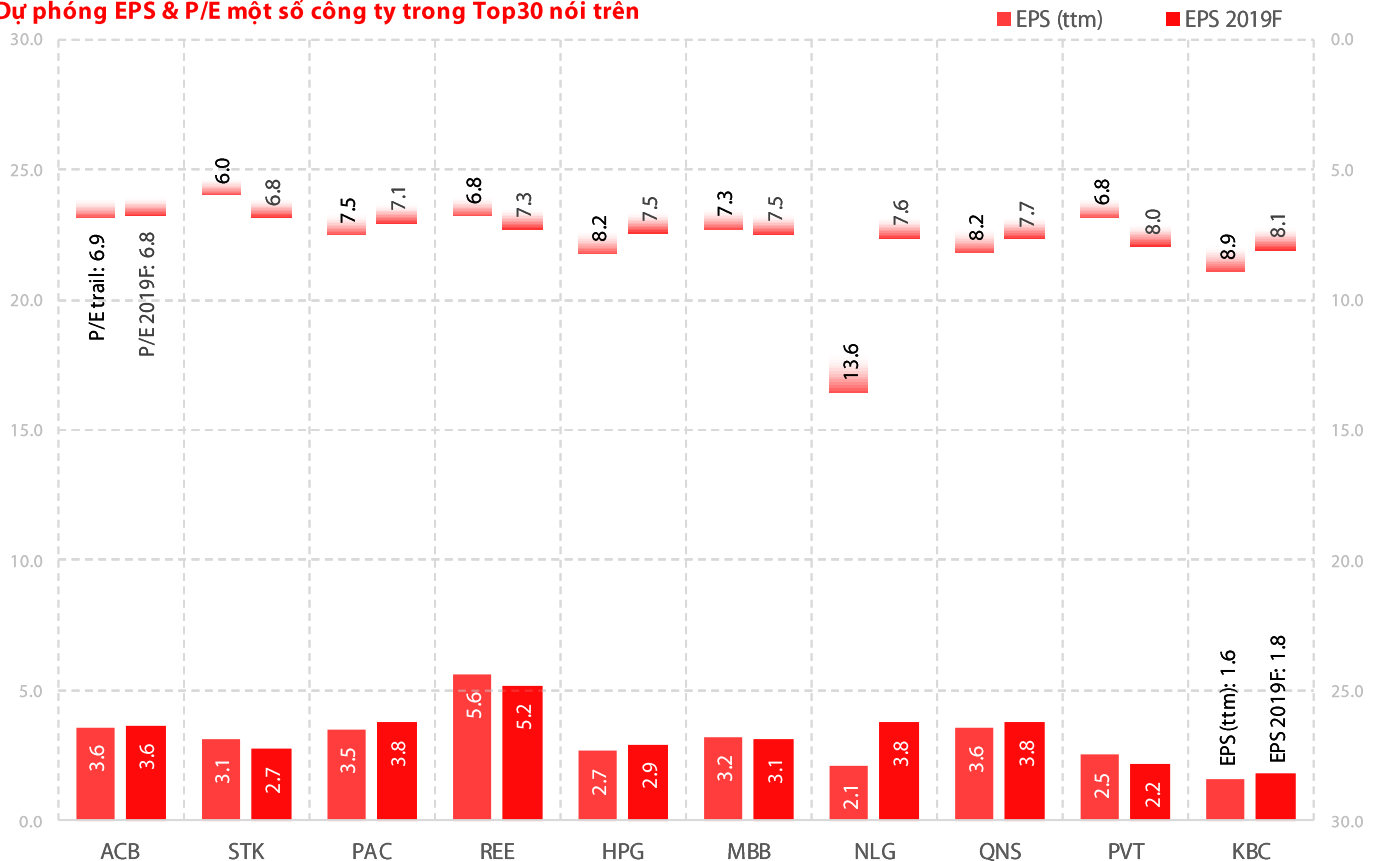


# ĐẦU TƯ ▶ DANH MỤC PTĐT ▶ DỰ PHÓNG EPS & P/E

## Top30 PE forward



## Dự phóng EPS & P/E một số công ty trong Top30 nói trên





## ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY

Hàng Tiêu dùng

Thực phẩm và đồ uống

Sản xuất thực phẩm

### Thực phẩm

Đứng thứ 3/85 ngành về quy mô vốn hóa

Tổng số cổ phiếu: 47

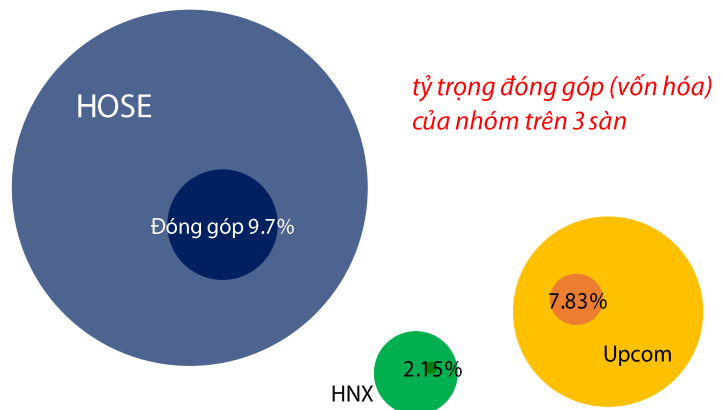
Tổng giá trị vốn hóa: 417 550 tỷ đồng

chiếm tỷ trọng 8.99% toàn thị trường

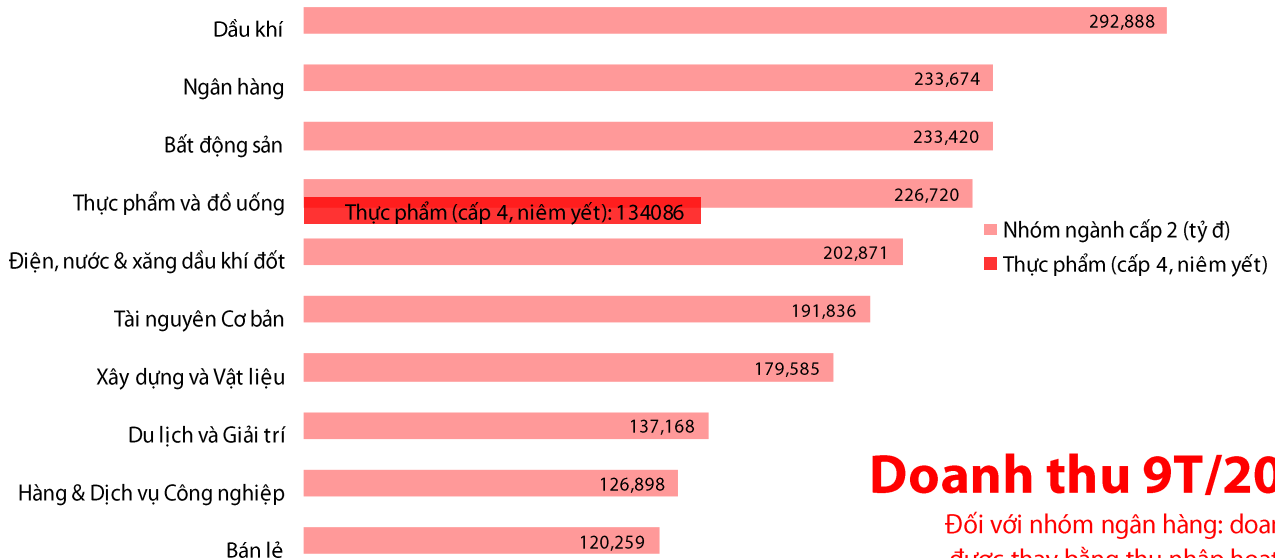
xung quanh tâm điểm **QNS**

QNS xếp hạng 5 về GTT

| Số lượng cp | HOSE      | HNX       | Upcom     | Tổng      |
|-------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| Nhóm Tỷ USD | 2         |           | 1         | 3         |
| Large cap   |           |           |           |           |
| Mid cap     | 2         | 1         | 6         | 9         |
| Small cap   | 7         | 11        | 17        | 35        |
| <b>Tổng</b> | <b>11</b> | <b>12</b> | <b>24</b> | <b>47</b> |



**29/47 công ty niêm yết trong ngành đã cập nhật số liệu tài chính đến 30/09/19**

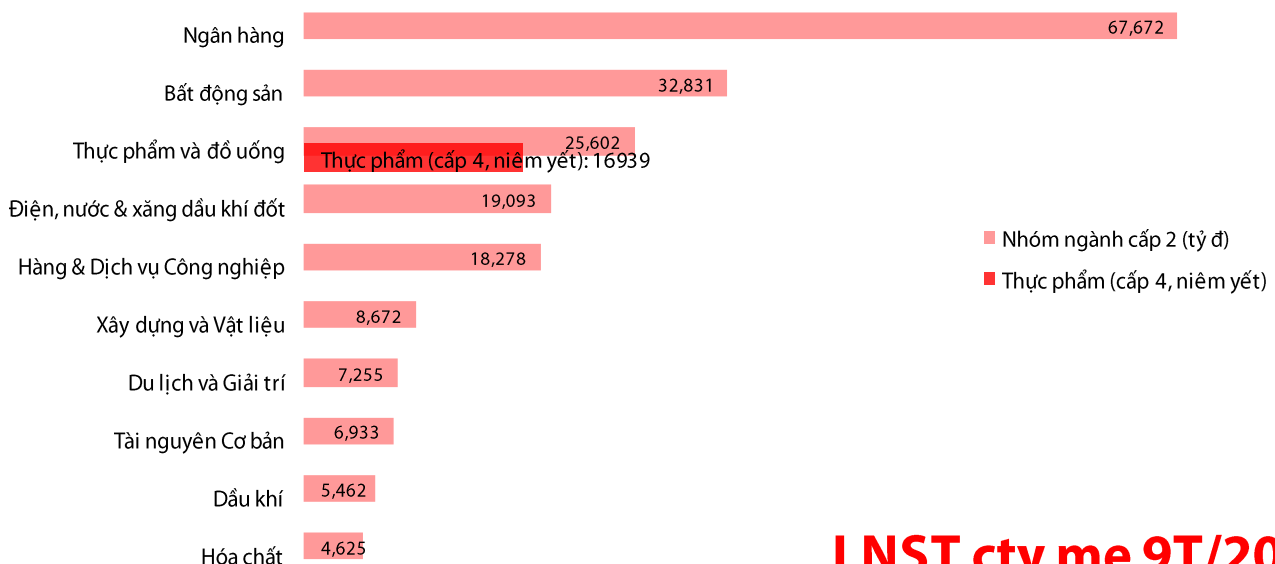


## Doanh thu 9T/2019

Đối với nhóm ngân hàng: doanh thu được thay bằng thu nhập hoạt động.

952 công ty đã cập nhật số liệu tài chính đến 30/09/19, một số công ty khác sắp công bố BCTC.

Một số nhóm ngành bao gồm cả công ty OTC.

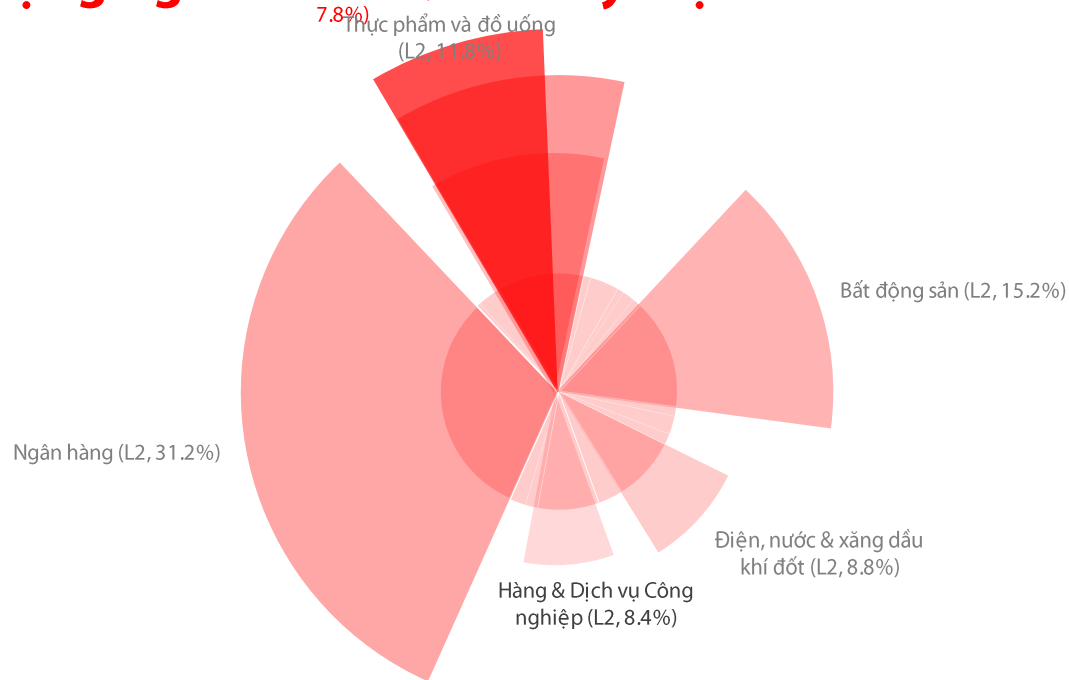


## LNST cty mẹ 9T/2019

## ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY

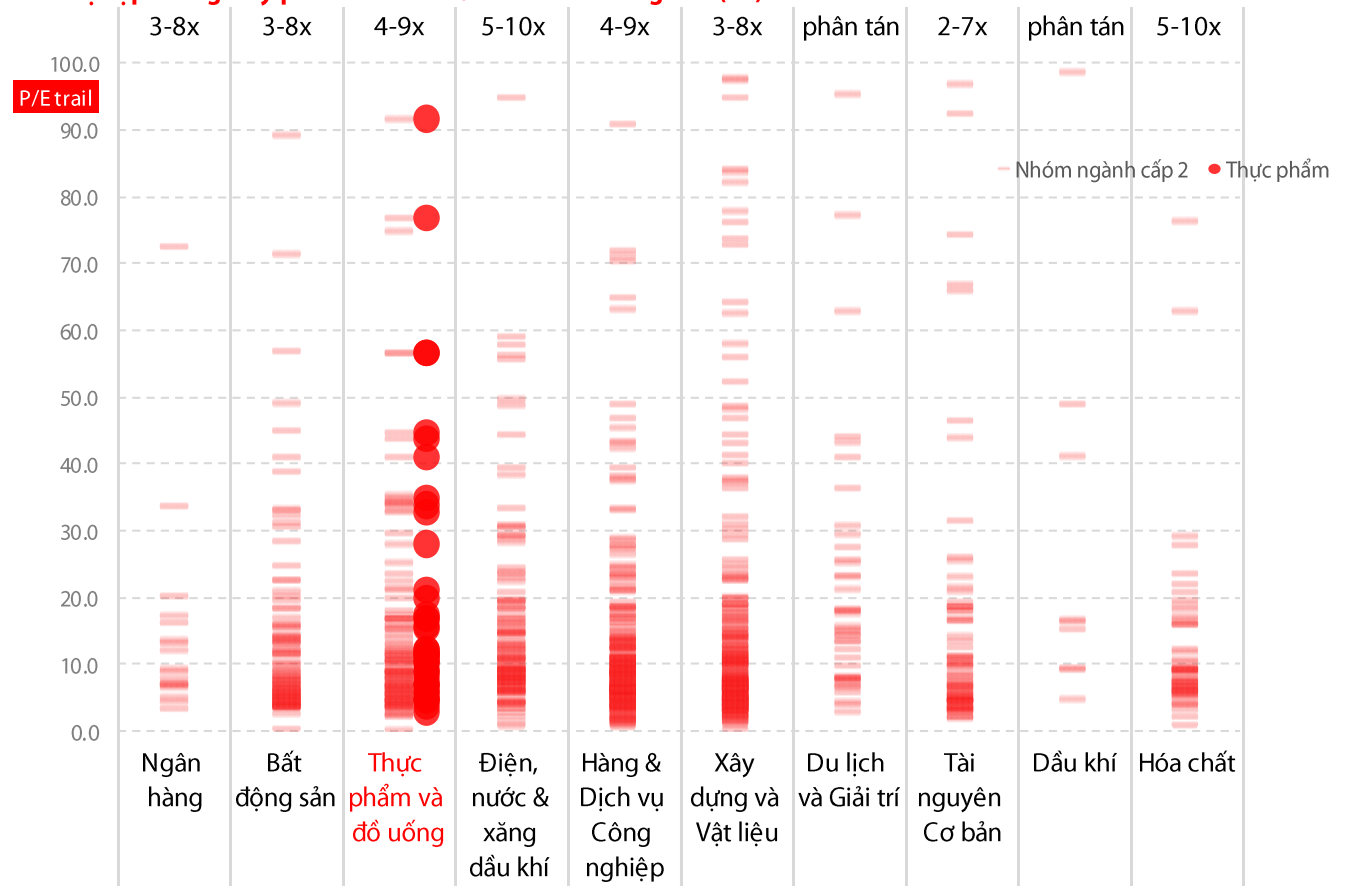
Thực phẩm và đồ uống (L2) -> Thực phẩm (L4)

### Tỷ trọng ngành theo LNST cty mẹ 9T/2019



### Phân bố P/E theo nhóm ngành (L2)

Mức độ tập trung hay phân tán của P/E theo nhóm ngành (L2):



# ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY

## Thực phẩm

## Khuyến nghị ĐT gần đây

D/s 10 cổ phiếu có mức vốn hóa xung quanh tâm điểm QNS

|    |     |                             |       | GTTT (tỷ đồng) | P/E trail | P/B | Khuyến nghị ĐT | Mục tiêu 1 năm | Kỳ vọng 1 năm |
|----|-----|-----------------------------|-------|----------------|-----------|-----|----------------|----------------|---------------|
| 1  | VNM | VINAMILK                    | HOSE  | 228,643        | 21.1      | 8.3 | Nắm giữ        | 134.0          | 3.7%          |
| 2  | MSN | Tập đoàn Masan              | HOSE  | 89,191         | 16.9      | 2.6 |                |                |               |
| 3  | MCH | Hàng Tiêu Dùng MaSan        | UPCOM | 52,184         | 15.4      | 4.9 |                |                |               |
| 4  | SBT | Mía đường Thành Thành Công  | HOSE  | 11,011         | 34.8      | 1.6 |                |                |               |
| 5  | QNS | Đường Quảng Ngãi            | UPCOM | 10,455         | 8.2       | 1.7 | Nắm giữ        | 29.8           | 2.6%          |
| 6  | KDC | Tập đoàn KIDO               | HOSE  | 4,442          | 41.0      | 0.8 |                |                |               |
| 7  | VSF | Vinafood 2                  | UPCOM | 3,450          |           | 1.1 |                |                |               |
| 8  | VSN | VN Kỹ Nghệ Súc Sản (VISSAN) | UPCOM | 2,819          | 16.8      | 2.9 |                |                |               |
| 9  | KDF | Thực phẩm Đông lạnh KIDO    | UPCOM | 1,973          | 15.8      | 2.6 |                |                |               |
| 10 | HHC | Bánh kẹo Hải Hà             | HNX   | 1,971          | 43.8      | 4.6 |                |                |               |

B/q ngành (trọng số vốn hóa) -> 19.7 5.9

# VNM



Xếp hạng 1 (theo GTTT) trong ngành

VINAMILK  
HOSE  
Nhóm Tỷ USD  
Thanh khoản Cao

EPS (ttm): 6.1  
P/E trail: 21.1  
BV: 15.7  
P/B: 8.3

1N: -1.6%  
1Thg: +0.5%  
YTD: +10.8%

~~131,300~~  
**129,200**

Khuyến nghị ĐT ngày 28/10 (RongViet)

## Nắm giữ

Mục tiêu 1 năm

**134,000 +3.7%**

P/E 2019F: 23.2

EPS (ttm): 4.8 Hàng Tiêu Dùng MaSan  
P/E trail: 15.4 UPCOM  
BV: 15.1 Nhóm Tỷ USD  
P/B: 4.9 Thanh khoản Thấp

# MCH



~~74,028~~

**73,936**

1N: -0.1%  
YTD: -11.7%

EPS (ttm): 0.5 Mía đường Thành Thành Côn...  
P/E trail: 34.8 HOSE  
BV: 11.6 Mid cap  
P/B: 1.6 Thanh khoản Cao

# SBT



~~18,100~~

**18,300**

1N: +1.1%  
YTD: -4.5%

# MSN



Tập đoàn Masan  
HOSE  
Nhóm Tỷ USD  
Thanh khoản Cao

EPS (ttm): 4.5  
P/E trail: 16.9  
BV: 28.8  
P/B: 2.6

~~76,300~~

**76,000**

1N: -0.4%  
YTD: -1.9%

EPS (ttm): 3.6 Đường Quảng Ngãi  
P/E trail: 8.2 UPCOM  
BV: 16.8 Mid cap  
P/B: 1.7 Thanh khoản Trung bình

# QNS



OCT15:111.200.300

Cty #8 (31/10)

## Nắm giữ

**29,800 +2.6%**

~~29,290~~

**29,048**

1N: -0.8%  
YTD: -14.9%

# ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY ► TĂNG TRƯỞNG

## Thực phẩm

## Doanh thu

## LNST cổ đông cty mẹ

D/s 10 cổ phiếu có Doanh thu xung quanh tâm điểm QNS

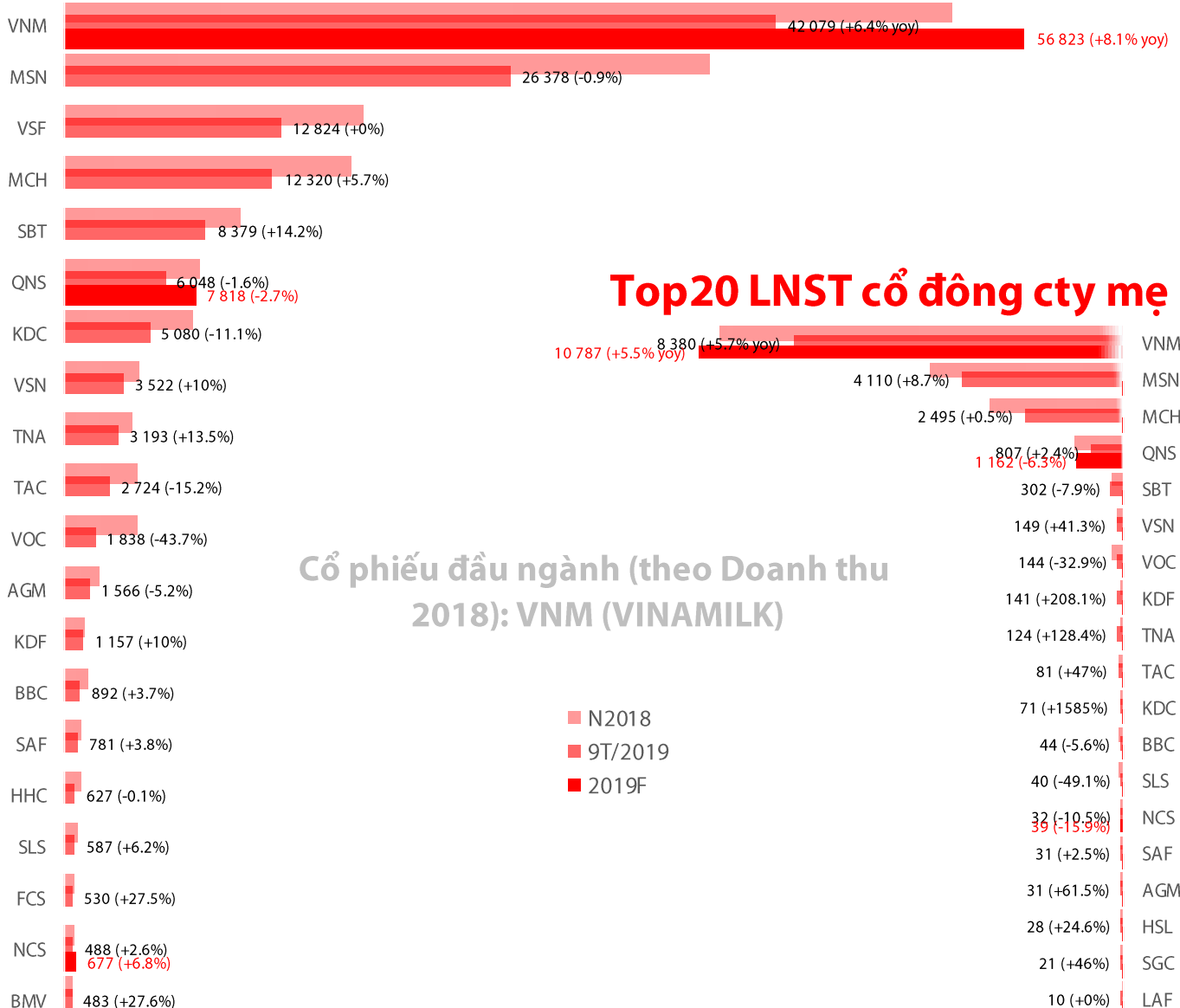
|    |     |                             |             | 9T/2018 | 9T/2019       | +/- yoy | 9T/2018 | 9T/2019 | +/- yoy |
|----|-----|-----------------------------|-------------|---------|---------------|---------|---------|---------|---------|
| 1  | VNM | VINAMILK                    | Nhóm Tỷ USD | 39,558  | <b>42,079</b> | 6.4%    | 7,928   | 8,380   | 5.7%    |
| 2  | MSN | Tập đoàn Masan              | Nhóm Tỷ USD | 26,630  | <b>26,378</b> | -0.9%   | 3,779   | 4,110   | 8.7%    |
| 3  | VSF | Vinafood 2                  | Mid cap     |         | <b>12,824</b> |         |         | -73     |         |
| 4  | MCH | Hàng Tiêu Dùng MaSan        | Nhóm Tỷ USD | 11,659  | <b>12,320</b> | 5.7%    | 2,484   | 2,495   | 0.5%    |
| 5  | SBT | Mía đường Thành Thành Công  | Mid cap     | 7,339   | <b>8,379</b>  | 14.2%   | 328     | 302     | -7.9%   |
| 6  | QNS | Đường Quảng Ngãi            | Mid cap     | 6,145   | <b>6,048</b>  | -1.6%   | 788     | 807     | 2.4%    |
| 7  | KDC | Tập đoàn KIDO               | Mid cap     | 5,712   | <b>5,080</b>  | -11.1%  | 4       | 71      | 1585.0% |
| 8  | VSN | VN Kỹ Nghệ Súc Sản (VISSAN) | Mid cap     | 3,202   | <b>3,522</b>  | 10.0%   | 105     | 149     | 41.3%   |
| 9  | TNA | XNK Thiên Nam               | Small cap   | 2,812   | <b>3,193</b>  | 13.5%   | 54      | 124     | 128.4%  |
| 10 | TAC | Dầu Tường An                | Small cap   | 3,212   | <b>2,724</b>  | -15.2%  | 55      | 81      | 47.0%   |

QNS xếp hạng 6 về quy mô Doanh thu 9T/2019

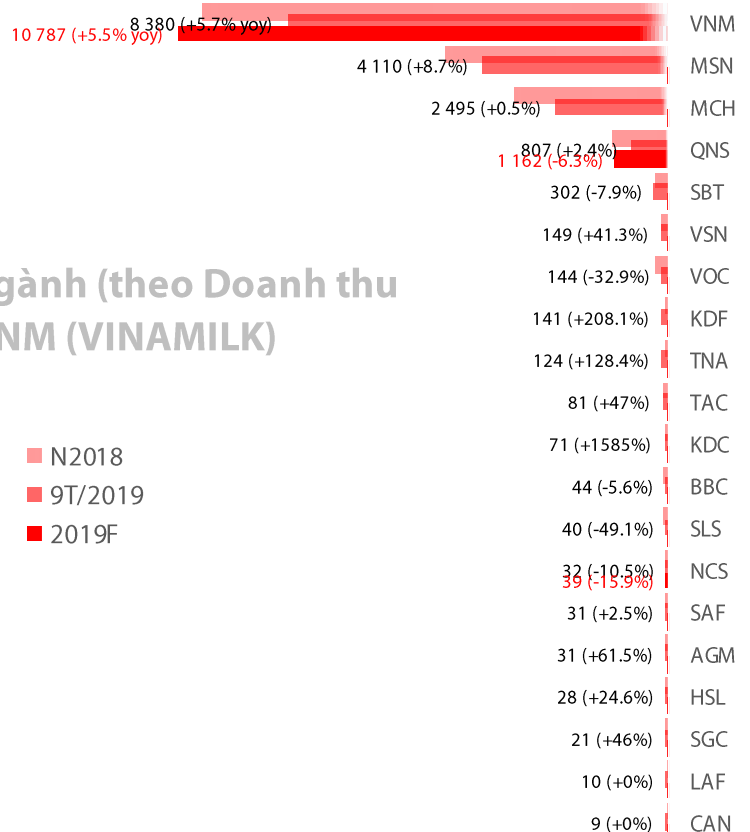
tỷ đồng

tỷ đồng

## Top20 quy mô Doanh thu



## Top20 LNST cổ đông cty mẹ



Cổ phiếu đầu ngành (theo Doanh thu 2018): VNM (VINAMILK)

■ N2018  
■ 9T/2019  
■ 2019F

# ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY ► TĂNG TRƯỞNG

## Thực phẩm

## Đòn bẩy tài chính

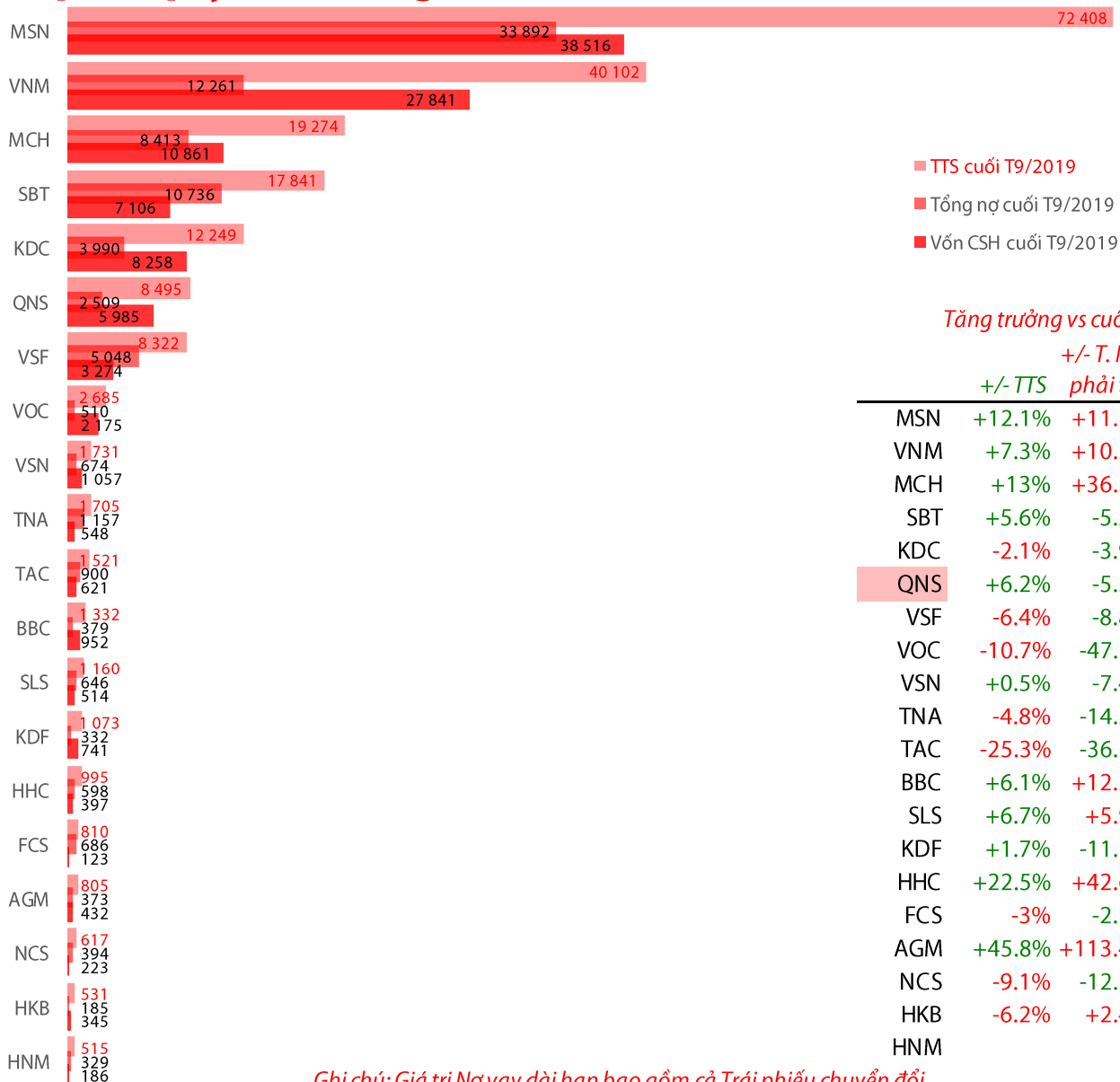
| D/s 10 cổ phiếu có quy mô tổng Tài sản xung quanh tâm điểm QNS |     |                             | TTS/Vốn CSH cuối T9/2019 | TTS cuối T9/2019 | TTS cuối 2018 | +/- ytd | Vốn CSH cuối T9/2019 | Vốn CSH cuối 2018 | +/- ytd |
|----------------------------------------------------------------|-----|-----------------------------|--------------------------|------------------|---------------|---------|----------------------|-------------------|---------|
| 1                                                              | MSN | Tập đoàn Masan              | 1.88                     | <b>72,408</b>    | 64,579        | 12.1%   | 38,516               | 34,080            | 13.0%   |
| 2                                                              | VNM | VINAMILK                    | 1.44                     | <b>40,102</b>    | 37,366        | 7.3%    | 27,841               | 26,271            | 6.0%    |
| 3                                                              | MCH | Hàng Tiêu Dùng MaSan        | 1.77                     | <b>19,274</b>    | 17,053        | 13.0%   | 10,861               | 10,881            | -0.2%   |
| 4                                                              | SBT | Mía đường Thành Thành Công  | 2.51                     | <b>17,841</b>    | 16,903        | 5.6%    | 7,106                | 5,576             | 27.4%   |
| 5                                                              | KDC | Tập đoàn KIDO               | 1.48                     | <b>12,249</b>    | 12,512        | -2.1%   | 8,258                | 8,358             | -1.2%   |
| 6                                                              | QNS | Đường Quảng Ngãi            | 1.42                     | <b>8,495</b>     | 8,002         | 6.2%    | 5,985                | 5,353             | 11.8%   |
| 7                                                              | VSF | Vinafood 2                  | 2.54                     | <b>8,322</b>     | 8,892         | -6.4%   | 3,274                | 3,357             | -2.5%   |
| 8                                                              | VOC | Dầu thực vật Việt Nam       | 1.23                     | <b>2,685</b>     | 3,008         | -10.7%  | 2,175                | 2,044             | 6.4%    |
| 9                                                              | VSN | VN Kỹ Nghệ Súc Sản (VISSAN) | 1.64                     | <b>1,731</b>     | 1,722         | 0.5%    | 1,057                | 994               | 6.4%    |
| 10                                                             | TNA | XNK Thiên Nam               | 3.11                     | <b>1,705</b>     | 1,791         | -4.8%   | 548                  | 442               | 23.9%   |

QNS xếp hạng 6 về Tổng tài sản

tỷ đồng

tỷ đồng

## Top20 quy mô Tổng Tài sản



Tăng trưởng vs cuối năm trước

|     | +/- TTS | +/- T. Nợ phải trả | +/- Vốn CSH |
|-----|---------|--------------------|-------------|
| MSN | +12.1%  | +11.1%             | +13%        |
| VNM | +7.3%   | +10.5%             | +6%         |
| MCH | +13%    | +36.3%             | -0.2%       |
| SBT | +5.6%   | -5.2%              | +27.4%      |
| KDC | -2.1%   | -3.9%              | -1.2%       |
| QNS | +6.2%   | -5.3%              | +11.8%      |
| VSF | -6.4%   | -8.8%              | -2.5%       |
| VOC | -10.7%  | -47.1%             | +6.4%       |
| VSN | +0.5%   | -7.4%              | +6.4%       |
| TNA | -4.8%   | -14.2%             | +23.9%      |
| TAC | -25.3%  | -36.1%             | -0.9%       |
| BBC | +6.1%   | +12.5%             | +3.8%       |
| SLS | +6.7%   | +5.9%              | +7.8%       |
| KDF | +1.7%   | -11.7%             | +9%         |
| HHC | +22.5%  | +42.6%             | +1.1%       |
| FCS | -3%     | -2.1%              | -7.3%       |
| AGM | +45.8%  | +113.4%            | +14.5%      |
| NCS | -9.1%   | -12.1%             | -3.2%       |
| HKB | -6.2%   | +2.4%              | -10.2%      |
| HNH |         |                    |             |

Ghi chú: Giá trị Nợ vay dài hạn bao gồm cả Trái phiếu chuyển đổi



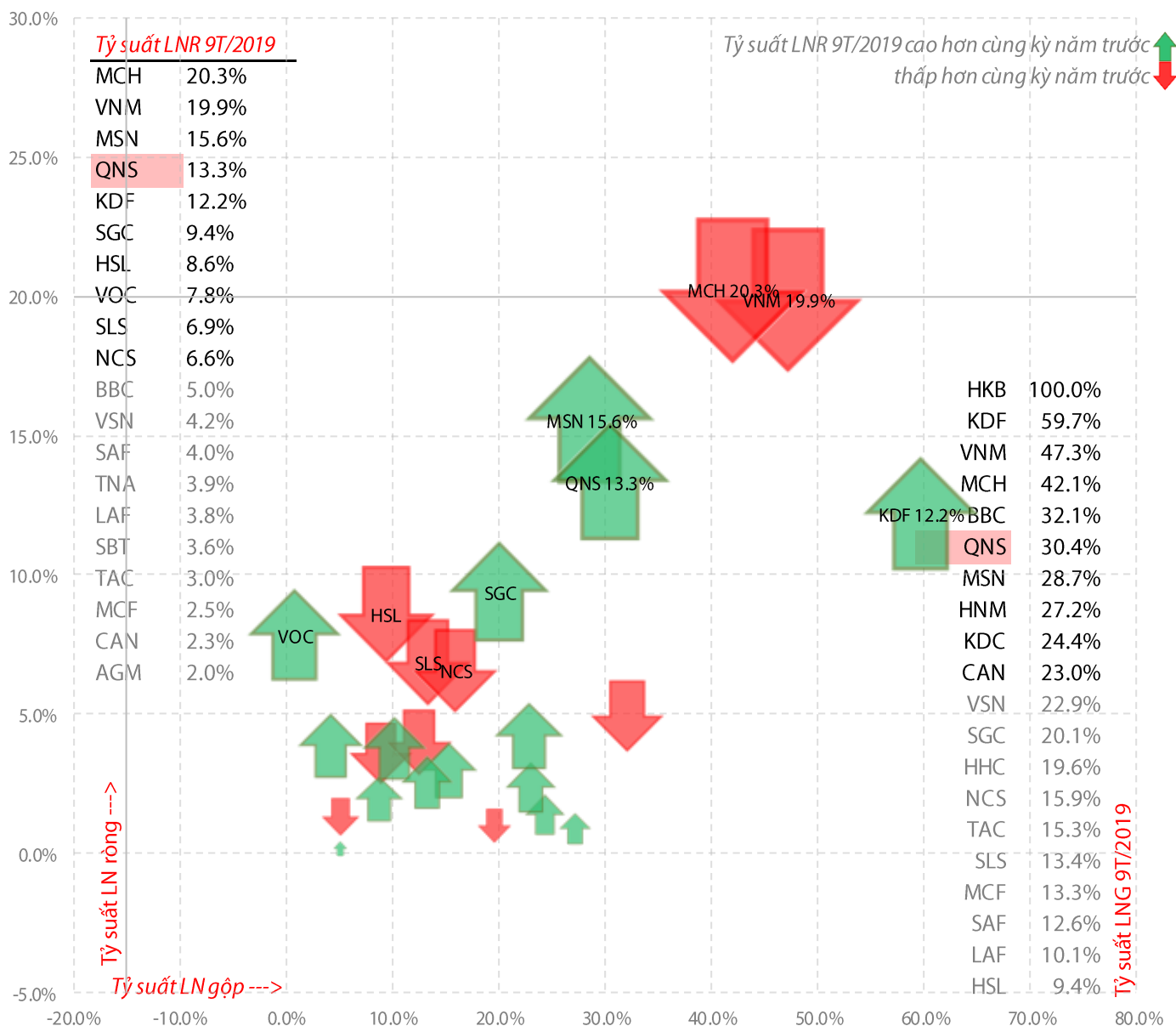
# ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY ► HIỆU QUẢ

## Thực phẩm

|                                 |     |                            |                   | Tỷ suất lợi nhuận |         |                         |             |              |                     |
|---------------------------------|-----|----------------------------|-------------------|-------------------|---------|-------------------------|-------------|--------------|---------------------|
| D/s 10 cổ phiếu có tâm điểm QNS | Mã  | Tên công ty                | Doanh thu 9T/2019 | Tỷ suất LNG       |         | Tỷ suất LN ròng +/- yoy | Tỷ suất LNR |              | Tỷ suất LNR +/- yoy |
|                                 |     |                            |                   | 9T/2018           | 9T/2019 |                         | 9T/2018     | 9T/2019      |                     |
| 1                               | MCH | Hàng Tiêu Dùng MaSan       | 12,320            | 45.4%             | 42.1%   | -3.3%                   | 21.3%       | <b>20.3%</b> | -1.0%               |
| 2                               | VNM | VINAMILK                   | 42,079            | 46.6%             | 47.3%   | 0.6%                    | 20.0%       | <b>19.9%</b> | -0.1%               |
| 3                               | MSN | Tập đoàn Masan             | 26,378            | 31.3%             | 28.7%   | -2.7%                   | 14.2%       | <b>15.6%</b> | 1.4%                |
| 4                               | QNS | Đường Quảng Ngãi           | 6,048             | 27.3%             | 30.4%   | 3.2%                    | 12.8%       | <b>13.3%</b> | 0.5%                |
| 5                               | KDF | Thực phẩm Đông lạnh KIDO   | 1,157             | 53.3%             | 59.7%   | 6.4%                    | 4.4%        | <b>12.2%</b> | 7.8%                |
| 6                               | SGC | Bánh phồng tôm Sa Giang    | 228               | 16.9%             | 20.1%   | 3.2%                    | 7.1%        | <b>9.4%</b>  | 2.3%                |
| 7                               | HSL | CB Nông sản Hồng Hà Sơn La | 322               | 12.7%             | 9.4%    | -3.3%                   | 12.6%       | <b>8.6%</b>  | -4.0%               |
| 8                               | VOC | Dầu thực vật Việt Nam      | 1,838             | 2.4%              | 0.8%    | -1.6%                   | 6.6%        | <b>7.8%</b>  | 1.3%                |
| 9                               | SLS | Mía đường Sơn La           | 587               | 22.5%             | 13.4%   | -9.1%                   | 14.4%       | <b>6.9%</b>  | -7.5%               |
| 10                              | NCS | Suất ăn Hàng không Nội Bài | 488               | 14.7%             | 15.9%   | 1.2%                    | 7.6%        | <b>6.6%</b>  | -1.0%               |

QNS xếp hạng 4 về Tỷ suất LN ròng 9T/2019 tỷ đồng

## Tỷ suất LNR 9T/2019



# ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY ► HIỆU QUẢ

## Thực phẩm

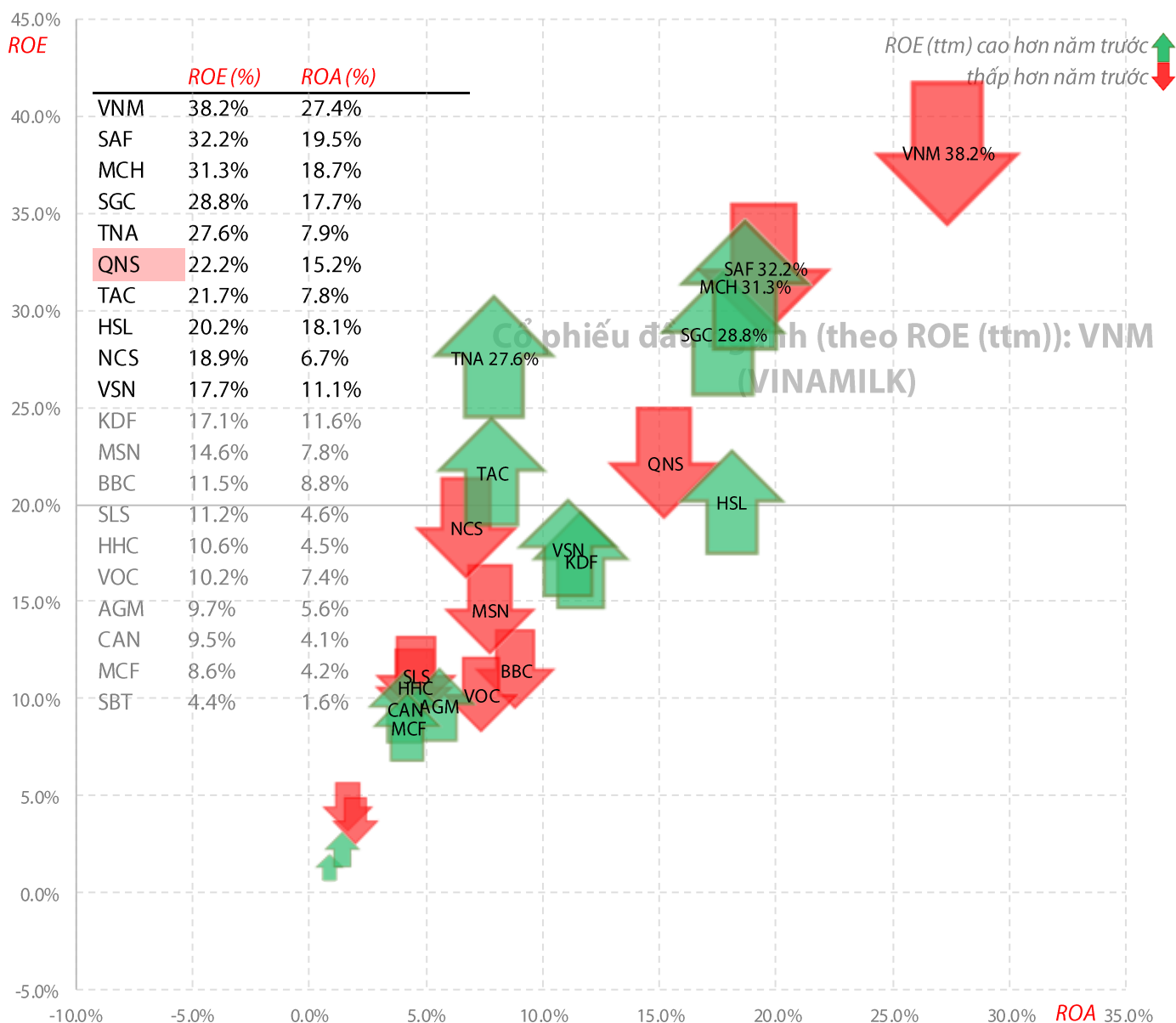
## Cấu thành ROE

D/s 10 cổ phiếu có ROE (ttm) xung quanh tâm điểm QNS

|    |     |                             | ROA (ttm) | ROE (ttm)    | ROE 2018 | +/-   | Tỷ suất<br>LN ròng | Vòng<br>quay<br>TTS b/q | TTS/<br>Vốn<br>CSH b/q |
|----|-----|-----------------------------|-----------|--------------|----------|-------|--------------------|-------------------------|------------------------|
| 1  | VNM | VINAMILK                    | 27.4%     | <b>38.2%</b> | 40.8%    | -2.6% | 19.4%              | 1.41                    | 1.39                   |
| 2  | SAF | Thực Phẩm SAFOCO            | 19.5%     | <b>32.2%</b> | 33.1%    | -0.9% | 3.9%               | 4.95                    | 1.65                   |
| 3  | MCH | Hàng Tiêu Dùng MaSan        | 18.7%     | <b>31.3%</b> | 30.3%    | 1.0%  | 19.3%              | 0.97                    | 1.67                   |
| 4  | SGC | Bánh phồng tôm Sa Giang     | 17.7%     | <b>28.8%</b> | 20.9%    | 8.0%  | 9.5%               | 1.86                    | 1.62                   |
| 5  | TNA | XNK Thiên Nam               | 7.9%      | <b>27.6%</b> | 14.1%    | 13.5% | 2.9%               | 2.70                    | 3.48                   |
| 6  | QNS | Đường Quảng Ngãi            | 15.2%     | <b>22.2%</b> | 25.2%    | -3.0% | 15.8%              | 0.96                    | 1.46                   |
| 7  | TAC | Dầu Tường An                | 7.8%      | <b>21.7%</b> | 17.7%    | 4.0%  | 3.4%               | 2.28                    | 2.77                   |
| 8  | HSL | CB Nông sản Hồng Hà Sơn La  | 18.1%     | <b>20.2%</b> | 19.6%    | 0.6%  | 8.9%               | 2.04                    | 1.12                   |
| 9  | NCS | Suất ăn Hàng không Nội Bài  | 6.7%      | <b>18.9%</b> | 19.8%    | -0.9% | 6.7%               | 1.01                    | 2.81                   |
| 10 | VSN | VN Kỹ Nghệ Súc Sản (VISSAN) | 11.1%     | <b>17.7%</b> | 14.2%    | 3.6%  | 3.8%               | 2.90                    | 1.61                   |

QNS xếp hạng 6 về ROE (ttm)

## ROA & ROE (ttm)



# ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY

## Thực phẩm

## Dự phóng

D/s 10 cổ phiếu có mức vốn hóa xung quanh  
tâm điểm QNS

|    |     |                             | Thị giá | Doanh thu<br>2019F | +/-%<br>2019F | LNST cty<br>mẹ 2019F | +/-%<br>2019F | EPS<br>2019F | P/E<br>2019F |
|----|-----|-----------------------------|---------|--------------------|---------------|----------------------|---------------|--------------|--------------|
| 1  | VNM | VINAMILK                    | 129.20  | 56,823             | 8.1           | 10,787               | 5.5           | 5.57         | 23.18        |
| 2  | MSN | Tập đoàn Masan              | 76.00   |                    |               |                      |               |              |              |
| 3  | MCH | Hàng Tiêu Dùng MaSan        | 73.94   |                    |               |                      |               |              |              |
| 4  | SBT | Mía đường Thành Thành Công  | 18.30   |                    |               |                      |               |              |              |
| 5  | QNS | Đường Quảng Ngãi            | 29.05   | 7,818              | -2.7          | 1,162                | -6.3          | 3.78         | 7.69         |
| 6  | KDC | Tập đoàn KIDO               | 22.00   |                    |               |                      |               |              |              |
| 7  | VSF | Vinafood 2                  | 6.90    |                    |               |                      |               |              |              |
| 8  | VSN | VN Kỹ Nghệ Súc Sản (VISSAN) | 37.70   |                    |               |                      |               |              |              |
| 9  | KDF | Thực phẩm Đông lạnh KIDO    | 35.00   |                    |               |                      |               |              |              |
| 10 | HHC | Bánh kẹo Hải Hà             | 112.00  |                    |               |                      |               |              |              |

tỷ đồng

tỷ đồng

# KDC



Xếp hạng 6 (theo GTT)  
trong ngành

Tập đoàn KIDO  
HOSE  
Mid cap  
Thanh khoản Trung bình  
OCT15:109.200.300

EPS (ttm): 0.5  
P/E trail: 41  
BV: 28.7  
P/B: 0.8

1N: +1.9%  
1Thg: +6.3%  
YTD: -9.1%

~~21,600~~  
**22,000**

EPS (ttm): 2.6  
P/E trail: 16.8  
BV: 13.1  
P/B: 2.9

VN Kỹ Nghệ Súc Sản (VISSAN)  
UPCOM  
Mid cap  
Thanh khoản Thấp

# VSN



~~34,838~~

**37,700**

1N: +8.2%  
YTD: -4.8%

EPS (ttm): 2.6  
P/E trail: 15.8  
BV: 13.2  
P/B: 2.6

Thực phẩm Đông lạnh KIDO  
UPCOM  
Mid cap  
Thanh khoản Trung bình  
OCT15:100.217M300

# KDF



~~35,229~~

**35,002**

1N: -0.6%  
YTD: +105.5%

# VSF



Vinafood 2  
UPCOM  
Mid cap  
Thanh khoản Thấp

EPS (ttm): -2.9  
P/E trail: 0  
BV: 6.3  
P/B: 1.1

~~6,900~~

1N: 0%  
YTD: -21.6%

EPS (ttm): 2.6  
P/E trail: 43.8  
BV: 24.2  
P/B: 4.6

Bánh kẹo Hải Hà  
HNX  
Mid cap  
Thanh khoản Thấp

# HHC



~~120,000~~

**112,000**

1N: -6.7%  
YTD: -5.7%

## ĐẦU TƯ ► NHÓM NGÀNH HÔM NAY

### Thực phẩm

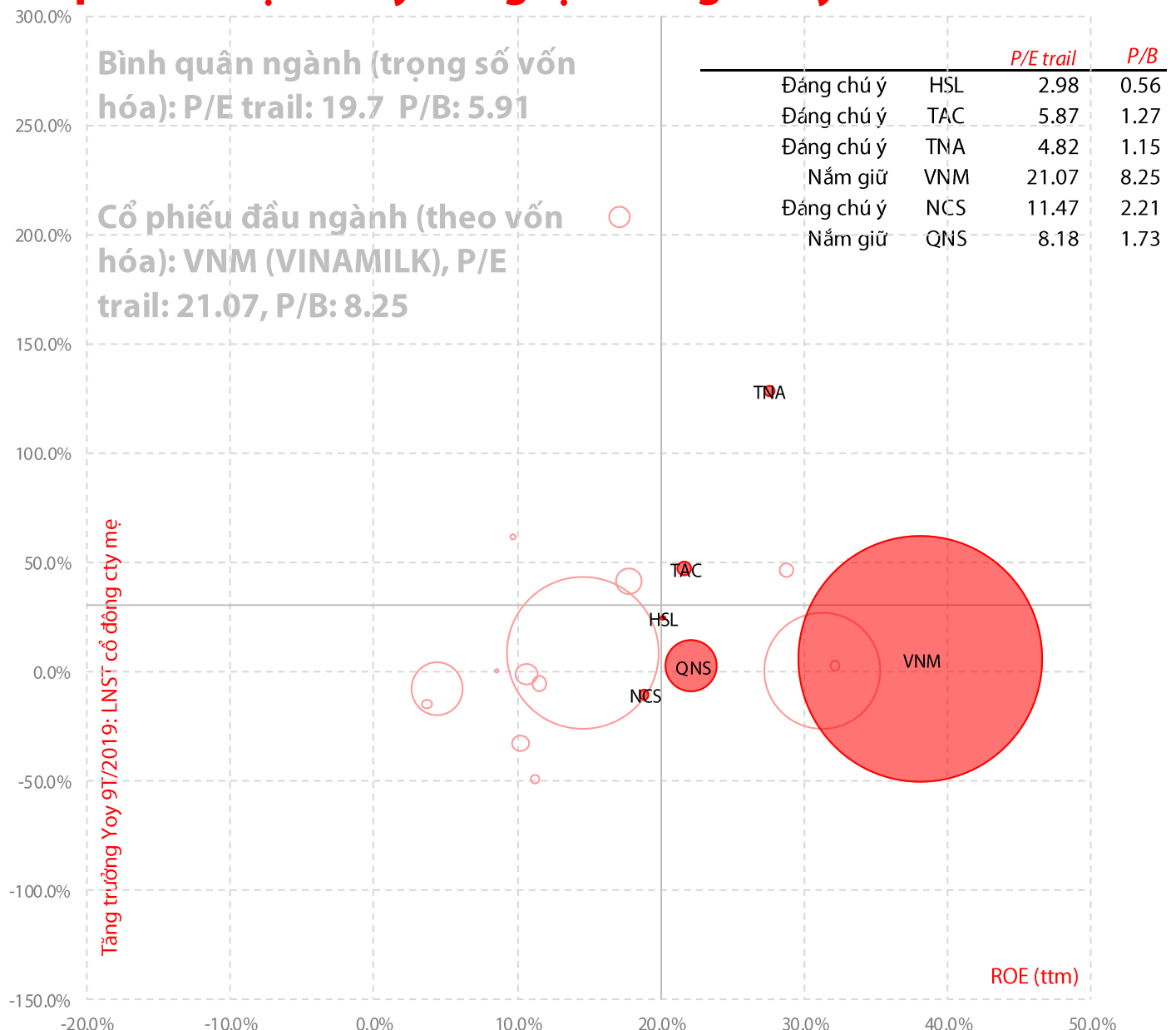
### Khuyến nghị ĐT gần đây

### Tăng trưởng Yoy 9T/2019

| Một số cổ phiếu ĐÁNG CHÚ Ý khác trong ngành (không thuộc Top10 vốn hóa bên trên): |     |                            |  | GTĐT (tỷ đồng) | Khuyến nghị ĐT | Mục tiêu 1 năm | Kỳ vọng 1 năm | Doanh thu | LNST cổ đông cty mẹ | ROE (ttm) |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----|----------------------------|--|----------------|----------------|----------------|---------------|-----------|---------------------|-----------|
| 1                                                                                 | HSL | CB Nông sản Hồng Hà Sơn La |  | 121            |                |                |               | 82.3%     | 24.6%               | 20.2%     |
| 2                                                                                 | TAC | Dầu Tường An               |  | 825            |                |                |               | -15.2%    | 47.0%               | 21.7%     |
| 3                                                                                 | TNA | XNK Thiên Nam              |  | 640            |                |                |               | 13.5%     | 128.4%              | 27.6%     |

Những cp trên (nếu chưa được khuyến nghị) được chọn nhờ (1) tăng trưởng DT hoặc LNST từ +30%, và (2) ROE (ttm)  $\geq 10\%$ ; đồng thời (3) P/E trail khá thấp so với bình quân ngành. Bạn hãy chọn ít nhất 1 mã và xem xét cơ hội đầu tư cho mình!

## Cổ phiếu được khuyến nghị & đáng chú ý



## ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU HÔM NAY

**QNS**

Xếp hạng 5 (theo GTTT)  
trong ngành

**Đường Quảng Ngãi**

UPCOM

Mid cap

GTIT (tỷ đ): 10 455

GTIT (tr.USD): 445

Thanh khoản: Trung bình

OCT15:111.200.300

vpb

**29,048**

1N: 0%

1Thg: -2.2%

YTD: -14.9%

Khuyến nghị ĐT ngày 01/11 (RongViet)

**Mua**

Mục tiêu 1 năm

**40,500 +39.4%**

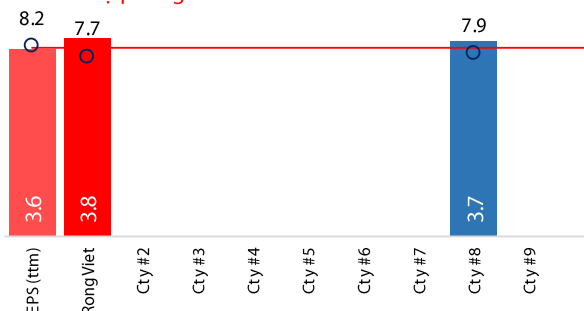
P/E 2019F: 7.7

trích báo cáo RongViet  
01/11/2019

QNS đang giao dịch ở mức PE trượt 7 lần, khá hấp dẫn so với mức thị phần áp đảo trong ngành hàng sữa đậu nành. Tuy nhiên động thái bán cổ phiếu từ lãnh đạo doanh nghiệp cùng biến động tiêu cực của mảng đường khiến nhà đầu tư vẫn đang áp dụng mức chiết khấu cao cho giá trị cổ phiếu. Chúng tôi kỳ vọng khi ATIGA có hiệu lực, nhà máy An Khê đi vào vận hành mảng đường RE sẽ giúp QNS mở rộng thị phần đường bán lẻ nội địa giúp cải thiện biên lợi nhuận gộp mảng kinh doanh này. Đồng thời, chiến lược mở rộng ngành hàng sữa đậu nành vươn tới doanh thu tỷ USD sẽ là chất xúc tác giúp cho giá cổ phiếu trong tương lai. Cho năm 2019, Rong Viet Securities duy trì khuyến nghị MUA cho QNS với giá mục tiêu 40.500 đồng/cp.

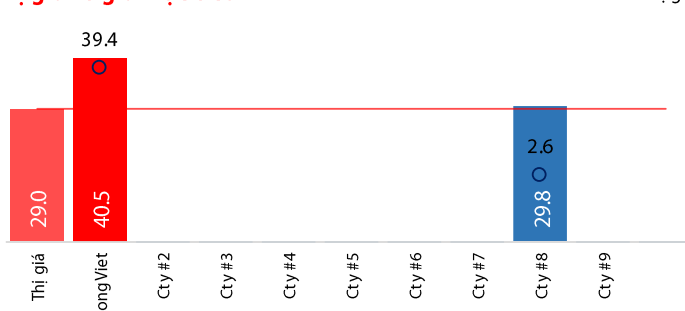
EPS & P/E dự phóng 2019

o P/E



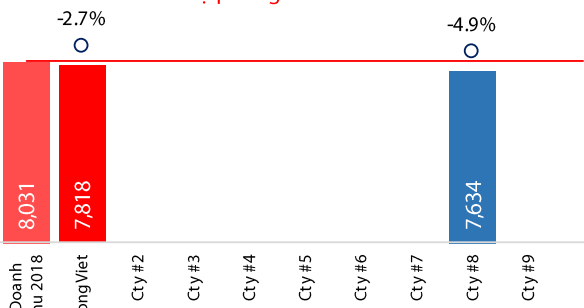
Thị giá vs giá mục tiêu

+/-% Thị giá



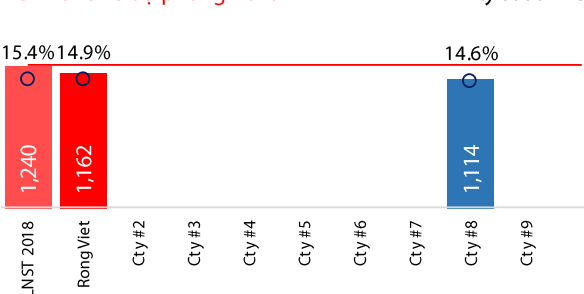
Doanh thu 2018 vs dự phóng 2019

+/-% DT



LNST 2018 vs dự phóng 2019

tỷ suất LNST



Bình luận về doanh nghiệp

01/11/2019 (RongViet) Thuế suất TNDN tiếp tục đà tăng do nhà máy Vinasoy hết thời gian ưu đãi thuế.

(RongViet) Doanh thu tài chính tăng mạnh 66% YoY, trong khi chi phí tài chính tiết giảm 22% YoY.

(RongViet) Chi phí bán hàng & QLDN tăng 13% YoY.

(RongViet) Các mảng kinh doanh khác có sự cải thiện về hiệu quả hoạt động.

(RongViet) Mảng đường RS có sự cải thiện về tỷ suất lợi nhuận gộp, tuy nhiên vẫn thấp hơn mức cơ sở cao của cùn...

(RongViet) Tuy nhiên lũy kế 9T BLN góp mảng sữa đậu nành vẫn tốt hơn cùng kỳ, sát với mục tiêu BLĐ để ra.

(RongViet) Tỷ suất LNG mảng sữa Q3 có sự sụt giảm so với 2Q đầu năm, do giá đậu tương & đường phục hồi.

(RongViet) LNST cty mẹ tăng trưởng ấn tượng 24% YoY, khi LNG cải thiện nhờ đóng góp của mảng đường, bia&nc khoả...

24/09/2019 (RongViet) Thuế suất thuế TNDN tăng 17,6% do nhà máy Vinasoy Bắc Ninh hết thời gian hưởng ưu đãi thuế.

(RongViet) Không còn đóng góp từ khoảng thu nhập bất thường 26 tỷ đồng của cùng kỳ năm trước.

(có thể một số báo cáo TVCN chỉ thu thập được bản tiếng Anh)



# ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU HÔM NAY ► TĂNG TRƯỞNG



**29,048**

1N: 0%

1Thg: -2.2%

YTD: -14.9%

**Đường Quảng Ngãi**

UPCOM

Mid cap

GTTT (tỷ đ): 10 455

GTTT (tr.USD): 445

**Ngành: Thực phẩm**

Tổng số cổ phiếu: 47

29/47 BCTC cập nhật đến 30/09/19

QNS xếp hạng 5 về GTTT

QNS xếp hạng 6 về quy mô Doanh thu 9T/2019

QNS xếp hạng 4 về LNST cty mẹ 9T/2019

*xem thêm chi tiết trên các trang về nhóm ngành này*

tham chiếu ->

**VNM**

**VINAMILK**

HOSE

**129,200**

Nhóm Tỷ USD

GTTT (tỷ đ): 228 643

GTTT (tr.USD): 9 729

**SBT**

**Mía đường Thành Thành**

HOSE

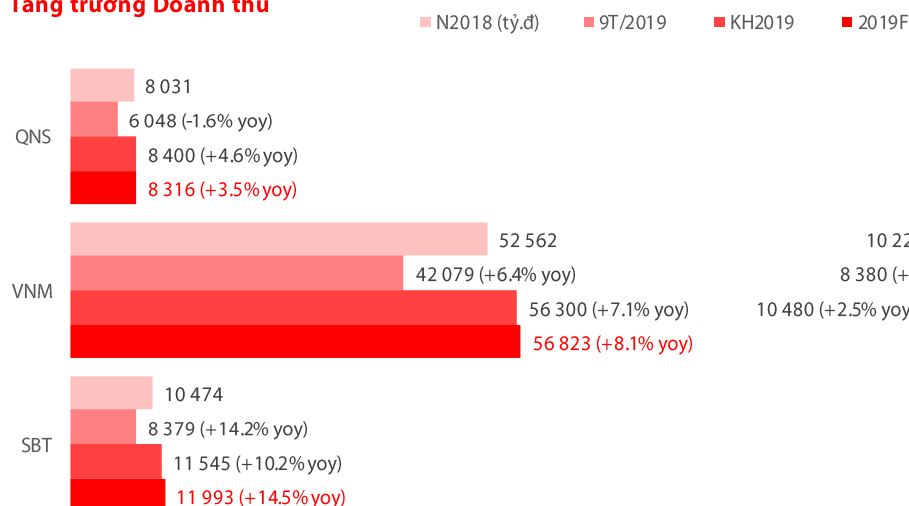
**18,300**

Mid cap

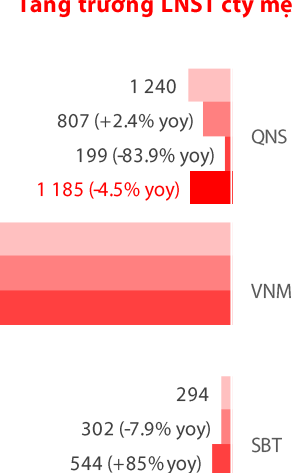
GTTT (tỷ đ): 11 011

GTTT (tr.USD): 469

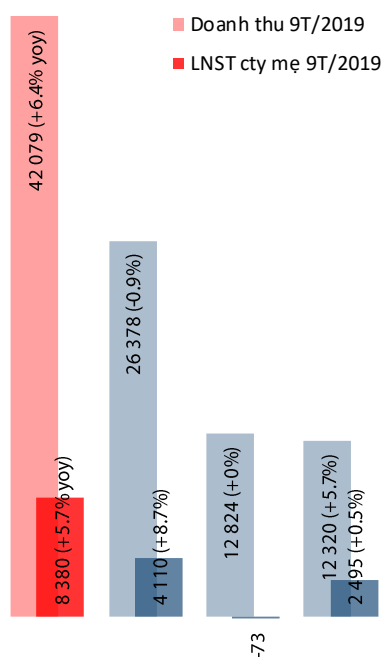
## Tăng trưởng Doanh thu



## Tăng trưởng LNST cty mẹ



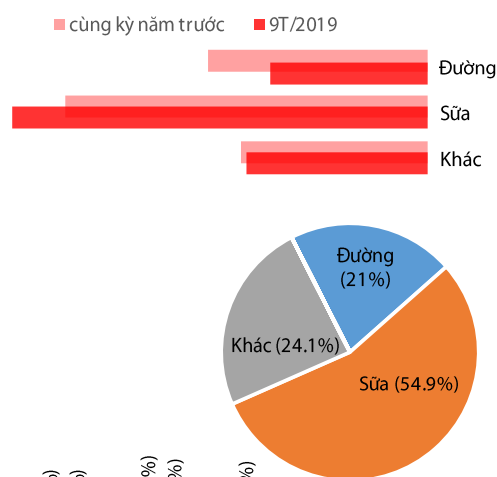
## QNS, cp tham chiếu & 1 số cp khác có Doanh thu xung quanh



## Cơ cấu Tăng trưởng Doanh thu

Lũy kế 9T/2019 theo

sản phẩm



# ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU HÔM NAY ► HIỆU QUẢ



**Đường Quảng Ngãi**  
UPCOM  
Thanh khoản: Trung bình  
OCT15:111.200.300

**29,048**

EPS (ttm): 3.6  
P/E trail: 8.2  
BV: 16.8  
P/B: 1.7

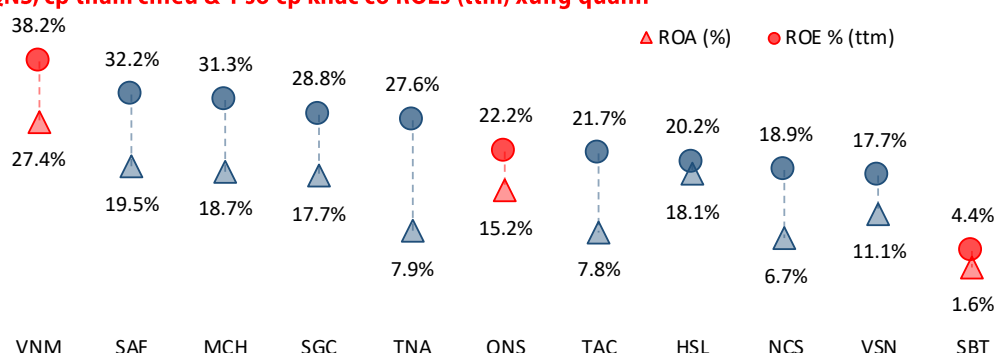
**Ngành: Thực phẩm**  
Tổng số cổ phiếu: 47  
29/47 BCTC cập nhật đến 30/09/19  
QNS xếp hạng 6 về Tỷ suất LN 9T/2019  
QNS xếp hạng 4 về Tỷ suất LN ròng 9T/2019  
**QNS xếp hạng 6 về ROE (ttm)**

tham chiếu ->

**VNM** **VINAMILK**  
EPS (ttm): 6.1  
P/E trail: 21.1  
BV: 15.7  
P/B: 8.3

**SBT** **Mía đường Thành Thành**  
EPS (ttm): 0.5  
P/E trail: 34.8  
BV: 11.6  
P/B: 1.6

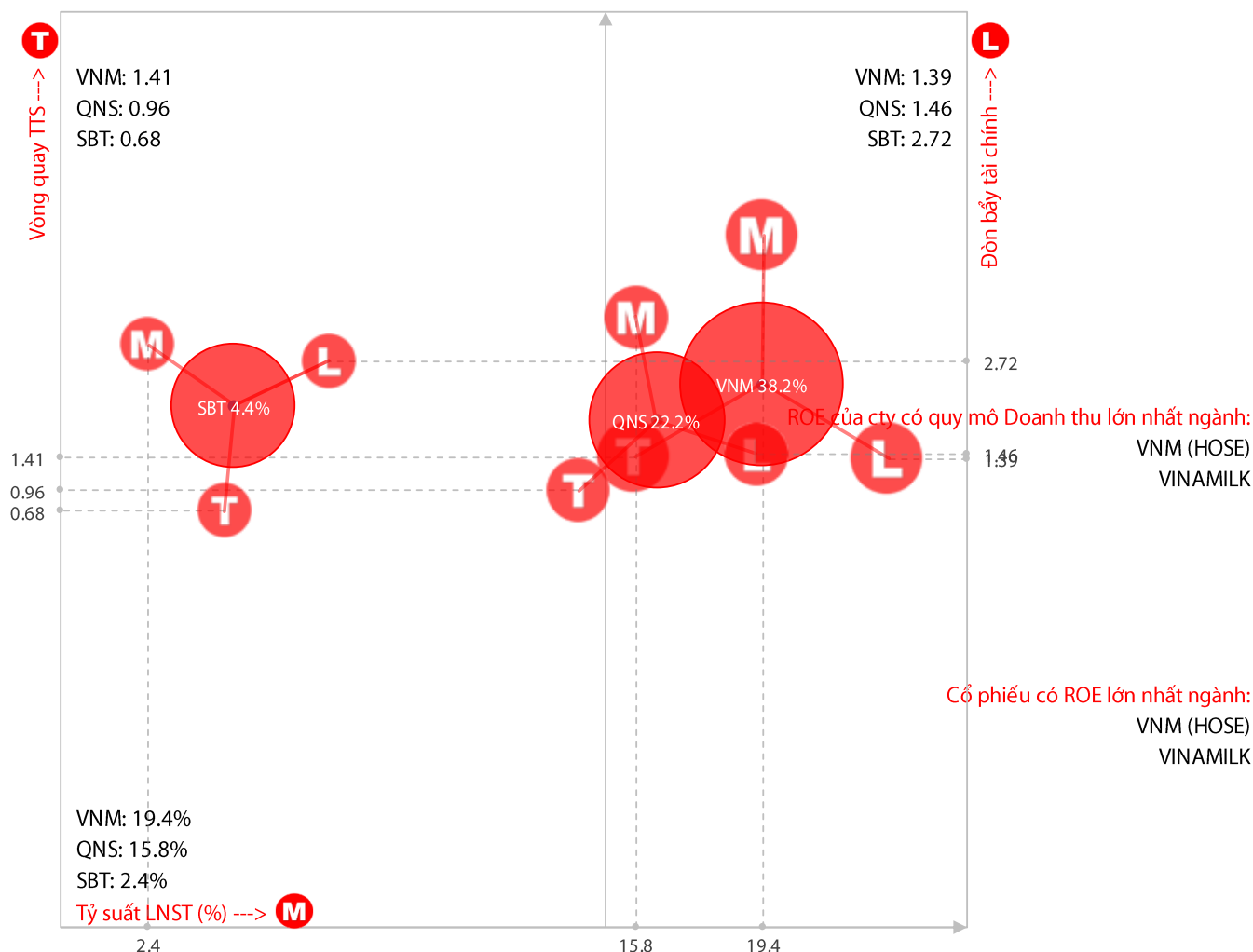
## QNS, cp tham chiếu & 1 số cp khác có ROEs (ttm) xung quanh



## Tỷ suất LNST cty mẹ 9T/2019

|     |       |
|-----|-------|
| VNM | 19.9% |
| SAF | 4.0%  |
| MCH | 20.3% |
| SGC | 9.4%  |
| TNA | 3.9%  |
| QNS | 13.3% |
| TAC | 3.0%  |
| HSL | 8.6%  |
| NCS | 6.6%  |
| VSN | 4.2%  |
| SBT | 3.6%  |

## So sánh ROE (ttm) & các thành phần



## ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU HÔM NAY ► NHẬN ĐỊNH



Thảo.DTP

### QNS – Cập nhật KQKD 9T 2019

Kết thúc Q3 2019, LNST cổ đông công ty mẹ của QNS ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 24% YoY, nguyên nhân chính đến từ việc cải thiện tỷ suất lợi nhuận gộp toàn doanh nghiệp nhờ đóng góp tích cực từ mảng đường, bia và nước khoáng. Cụ thể, do đã phân bổ hết chi phí khấu hao nửa đầu năm, biên lợi nhuận gộp mảng đường tăng rõ rệt lên 15,3% so với mức thấp 3,8% - 4,4% trong 2 quý đầu năm, đồng thời tăng 684bps từ 8,5% cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, tỷ suất lợi nhuận gộp các mảng kinh doanh khác tăng 1.287bps lên 34,7% so với cùng kỳ, chủ yếu đến từ sự cải thiện trong hiệu quả hoạt động kinh doanh của nước khoáng và bia, lần lượt tăng 46% và 53% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng tỷ suất lợi nhuận gộp mảng sữa trong Q3 có sự sụt giảm so với 2 quý đầu năm và giảm 86bps so với cùng kỳ, ở mức 40,4% do giá nguyên liệu đậu tương và đường đang phục hồi trở lại (lần lượt tăng 6% và 15% so với đầu năm).

Trong khi đó, doanh thu thuần giảm 9% YoY do doanh thu mảng đường trong Q3 sụt giảm đáng kể ~ 62% YoY, ước tính sản lượng bán ra giảm 56% so với cùng kỳ.

**Bảng 1. Kết quả kinh doanh 9T 2019**

| Đơn vị: tỷ đồng                | Q3 2019      | Q3 2018      | % tăng trưởng | 9T 2019      | 9T 2018      | % tăng trưởng |
|--------------------------------|--------------|--------------|---------------|--------------|--------------|---------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>         | <b>1.975</b> | <b>2.170</b> | <b>-9%</b>    | <b>6.048</b> | <b>6.145</b> | <b>-2%</b>    |
| Đường                          | 222          | 582          | -62%          | 1.268        | 1.755        | -28%          |
| Sữa                            | 1.338        | 1.140        | 17%           | 3.322        | 2.896        | 15%           |
| Khác                           | 415          | 448          | -7%           | 1.458        | 1.494        | -2%           |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>           | <b>719</b>   | <b>618</b>   | <b>16%</b>    | <b>1.841</b> | <b>1.677</b> | <b>10%</b>    |
| Đường                          | 34           | 49           | -31%          | 77           | 202          | -62%          |
| Sữa                            | 541          | 471          | 15%           | 1.426        | 1.158        | 23%           |
| Khác                           | 144          | 98           | 47%           | 338          | 317          | 7%            |
| Biên LNG (%)                   | 36,4%        | 28,5%        |               | 30,4%        | 27,3%        |               |
| Chi phí bán hàng               | 322          | 289          | 11%           | 696          | 638          | 9%            |
| Chi phí QLDN                   | 74           | 63           | 17%           | 206          | 159          | 30%           |
| Chi phí BH & QLDN/DTT (%)      | 20,0%        | 16,2%        |               | 14,9%        | 13,0%        |               |
| Doanh thu tài chính            | 37           | 26           | 43%           | 97           | 58           | 66%           |
| Chi phí tài chính              | 16           | 27           | -40%          | 59           | 75           | -22%          |
| Chi phí lãi vay                | 16           | 25           | -36%          | 58           | 71           | -17%          |
| Lợi nhuận khác                 | (1,1)        | 0.8          | -241%         | (3)          | 27           | -110%         |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>    | <b>342</b>   | <b>265</b>   | <b>29%</b>    | <b>974</b>   | <b>890</b>   | <b>9%</b>     |
| Biên LNTT (%)                  | 17,3%        | 12,2%        |               | 16,1%        | 14,5%        |               |
| Thuế TNDN                      | 56           | 34           | 66%           | 167          | 102          | 65%           |
| Thuế suất TNDN (%)             | 16,3%        | 12,7%        |               | 17,2%        | 11,4%        |               |
| <b>LNST sau lợi ích CĐTS</b>   | <b>286</b>   | <b>231</b>   | <b>24%</b>    | <b>807</b>   | <b>788</b>   | <b>2%</b>     |
| Biên LNST sau lợi ích CĐTS (%) | 14,5%        | 10,6%        |               | 13,3%        | 12,8%        |               |
| <b>EPS (đồng/cp)</b>           | <b>963</b>   | <b>782</b>   | <b>23%</b>    | <b>2.709</b> | <b>2.649</b> | <b>2%</b>     |

Nguồn: QNS, CTCK Rồng Việt

Lũy kế 9 tháng, doanh thu thuần giảm nhẹ 2% YoY trong khi LNST cổ đông công ty mẹ tăng 2% YoY. Nếu loại trừ khoản thu nhập đột biến 25,9 tỷ cùng kỳ năm ngoái do hỗ trợ hoạt động marketing thì LNST cổ đông công ty mẹ tăng 5% YoY. Tỷ suất lợi nhuận gộp tăng 315bps lên 30,4%. Trong đó:

**(1) Mảng sữa đậu nành đang tăng trưởng sát với mục tiêu ban lãnh đạo đề ra**, đóng góp 55% doanh thu và 77% lợi nhuận gộp.

Doanh thu tăng 15% YoY nhờ sản lượng sữa bán ra tăng 12% YoY. Dù biên lợi nhuận gộp Q3 có sự sụt giảm như đã phân tích, lũy kế 9 tháng biên lợi nhuận gộp mảng sữa đậu nành vẫn tốt hơn cùng kỳ, đạt 42,9% so với 40% trong 9T 2018. Ban lãnh đạo cho biết dòng sản phẩm ít đường mới ra mắt được người tiêu dùng đón nhận khá tích cực, chiếm khoảng 6,5% thị phần kênh hiện đại (modern trade) trong 3 tháng đầu tiên.

## ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU HÔM NAY ► NHẬN ĐỊNH

**(2) Mảng đường RS có sự cải thiện về tỷ suất lợi nhuận gộp, tuy nhiên vẫn thấp hơn mức cơ sở cao của cùng kỳ, đóng góp 21% doanh thu và 4% lợi nhuận gộp.**

Sản lượng đường bán ra và giá bán trung bình ước tính giảm 22% YoY và 8% YoY khiến doanh thu mảng đường 9T sụt giảm 28% YoY, ghi nhận 1.268 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận gộp trong Q3 có sự cải thiện tuy nhiên lũy kế 9 tháng vẫn thấp hơn mức cơ sở cao của cùng kỳ năm trước, ghi nhận 6,1% so với 11,5% trong 9T 2018.

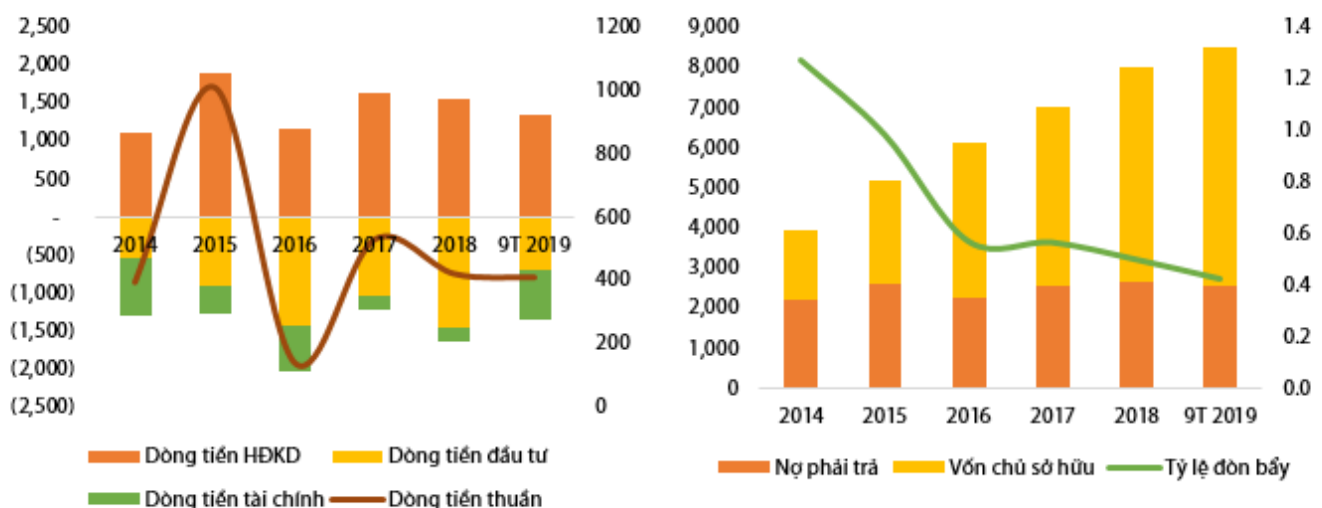
**(3) Các mảng kinh doanh khác có sự cải thiện về hiệu quả hoạt động, đóng góp 24% về doanh thu và 19% lợi nhuận gộp.** Doanh thu giảm nhẹ 2% so với cùng kỳ, tuy nhiên lợi nhuận gộp tăng 7% giúp tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện 196bps lên 23%.

**(4) Chi phí bán hàng & QLDN tăng 13% YoY, trong đó chi phí quảng cáo tăng 27% và chi phí lương nhân viên quản lý tăng 45% so với cùng kỳ.** Tỷ suất chi phí bán hàng & QLDN tăng 195bps lên 14,9%.

**(5) Doanh thu tài chính tăng mạnh 66% YoY, trong khi chi phí tài chính tiết giảm 22% YoY.** Chủ yếu nhờ khoản lãi tiền gửi tăng mạnh (+87% YoY) và chi phí lãi vay giảm 17% so với cùng kỳ.

**(6) Thuế suất TNDN tiếp tục đà tăng do nhà máy Vinasoy hết thời gian ưu đãi thuế, lên 17,2% so với mức 11,4% cùng kỳ.**

**Hình 1. Dòng tiền lành mạnh – trái, với đòn bẩy tài chính giảm nhanh – phải (tỷ đồng)**



Nguồn: QNS, CTCK Rong Việt

QNS đang giao dịch ở mức PE trượt 7 lần, khá hấp dẫn so với mức thị phần áp đảo trong ngành hàng sữa đậu nành. Tuy nhiên động thái bán cổ phiếu từ lãnh đạo doanh nghiệp cùng biến động tiêu cực của mảng đường khiến nhà đầu tư vẫn đang áp dụng mức chiết khấu cao cho giá trị cổ phiếu. Chúng tôi kỳ vọng khi ATIGA có hiệu lực, nhà máy An Khê đi vào vận hành mảng đường RE sẽ giúp QNS mở rộng thị phần đường bán lẻ nội địa giúp cải thiện biên lợi nhuận gộp mảng kinh doanh này. Đồng thời, chiến lược mở rộng ngành hàng sữa đậu nành vươn tới doanh thu tỷ USD sẽ là chất xúc tác giúp cho giá cổ phiếu trong tương lai. Cho năm 2019, Rong Viet Securities duy trì khuyến nghị **MUA** cho QNS với giá mục tiêu **40.500 đồng/cp**.

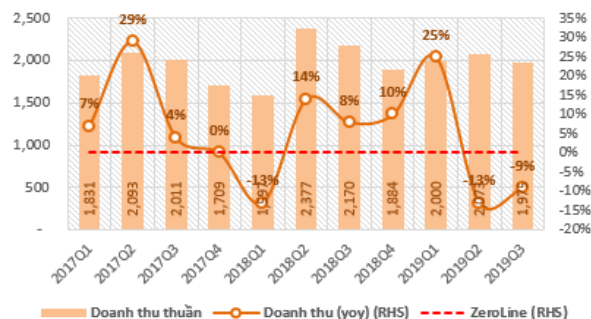
# ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU HÔM NAY ► FAVIZ



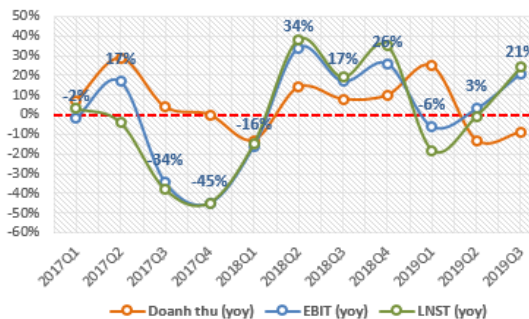
Phương.NĐ

**QNS**

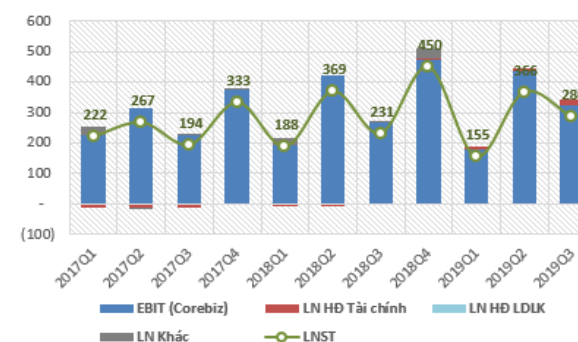
**Doanh thu thuần**



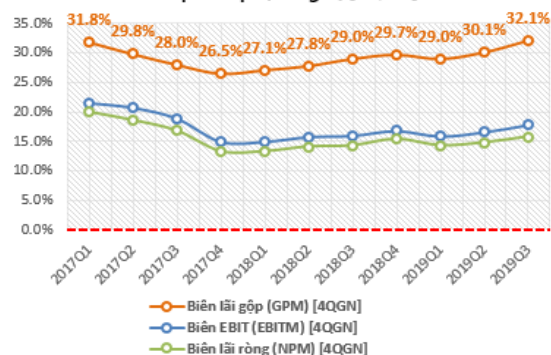
**Doanh thu, EBIT, LNST (yoy)**



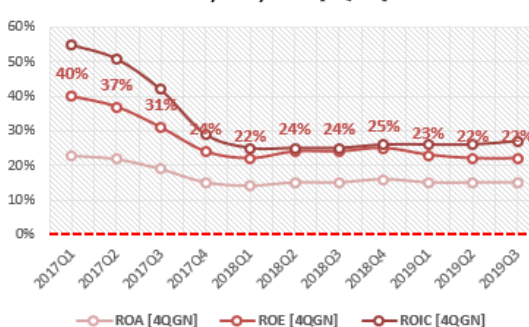
**Cơ cấu lợi nhuận**



**Biên lợi nhuận (Margin) [4QGN]**



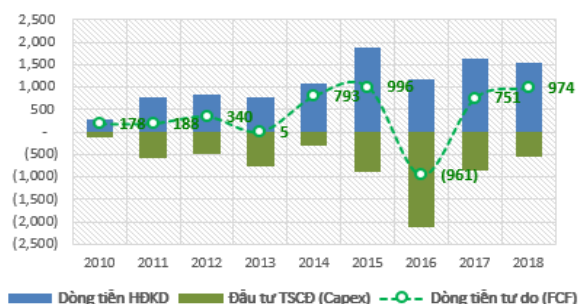
**ROA, ROE, ROIC [4QGN]**



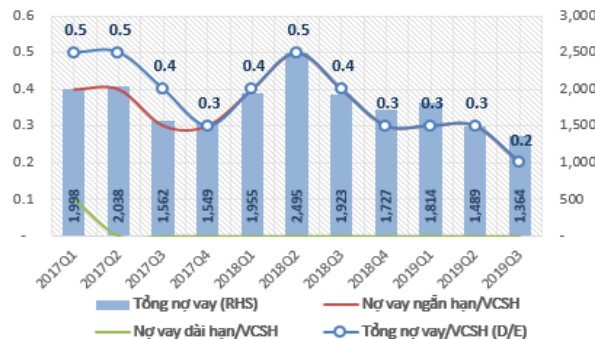
**EPS [4QGN]**



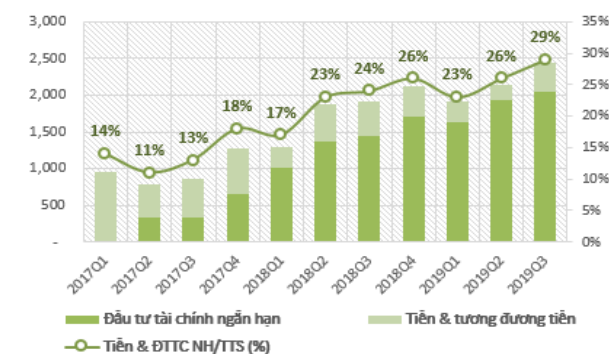
**Dòng tiền tự do (FCF) [FY]**



**Nợ vay/VCSH**



**Tiền & Đầu tư tài chính**

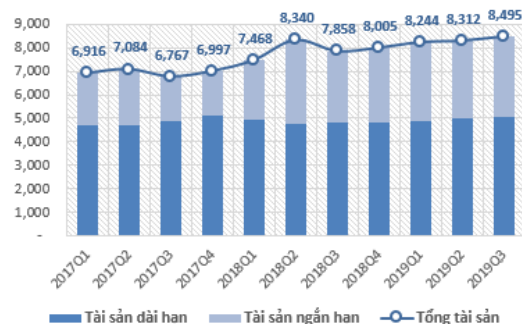




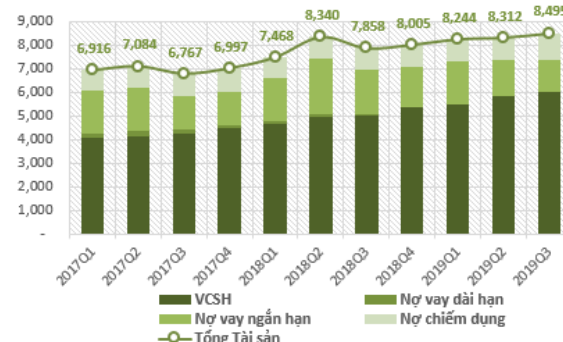
# ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU HÔM NAY ► FAVIZ

**QNS**

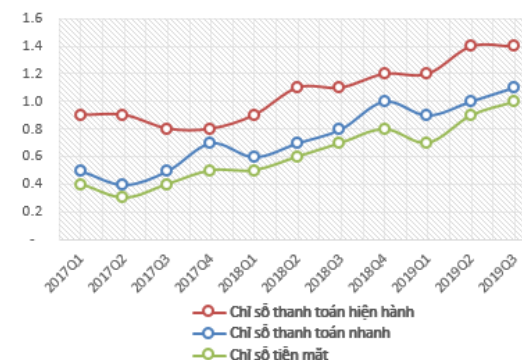
**Cơ cấu tài sản**



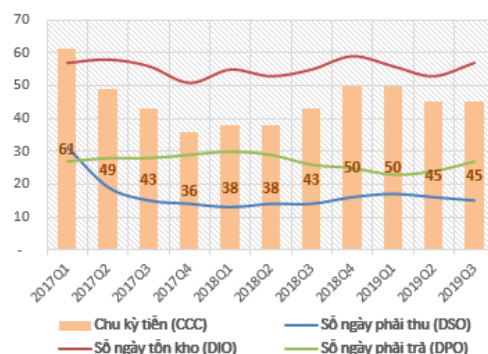
**Cơ cấu nguồn vốn**



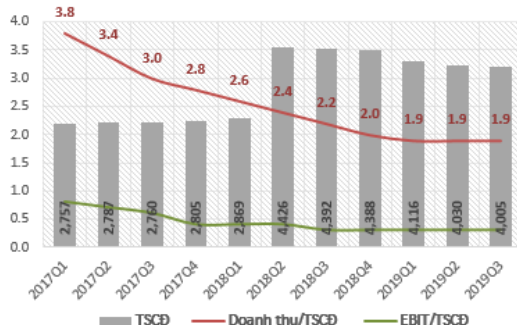
**Chỉ số thanh khoản**



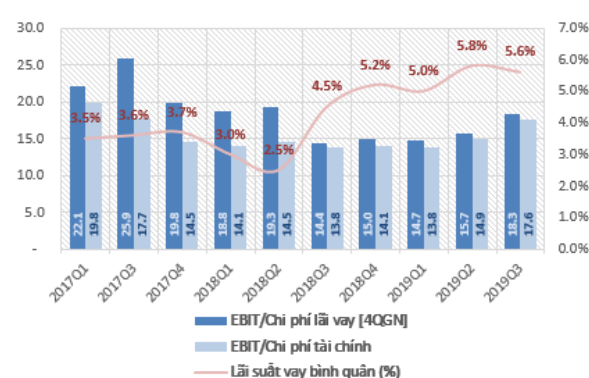
**Chu kỳ tiến mặt (Cash Conversion Cycle)**



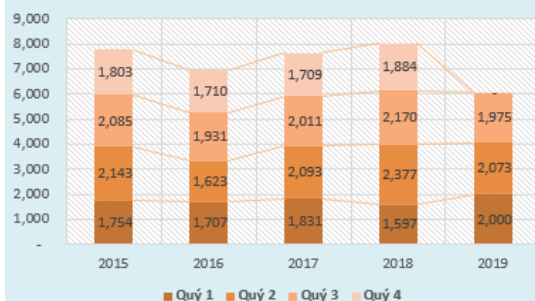
**Hiệu quả sử dụng TSCĐ**



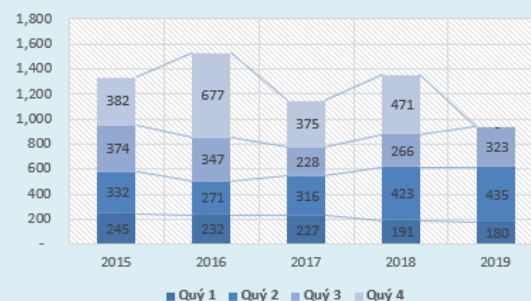
**Hệ số thanh toán lãi vay**



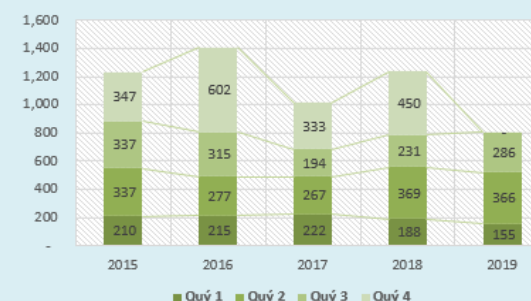
**Doanh thu thuần**



**EBIT**



**Lợi nhuận sau thuế**



# ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU HÔM NAY ► PTKT

## QNS

UPCOM

turnover 1Y (-12.5%)

6M (-15.9%)

YTD (-14.9%)

1M (-2.2%)

3M (-3.3%)



Thanh khoản trung bình



Dòng tiền 5 phiên: Vào (giảm)



Đầu tư: Rong Việt - Tích cực



Khải.TQ

QNS vẫn nằm trong kênh giảm điểm trung dài hạn. Mặc dù giá nằm ở gần vùng hỗ trợ mạnh 28.x nhưng chưa xuất hiện dấu hiệu đảo chiều.



# ĐẦU TƯ ► CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ GẦN ĐÂY

Danh sách cổ phiếu đã được giới thiệu trong các số Bản tin gần đây

Thị giá & số liệu thị trường khác đã được update đến hiện tại

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <div> <div> <div>VPB</div> <div> <p>Bản tin ngày 05/11</p> <p>VPBank</p> <p>HOSE</p> <p>Nhóm Tỷ USD</p> <p>Thanh khoản: Cao</p> <p>OCT15:100.232B310</p> <p>EPS (ttm): 3.4</p> <p>P/E trail: 6.5</p> <p>BV: 16.8</p> <p>P/B: 1.3</p> </div> </div> <div> <p>Ngành: Ngân hàng (VPB xếp hạng 6 theo GTT)</p> </div> </div> <div> <div> <div>22,250</div> <div>&lt;- Thị giá</div> </div> <div>25,300</div> <div>&lt;- Giá mục tiêu (đ/cp)</div> </div> <div> <div>Khuyến nghị ĐT (RongViet)</div> <div>Tích lũy</div> <div>Kỳ vọng +13.7%</div> </div> | <div> <div> <div>Bản tin 31/10</div> <div> <p>EPS (ttm): 2.1</p> <p>P/E trail: 13.6</p> <p>BV: 18.5</p> <p>P/B: 1.5</p> </div> </div> <div> <div>BĐS Nam Long</div> <div>HOSE</div> <div>Mid cap</div> <div>Thanh khoản: Cao</div> </div> </div> <div> <div>NLG</div> <div>28,650</div> <div>39,600</div> <div>Kỳ vọng +38.2%</div> </div>                                         |
| <div> <div> <div>PME</div> <div> <p>Dược phẩm Pymephar...</p> <p>HOSE</p> <p>Mid cap</p> <p>Thanh khoản: Thấp</p> <p>OCT15:117.200.300</p> </div> </div> <div> <div>Bản tin 04/11</div> <div> <p>EPS (ttm): 4.1</p> <p>P/E trail: 13.5</p> <p>BV: 24.8</p> <p>P/B: 2.2</p> </div> </div> </div> <div> <div>55,000</div> <div>63,000</div> <div>Kỳ vọng +14.5%</div> </div> <div> <div>Khả quan</div> </div>                                                                                                                                          | <div> <div> <div>Bản tin 30/10</div> <div> <p>EPS (ttm): 3.5</p> <p>P/E trail: 7.5</p> <p>BV: 21.3</p> <p>P/B: 1.2</p> </div> </div> <div> <div>Thế Giới Số</div> <div>HOSE</div> <div>Small cap</div> <div>Thanh khoản: Cao</div> </div> </div> <div> <div>DGW</div> <div>25,850</div> </div> <div> <div>Khả quan</div> </div>                                                    |
| <div> <div> <div>VSC</div> <div> <p>VICONSHIP</p> <p>HOSE</p> <p>Mid cap</p> <p>Thanh khoản: Trung bình</p> </div> </div> <div> <div>Bản tin 01/11</div> <div> <p>EPS (ttm): 4.1</p> <p>P/E trail: 6.3</p> <p>BV: 29.9</p> <p>P/B: 0.9</p> </div> </div> </div> <div> <div>25,700</div> <div>30,000</div> <div>Kỳ vọng +16.7%</div> </div> <div> <div>Mua</div> </div>                                                                                                                                                                               | <div> <div> <div>Bản tin 29/10</div> <div> <p>EPS (ttm): 3.5</p> <p>P/E trail: 5.1</p> <p>BV: 13.5</p> <p>P/B: 1.3</p> </div> </div> <div> <div>VIBBank</div> <div>UPCOM</div> <div>Large cap</div> <div>Thanh khoản: Cao</div> <p>OCT15:100.200B333</p> </div> </div> <div> <div>VIB</div> <div>17,783</div> </div> <div> <div>K khuyến nghị</div> </div>                         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <div> <div> <div>Bản tin 28/10</div> <div> <p>EPS (ttm): 31.3</p> <p>P/E trail: 5.4</p> <p>BV: 37.5</p> <p>P/B: 4.5</p> </div> </div> <div> <div>KCN Nam Tân Uyên</div> <div>UPCOM</div> <div>Mid cap</div> <div>Thanh khoản: Thấp</div> </div> </div> <div> <div>NTC</div> <div>170,510</div> <div>170,100</div> <div>Kỳ vọng -0.2%</div> </div> <div> <div>Tích lũy</div> </div> |

# PHỤ LỤC

## Môi giới 15

## Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu

(Tổng số cổ phiếu: 15)

|    |                |       |                               | VNIndex 1Thg: +3.7%                  |               |                                          | Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 13 |                   |                 |              | Khuyến nghị: Mua 2 vs Bán 0         |                                                                                                     | Thống kê khuyến nghị: tích cực 6 vs tiêu cực 0 |                |                                                               |                |
|----|----------------|-------|-------------------------------|--------------------------------------|---------------|------------------------------------------|------------------------------------|-------------------|-----------------|--------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------|----------------|
| CK | Phân ngành     |       | Nhóm vốn hóa                  | Thanh khoản                          | Thị giá 05/11 | 1N: 8+7-<br>1Thg: 4+11-                  | EPS -> P/E<br>BV -> P/B            | Xu hướng hiện tại | Hỗ trợ Kháng cự | Khuyến nghị  | Kỳ vọng 2 tuần                      | Nhận định kỹ thuật                                                                                  | Khuyến nghị (ngày)                             | Mục tiêu 1Y    | Dự phóng 2019F (đ.v: tỷ đồng)                                 | EPS -> P/E (f) |
| 1  | <b>BTP</b><br> | HOSE  | Sản xuất & Phân phối Điện     | Small cap<br>Thanh khoản: Thấp       | 12.4          | 1N: +1.2%<br>1Thg: -1.2%<br>Beta: 0.44   | 1.6 -> 7.6<br>18.2 -> 0.7          |                   |                 |              |                                     |                                                                                                     |                                                |                |                                                               |                |
| 2  | <b>DBC</b><br> | HOSE  | Nuôi trồng nông & hải sản     | Mid cap<br>Thanh khoản: Trung bình   | 23.3          | 1N: -0.4%<br>1Thg: +3.6%<br>Beta: n/a    | 1.8 -> 13.2<br>30.4 -> 0.8         |                   |                 |              |                                     |                                                                                                     |                                                |                |                                                               |                |
| 3  | <b>DPG</b><br> | HOSE  | Xây dựng                      | Mid cap<br>Thanh khoản: Trung bình   | 46.0          | 1N: +1.5%<br>1Thg: -3.6%<br>Beta: 1.31   | 1 -> 48.3<br>15.9 -> 2.9           | Tăng<br>28/10     | 40.00<br>54.00  |              |                                     | Xu hướng giảm vẫn chủ đạo.                                                                          |                                                |                |                                                               |                |
| 4  | <b>DRC</b><br> | HOSE  | Lốp xe                        | Mid cap<br>OCT15:100.250B323         | 22.8          | 1N: +0.2%<br>1Thg: -4.2%<br>Beta: 0.9    | 1.7 -> 13.4<br>13.6 -> 1.7         | Giảm<br>01/11     | 22.50<br>24.00  |              |                                     | Biến động giảm co xung quanh vùng giá 23.5, xu hướng tăng có dấu hiệu suy yếu.                      | Năm giữ<br>28/10                               | 23.6<br>+3.7%  | Doanh thu: 3,875 (+9.1% yoy).<br>LNST cty mẹ: 155 (+10%)      | 1.2 -> 18.7    |
| 5  | <b>EVF</b><br> | UPCOM | Quản lý tài sản               | Mid cap<br>Thanh khoản: Trung bình   | 6.0           | 1N: -1.5%<br>1Thg: -5.8%<br>Beta: 3.68   | 0.9 -> 6.9<br>13.5 -> 0.4          |                   |                 |              |                                     |                                                                                                     |                                                |                |                                                               |                |
| 6  | <b>GMD</b><br> | HOSE  | Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng | Mid cap<br>Thanh khoản: Trung bình   | 25.9          | 1N: +2%<br>1Thg: -0.1%<br>Beta: 0.21     | 2 -> 12.7<br>21.1 -> 1.2           | Sideway<br>23/10  | 25.50<br>30.00  |              |                                     | Đà giảm đã chậm lại tại vùng 26.3 và có thể hồi phục nhẹ với vùng cản 27.5                          | Tích lũy<br>28/10                              | 30.0<br>+15.8% | Doanh thu: 2,859 (+5.6% yoy).<br>LNST cty mẹ: 524 (-71.6%)    | 1.7 -> 14.9    |
| 7  | <b>GVR</b><br> | UPCOM | Nhựa, cao su & sợi            | Nhóm Tỷ USD<br>Thanh khoản: Cao      | 13.8          | 1N: -0.3%<br>1Thg: -0.2%<br>Beta: 1.81   | 0.8 -> 16.7<br>11.4 -> 1.2         | Sideway<br>24/10  | 13.00<br>16.70  | Mua<br>24/10 | MT: 14.8<br>(+7.1%)<br>Cắt lỗ: 13   | Dấu hiệu đảo chiều sau khi tích lũy trên nền giá 13.                                                |                                                |                |                                                               |                |
| 8  | <b>HDG</b><br> | HOSE  | Bất động sản                  | Mid cap<br>Thanh khoản: Cao          | 35.9          | 1N: -0.1%<br>1Thg: -1.2%<br>Beta: 0.74   | 9.3 -> 3.9<br>19.1 -> 1.9          |                   |                 |              |                                     |                                                                                                     | Tích lũy<br>28/10                              | 37.2<br>+3.8%  | Doanh thu: 4,744 (+47.3% yoy).<br>LNST cty mẹ: 654 (+3.2%)    | 5.5 -> 6.5     |
| 9  | <b>HPG</b><br> | HOSE  | Thép và sản phẩm thép         | Nhóm Tỷ USD<br>OCT15:149.221B317     | 21.9          | 1N: +0.7%<br>1Thg: +2.6%<br>Beta: 0.7    | 2.7 -> 8.2<br>16.6 -> 1.3          | Tăng<br>29/10     | 20.50<br>24.00  | Mua<br>29/10 | MT: 23.5<br>(+7.3%)<br>Cắt lỗ: 21.2 | Vượt lên trên hai đường EMA(26) và EMA(45) để hình thành xu hướng tăng. KLGD có sự gia tăng mạnh mẽ | Mua<br>28/10                                   | 29.7<br>+35.6% | Doanh thu: 67,968 (+21.7% yoy).<br>LNST cty mẹ: 8,612 (+0.5%) | 2.9 -> 7.5     |
| 10 | <b>KSB</b><br> | HOSE  | Khai khoáng                   | Small cap<br>Thanh khoản: Trung bình | 18.3          | 1N: -1.1%<br>1Thg: -16.5%<br>Beta: -0.79 | 5.7 -> 3.2<br>21.7 -> 0.8          | Giảm<br>31/10     | 18.50<br>20.00  |              |                                     | Phá vỡ đáy cũ 20, có thể giảm sâu thêm nữa trước khi phục hồi kỹ thuật                              |                                                |                |                                                               |                |
| 11 | <b>MFS</b><br> | UPCOM | Viễn thông di động            | Small cap<br>Thanh khoản: Thấp       | 22.9          | 1N: -1.5%<br>1Thg: +1.5%<br>Beta: 1.96   | 4 -> 5.7<br>23.4 -> 1              |                   |                 |              |                                     |                                                                                                     |                                                |                |                                                               |                |
| 12 | <b>NLG</b><br> | HOSE  | Bất động sản                  | Mid cap<br>Thanh khoản: Cao          | 28.7          | 1N: +0.5%<br>1Thg: -1.2%<br>Beta: 0.34   | 2.1 -> 13.6<br>18.5 -> 1.5         |                   |                 |              |                                     |                                                                                                     | Mua<br>28/10                                   | 38.7<br>+35.1% | Doanh thu: 3,263 (-6.2% yoy).<br>LNST cty mẹ: 972 (+27.4%)    | 3.8 -> 7.6     |
| 13 | <b>PC1</b><br> | HOSE  | Xây dựng                      | Mid cap<br>Thanh khoản: Trung bình   | 18.7          | 1N: -0.3%<br>1Thg: -5.3%<br>Beta: 0.77   | 2.6 -> 7.3<br>20.7 -> 0.9          |                   |                 |              |                                     |                                                                                                     | Mua<br>28/10                                   | 26.8<br>+43.7% | Doanh thu: 6,197 (+21.9% yoy).<br>LNST cty mẹ: 407 (-12.8%)   | 2.3 -> 8.1     |
| 14 | <b>SAV</b><br> | HOSE  | Vật liệu xây dựng & Nội thất  | Small cap<br>Thanh khoản: Thấp       | 9.1           | 1N: +0.6%<br>1Thg: -3.4%<br>Beta: -1.69  | 1.6 -> 5.5<br>19.7 -> 0.5          |                   |                 |              |                                     |                                                                                                     |                                                |                |                                                               |                |
| 15 | <b>VHC</b><br> | HOSE  | Nuôi trồng nông & hải sản     | Mid cap<br>Thanh khoản: Trung bình   | 81.8          | 1N: +0.2%<br>1Thg: +0.4%<br>Beta: 0.32   | 15.4 -> 5.3<br>52.7 -> 1.6         | Tăng<br>29/10     | 75.00<br>83.50  |              |                                     | Xuất hiện tín hiệu tăng ngắn hạn tuy nhiên VHC sẽ sớm phải đối mặt vùng kháng cự mạnh 83x           | Tích lũy<br>28/10                              | 97.5<br>+19.2% | Doanh thu: 7,893 (-14.9% yoy).<br>LNST cty mẹ: 1,158 (-19.7%) | 12.4 -> > 6.6  |

# PHỤ LỤC

## CN Cần Thơ

## Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu

(Tổng số cổ phiếu: 15)

|    |            |       |                                                   | VNIndex 1Thg: +3.7%                       |                        |                                         | Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 15 |                       |                | Khuyến nghị: Mua 4 vs Bán 1 |                                                                               |                                                                                                     | Thống kê khuyến nghị: tích cực 7 vs tiêu cực 0 |                                                              |                                                               |                |
|----|------------|-------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|-----------------------|----------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------|
| CK | Phân ngành |       | Nhóm vốn hóa<br>Thanh khoản                       | Thị giá<br>05/11                          | 1N: 8+6-<br>1Thg: 9+6- | EPS -> P/E<br>BV -> P/B                 | Xu hướng<br>hiện tại               | Hỗ trợ<br>Kháng<br>cự | Khuyến<br>nghị | Kỳ vọng 2<br>tuần           | Nhận định kỹ thuật                                                            | Khuyến<br>nghị (ngày)                                                                               | Mục<br>tiêu 1Y                                 | Dự phóng 2019F<br>(đ.v: tỷ đồng)                             | EPS -><br>P/E (f)                                             |                |
| 1  | AAA<br>    | HOSE  | Nhựa, cao su & sợi                                | Mid cap<br>Thanh khoản: Cao               | 15.9                   | 1N: +1.6%<br>1Thg: +4.6%<br>Beta: 0.94  | 2.7 -> 5.9<br>16.8 -> 0.9          | Tăng                  | 14.80          |                             | Xuất hiện nhịp hồi phục sau khi tạo vùng hỗ trợ 14.8 và hướng về vùng 16.5-17 |                                                                                                     |                                                |                                                              |                                                               |                |
| 2  | BSR<br>    | UPCOM | Sản xuất và Khai<br>thác dầu khí                  | Nhóm Tỷ USD<br>OCT15:128.200B344          | 10.0                   | 1N: -0%<br>1Thg: +8.4%<br>Beta: 0.24    | 0.1 -> 98.7<br>10.5 -> 1           | Tăng                  | 9.20           | Mua                         | MT: 10.7<br>(+7%)<br>Cắt lỗ: 9.5                                              | Biên độ dao động đang co hẹp dần, sẽ sớm có biến động lớn. Thanh khoản cho thấy lực mua mạnh thời   | Mua                                            | 10.3<br>+3%                                                  | Doanh thu: 103,354 (-7.7% yoy).<br>LNST cty mẹ: 1,623 (-55%)  | 0.6 -><br>17.1 |
| 3  | BVH<br>    | HOSE  | Bảo hiểm nhân thọ                                 | Nhóm Tỷ USD<br>Thanh khoản: Trung<br>bình | 75.2                   | 1N: +1.6%<br>1Thg: +3.3%<br>Beta: 1.38  | 1.8 -> 42.5<br>22.4 -> 3.4         | Tăng                  | 71.50          | Mua                         | MT: 79.5<br>(+5.7%)<br>Cắt lỗ: 71.5                                           | Có tín hiệu đảo chiều đi lên tại vùng hỗ trợ mạnh 71.x                                              |                                                |                                                              |                                                               |                |
| 4  | CII<br>    | HOSE  | Xây dựng                                          | Mid cap<br>OCT15:136.239B331              | 24.3                   | 1N: -0.2%<br>1Thg: -0.6%<br>Beta: -0.23 | 1.9 -> 12.8<br>21.9 -> 1.1         | Tăng                  | 22.00          | Bán                         | MT: 22.5 (-<br>7.4%)<br>Cắt lỗ: 24.8                                          | Được hỗ trợ tại vùng 23.5 và hồi phục nhưng vẫn sẽ chịu áp lực cản trước ngưỡng 25.5                |                                                |                                                              |                                                               |                |
| 5  | DPM<br>    | HOSE  | Sản phẩm hóa dầu,<br>Nông dược & Hóa<br>chất khác | Mid cap<br>OCT15:100.235M300              | 13.7                   | 1N: 0%<br>1Thg: -3.5%<br>Beta: -0.13    | 0.7 -> 18.3<br>19.9 -> 0.7         | Giảm                  | 10.40          |                             | Nhịp tăng nhẹ pullback, thiếu ổn định trend tăng.                             | Mua                                                                                                 | 16.4<br>+20.1%                                 | Doanh thu: 7,229 (-22.2% yoy).<br>LNST cty mẹ: 329 (-53%)    | 0.7 -><br>19.1                                                |                |
| 6  | GAS<br>    | HOSE  | Phân phối xăng<br>dầu & khí đốt                   | Nhóm Tỷ USD<br>Thanh khoản: Trung<br>bình | 107.0                  | 1N: +1.4%<br>1Thg: +6.5%<br>Beta: 2.13  | 6.4 -> 16.8<br>23.8 -> 4.5         | Sideway               | 96.00          |                             | Sideway trong vùng 97.5- 110, chưa có dấu hiệu bứt phá ra khỏi kênh giá.      |                                                                                                     |                                                |                                                              |                                                               |                |
| 7  | HPG<br>    | HOSE  | Thép và sản phẩm<br>thép                          | Nhóm Tỷ USD<br>OCT15:149.221B317          | 21.9                   | 1N: +0.7%<br>1Thg: +2.6%<br>Beta: 0.7   | 2.7 -> 8.2<br>16.6 -> 1.3          | Tăng                  | 20.50          | Mua                         | MT: 23.5<br>(+7.3%)<br>Cắt lỗ: 21.2                                           | Vượt lên trên hai đường EMA(26) và EMA(45) để hình thành xu hướng tăng. KLGD có sự gia tăng mạnh mẽ | Mua                                            | 29.7<br>+35.6%                                               | Doanh thu: 67,968 (+21.7% yoy).<br>LNST cty mẹ: 8,612 (+0.5%) | 2.9 -><br>7.5  |
| 8  | HT1<br>    | HOSE  | Vật liệu xây dựng &<br>Nội thất                   | Mid cap<br>OCT15:147.243M300              | 16.5                   | 1N: -0.6%<br>1Thg: +2.5%<br>Beta: 0.34  | 1.9 -> 8.6<br>14.7 -> 1.1          | Tăng                  | 15.00          | Mua                         | MT: 18<br>(+9.1%)<br>Cắt lỗ: 15.5                                             | Bứt phá thành công khỏi ngưỡng kháng cự mạnh 16                                                     |                                                |                                                              |                                                               |                |
| 9  | MPC<br>    | UPCOM | Nuôi trồng nông &<br>hải sản                      | Mid cap<br>Thanh khoản: Trung<br>bình     | 21.7                   | 1N: -1.3%<br>1Thg: -14.3%<br>Beta: 3.6  | 4 -> 5.5<br>25.4 -> 0.9            | Giảm                  | 21.50          |                             | Có thể tạo đáy tại vùng hỗ trợ mạnh 21.5                                      |                                                                                                     |                                                |                                                              |                                                               |                |
| 10 | POW<br>    | HOSE  | Sản xuất & Phân<br>phối Điện                      | Nhóm Tỷ USD<br>OCT15:100.200B318          | 13.7                   | 1N: -0.4%<br>1Thg: +6.6%<br>Beta: 0.56  | 1.1 -> 12.8<br>11.4 -> 1.2         | Sideway               | 10.00          |                             | Thoát khỏi xu hướng dontrend và đang điều chỉnh.                              | Mua                                                                                                 | 18.0<br>+31.4%                                 | Doanh thu: 34,111 (+4.4% yoy).<br>LNST cty mẹ: 2,441 (+27%)  | 1 -><br>13.2                                                  |                |
| 11 | PPC<br>    | HOSE  | Sản xuất & Phân<br>phối Điện                      | Mid cap<br>Thanh khoản: Trung<br>bình     | 26.0                   | 1N: +0.8%<br>1Thg: -0.4%<br>Beta: 1.02  | 3.3 -> 7.9<br>18.6 -> 1.4          |                       |                |                             |                                                                               | Nắm giữ                                                                                             | 23.0<br>-11.5%                                 | Doanh thu: 6,862 (-3.6% yoy).<br>LNST cty mẹ: 993 (-11.6%)   | 3 -><br>8.8                                                   |                |
| 12 | PVD<br>    | HOSE  | Thiết bị và Dịch vụ<br>Dầu khí                    | Mid cap<br>OCT15:100.224M341              | 17.0                   | 1N: +3.7%<br>1Thg: -0.3%<br>Beta: 1.36  | 1 -> 16.4<br>32.4 -> 0.5           | Giảm                  | 15.50          |                             | Dấu hiệu đi xuống chưa dừng lại ngắn hạn.                                     | Mua                                                                                                 | 21.1<br>+24.2%                                 | Doanh thu: 4,321 (-21.4% yoy).<br>LNST cty mẹ: -38           |                                                               |                |
| 13 | SSI<br>    | HOSE  | Môi giới chứng<br>khoán                           | Mid cap<br>Thanh khoản: Cao               | 21.8                   | 1N: +0.2%<br>1Thg: +0.9%<br>Beta: 1.82  | 1.7 -> 12.7<br>19 -> 1.1           | Sideway               | 20.50          |                             | Sideway trong ngắn hạn và có khả năng sẽ sớm tăng trở lại                     |                                                                                                     |                                                |                                                              |                                                               |                |
| 14 | VEA<br>    | UPCOM | Máy công nghiệp                                   | Nhóm Tỷ USD<br>Thanh khoản: Trung<br>bình | 49.0                   | 1N: -0%<br>1Thg: -10.8%<br>Beta: 2.87   | 5.5 -> 9<br>22.3 -> 2.2            |                       |                |                             |                                                                               | Mua                                                                                                 | 59.8<br>+22%                                   | Doanh thu: 6,015 (-14.9% yoy).<br>LNST cty mẹ: 7,534 (+7.5%) | 5.7 -><br>8.6                                                 |                |
| 15 | VRE<br>    | HOSE  | Bất động sản                                      | Nhóm Tỷ USD<br>OCT15:100.206M300          | 35.6                   | 1N: +2%<br>1Thg: +11.6%<br>Beta: 1.57   | 1.1 -> 31.2<br>12 -> 3             | Tăng                  | 33.50          |                             | Vượt vùng cản 33.5 tạo nhịp hồi phục hướng về vùng kháng cự 37.5              | Tích lũy                                                                                            | 38.6<br>+8.3%                                  | Doanh thu: 9,276 (+1.7% yoy).<br>LNST cty mẹ: 2,927 (+21.7%) | 1.3 -><br>28.3                                                |                |



# PHỤ LỤC

## Môi giới 17

## Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu

(Tổng số cổ phiếu: 15)

| CK |                                                                                                   | Phân ngành | Nhóm vốn hóa                                      | Thanh khoản | Thị giá<br>05/11 | VNIndex 1Thg: +3.7% | 1N: 6+8-<br>1Thg: 3+12- | EPS -> P/E<br>BV -> P/B | Khuyến nghị: Giao dịch (2)         |                             |                |                              | Khuyến nghị: Đầu tư (7)                                                                                   |                          |                |                                                                |                   |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------------------------------------|-------------|------------------|---------------------|-------------------------|-------------------------|------------------------------------|-----------------------------|----------------|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------|-------------------|
|    |                                                                                                   |            |                                                   |             |                  |                     |                         |                         | Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 15 | Khuyến nghị: Mua 2 vs Bán 0 |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
|    |                                                                                                   |            |                                                   |             |                  |                     |                         |                         | Xu hướng<br>hiện tại               | Hỗ trợ<br>Kháng<br>cự       | Khuyến<br>nghị | Kỳ vọng 2<br>tuần            | Nhận định kỹ thuật                                                                                        | Khuyến<br>nghị (ngày)    | Mục<br>tiêu 1Y | Dự phóng 2019F<br>(đ.v: tỷ đồng)                               | EPS -><br>P/E (f) |
| 1  | <b>ASP</b><br>   | HOSE       | Phân phối xăng<br>dầu & khí đốt                   | Small cap   | <b>7.0</b>       | 1N: -0.7%           | 2.1 -> 3.4              |                         |                                    |                             |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
|    |                                                                                                   |            | Thanh khoản: Trung<br>bình                        |             |                  | 1Thg: -7.7%         | 12.8 -> 0.5             |                         |                                    |                             |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
|    |                                                                                                   |            |                                                   |             |                  | Beta: -0.51         |                         |                         |                                    |                             |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
| 2  | <b>DGC</b><br>   | HNX        | Sản phẩm hóa dầu,<br>Nông dược & Hóa<br>chất khác | Mid cap     | <b>25.8</b>      | 1N: -0.4%           | 5.3 -> 4.9              |                         |                                    |                             |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
|    |                                                                                                   |            | Thanh khoản: Trung<br>bình                        |             |                  | 1Thg: -5.5%         | 25.4 -> 1               |                         |                                    |                             |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
|    |                                                                                                   |            |                                                   |             |                  | Beta: 0.06          |                         |                         |                                    |                             |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
| 3  | <b>DPM</b><br>   | HOSE       | Sản phẩm hóa dầu,<br>Nông dược & Hóa<br>chất khác | Mid cap     | <b>13.7</b>      | 1N: 0%              | 0.7 -> 18.3             |                         | Giảm                               | 10.40                       |                |                              | Nhịp tăng nhẹ pullback, thiếu ổn<br>định trend tăng.                                                      | <b>Mua</b><br>28/10      | 16.4           | Doanh thu: 7,229 (-22.2% yoy).<br>LNST cty mẹ: 329 (-53%)      | 0.7 -><br>19.1    |
|    |                                                                                                   |            | OCT15:100.235M300                                 |             |                  | 1Thg: -3.5%         | 19.9 -> 0.7             |                         |                                    |                             |                |                              |                                                                                                           |                          | <b>+20.1%</b>  |                                                                |                   |
|    |                                                                                                   |            |                                                   |             |                  | Beta: -0.13         |                         |                         |                                    |                             |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
| 4  | <b>DXG</b><br>   | HOSE       | Bất động sản                                      | Mid cap     | <b>15.9</b>      | 1N: -0.6%           | 3.1 -> 5.2              |                         | Sideway                            | 15.00                       | <b>Mua</b>     |                              | Nhịp điều chỉnh có khả năng đã kết<br>thúc và xu hướng tăng sẽ được khôi<br>phục                          | <b>Mua</b><br>28/10      | 22.0           | Doanh thu: 4,439 (-4.5% yoy).<br>LNST cty mẹ: 1,230 (+4.3%)    | 2.4 -><br>6.6     |
|    |                                                                                                   |            | OCT15:106.230B328                                 |             |                  | 1Thg: -5.1%         | 13 -> 1.2               |                         | 29/10                              | 17.00                       | 29/10          | <b>MT: 17.5<br/>(+10.4%)</b> |                                                                                                           |                          | <b>+38.8%</b>  |                                                                |                   |
|    |                                                                                                   |            |                                                   |             |                  | Beta: 1.41          |                         |                         |                                    |                             |                | Cắt lỗ: 15.3                 |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
| 5  | <b>FPT</b><br>   | HOSE       | Phần mềm                                          | Nhóm Tỷ USD | <b>59.8</b>      | 1N: -0.2%           | 4.7 -> 12.8             |                         | Sideway                            | 52.00                       |                |                              | Kiểm tra lại vùng đỉnh cũ, kênh giá<br>tăng vẫn đang được giữ vững                                        | <b>Mua</b><br>28/10      | 70.0           | Doanh thu: 28,598 (+23.2% yoy).<br>LNST cty mẹ: 3,319 (+26.7%) | 4.9 -><br>12.2    |
|    |                                                                                                   |            | Thanh khoản: Cao                                  |             |                  | 1Thg: +5.3%         | 20 -> 3                 |                         | 25/10                              | 60.00                       |                |                              |                                                                                                           |                          | +17.1%         |                                                                |                   |
|    |                                                                                                   |            |                                                   |             |                  | Beta: 1.39          |                         |                         |                                    |                             |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
| 6  | <b>HBC</b><br>   | HOSE       | Xây dựng                                          | Mid cap     | <b>12.5</b>      | 1N: +0.8%           | 1.7 -> 7.3              |                         |                                    |                             |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
|    |                                                                                                   |            | OCT15:100.218.325                                 |             |                  | 1Thg: -12.3%        | 14.8 -> 0.8             |                         |                                    |                             |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
|    |                                                                                                   |            |                                                   |             |                  | Beta: 0.82          |                         |                         |                                    |                             |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
| 7  | <b>HND</b><br>   | UPCOM      | Sản xuất & Phân<br>phối Điện                      | Mid cap     | <b>14.3</b>      | 1N: -1.3%           | 1.7 -> 8.3              |                         |                                    |                             |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
|    |                                                                                                   |            | Thanh khoản: Thấp                                 |             |                  | 1Thg: -6.4%         | 11.8 -> 1.2             |                         |                                    |                             |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
|    |                                                                                                   |            |                                                   |             |                  | Beta: 0.17          |                         |                         |                                    |                             |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
| 8  | <b>HPG</b><br>   | HOSE       | Thép và sản phẩm<br>thép                          | Nhóm Tỷ USD | <b>21.9</b>      | 1N: +0.7%           | 2.7 -> 8.2              |                         | Tăng                               | 20.50                       | <b>Mua</b>     | MT: 23.5<br>(+7.3%)          | Vượt lên trên hai đường EMA(26) và<br>EMA(45) để hình thành xu hướng<br>tăng. KLGD có sự gia tăng mạnh mẽ | <b>Mua</b><br>28/10      | 29.7           | Doanh thu: 67,968 (+21.7% yoy).<br>LNST cty mẹ: 8,612 (+0.5%)  | 2.9 -><br>7.5     |
|    |                                                                                                   |            | OCT15:149.221B317                                 |             |                  | 1Thg: +2.6%         | 16.6 -> 1.3             |                         | 29/10                              | 24.00                       | 29/10          | Cắt lỗ: 21.2                 |                                                                                                           |                          | <b>+35.6%</b>  |                                                                |                   |
|    |                                                                                                   |            |                                                   |             |                  | Beta: 0.7           |                         |                         |                                    |                             |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
| 9  | <b>HSG</b><br>   | HOSE       | Thép và sản phẩm<br>thép                          | Mid cap     | <b>7.2</b>       | 1N: +0.4%           | 0.9 -> 8.4              |                         |                                    |                             |                |                              |                                                                                                           | <b>Tích lũy</b><br>13/09 |                | Doanh thu: 28,000LNST cty mẹ:<br>387                           | 0.9 -><br>7.8     |
|    |                                                                                                   |            | OCT15:129.219B304                                 |             |                  | 1Thg: -2.9%         | 12.9 -> 0.6             |                         |                                    |                             |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
|    |                                                                                                   |            |                                                   |             |                  | Beta: 1.06          |                         |                         |                                    |                             |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
| 10 | <b>IJC</b><br> | HOSE       | Bất động sản                                      | Mid cap     | <b>15.8</b>      | 1N: +3.3%           | 2.1 -> 7.6              |                         | Sideway                            | 14.00                       |                |                              | Chạm target trung hạn 17 và đang<br>điều chỉnh xuống.                                                     |                          |                |                                                                |                   |
|    |                                                                                                   |            | Thanh khoản: Trung<br>bình                        |             |                  | 1Thg: -2.2%         | 13.2 -> 1.2             |                         | 28/10                              | 16.00                       |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
|    |                                                                                                   |            |                                                   |             |                  | Beta: -0.24         |                         |                         |                                    |                             |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
| 11 | <b>KSB</b><br> | HOSE       | Khai khoáng                                       | Small cap   | <b>18.3</b>      | 1N: -1.1%           | 5.7 -> 3.2              |                         | Giảm                               | <del>18.50</del>            |                |                              | Phá vỡ đáy cũ 20, có thể giảm sâu<br>thêm nữa trước khi phục hồi kỹ thuật                                 |                          |                |                                                                |                   |
|    |                                                                                                   |            | Thanh khoản: Trung<br>bình                        |             |                  | 1Thg: -16.5%        | 21.7 -> 0.8             |                         | 31/10                              | 20.00                       |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
|    |                                                                                                   |            |                                                   |             |                  | Beta: -0.79         |                         |                         |                                    |                             |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
| 12 | <b>LDG</b><br> | HOSE       | Bất động sản                                      | Mid cap     | <b>10.7</b>      | 1N: +0.5%           | 2.8 -> 3.8              |                         | Sideway                            | 9.90                        |                |                              | Nhịp điều chỉnh sâu đang có dấu<br>hiệu suy yếu khi giá đang được hỗ<br>trợ tốt bởi ngưỡng 10             |                          |                |                                                                |                   |
|    |                                                                                                   |            | OCT15:108.225B327                                 |             |                  | 1Thg: -6.2%         | 11.9 -> 0.9             |                         | 31/10                              | 11.00                       |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
|    |                                                                                                   |            |                                                   |             |                  | Beta: 0.15          |                         |                         |                                    |                             |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
| 13 | <b>LTG</b><br> | UPCOM      | Sản phẩm hóa dầu,<br>Nông dược & Hóa<br>chất khác | Mid cap     | <b>23.4</b>      | 1N: -1.2%           | 5.8 -> 4.1              |                         |                                    |                             |                |                              |                                                                                                           | <b>Tích lũy</b><br>28/10 | 24.2           | Doanh thu: 8,592 (-4.9% yoy).<br>LNST cty mẹ: 514 (+24.9%)     | 5.4 -><br>4.3     |
|    |                                                                                                   |            | Thanh khoản: Thấp                                 |             |                  | 1Thg: -6.7%         | 32 -> 0.7               |                         |                                    |                             |                |                              |                                                                                                           |                          | +3.4%          |                                                                |                   |
|    |                                                                                                   |            |                                                   |             |                  | Beta: 0.14          |                         |                         |                                    |                             |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
| 14 | <b>REE</b><br> | HOSE       | Máy công nghiệp                                   | Large cap   | <b>37.9</b>      | 1N: -1%             | 5.6 -> 6.8              |                         | Tăng                               | 37.00                       |                |                              | Điều chỉnh kết thúc, xu hướng tăng<br>ngắn hạn hình thành                                                 | <b>Mua</b><br>28/10      | 43.3           | Doanh thu: 5,192 (+1.8% yoy).<br>LNST cty mẹ: 1,606 (-10%)     | 5.2 -><br>7.3     |
|    |                                                                                                   |            | Thanh khoản: Cao                                  |             |                  | 1Thg: +1.3%         | 32.1 -> 1.2             |                         | 30/10                              | 40.00                       |                |                              |                                                                                                           |                          | +14.2%         |                                                                |                   |
|    |                                                                                                   |            |                                                   |             |                  | Beta: 1.1           |                         |                         |                                    |                             |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
| 15 | <b>TDH</b><br> | HOSE       | Bất động sản                                      | Small cap   | <b>9.9</b>       | 1N: +1.5%           | 1.7 -> 6                |                         | Giảm                               | 9.50                        |                |                              | Sắp giảm về hỗ trợ tương đối mạnh<br>quanh 9.5 và có thể phục hồi kỹ<br>thuật.                            |                          |                |                                                                |                   |
|    |                                                                                                   |            | OCT15:100.249.350                                 |             |                  | 1Thg: -16.1%        | 17.9 -> 0.6             |                         | 01/11                              | 10.00                       |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |
|    |                                                                                                   |            |                                                   |             |                  | Beta: -0.45         |                         |                         |                                    |                             |                |                              |                                                                                                           |                          |                |                                                                |                   |

# PHỤ LỤC

## Môi giới 16

### Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu (Tổng số cổ phiếu: 15)

|    |                                |                             | VNIndex 1Thg: +3.7%        |                                      |                         | Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 15      |                            |                  | Khuyến nghị: Mua 3 vs Bán 0 |                    |                                     | Thống kê khuyến nghị: tích cực 5 vs tiêu cực 0 |                                                                                                       |                                                                |                |
|----|--------------------------------|-----------------------------|----------------------------|--------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------|----------------------------|------------------|-----------------------------|--------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------|
| CK | Phân ngành                     | Nhóm vốn hóa<br>Thanh khoản | Thị giá<br>05/11           | 1N: 7+5-<br>1Thg: 11+4-              | EPS -> P/E<br>BV -> P/B | Xu hướng<br>hiện tại                    | Hỗ trợ<br>Kháng cự         | Khuyến<br>nghị   | Kỳ vọng 2<br>tuần           | Nhận định kỹ thuật | Khuyến<br>nghị (ngày)               | Mục<br>tiêu 1Y                                 | Dự phóng 2019F<br>(đ.v: tỷ đồng)                                                                      | EPS -><br>P/E (f)                                              |                |
| 1  | <div>AAA</div> <div>👍👎🔄</div>  | HOSE                        | Nhựa, cao su & sợi         | Mid cap<br>Thanh khoản: Cao          | 15.9                    | 1N: +1.6%<br>1Thg: +4.6%<br>Beta: 0.94  | 2.7 -> 5.9<br>16.8 -> 0.9  | Tăng             | 14.80<br>17.00              |                    |                                     |                                                | Xuất hiện nhịp hồi phục sau khi tạo vùng hỗ trợ 14.8 và hướng về vùng 16.5-17                         |                                                                |                |
| 2  | <div>ACB</div> <div>⭐👍👎🔄</div> | HNX                         | Ngân hàng                  | Nhóm Tỷ USD<br>OCT15:103.200.300     | 24.6                    | 1N: 0%<br>1Thg: +4.2%<br>Beta: 1.93     | 3.6 -> 6.9<br>15.3 -> 1.6  |                  |                             |                    | Tích lũy<br>28/10                   | 27.0<br>+9.8%                                  | TN hoạt động: 15,843 (+12.9% yoy). LNST cty mẹ: 6,038 (+17.5%)                                        | 3.6 -><br>6.8                                                  |                |
| 3  | <div>CCL</div> <div>👍👎🔄📈</div> | HOSE                        | Bất động sản               | Small cap<br>Thanh khoản: Trung bình | 6.9                     | 1N: 0%<br>1Thg: -7.3%<br>Beta: -0.03    | 0.9 -> 8<br>11.6 -> 0.6    | Sideway<br>30/10 | 6.00<br>7.50                | Mua<br>30/10       | MT: 8<br>(+16.1%)<br>Cắt lỗ: 6.5    |                                                | Test thành công đường SMA(100). MACD bắt đầu cắt lên trên đường tín hiệu. Xu hướng phục hồi tiếp tục. |                                                                |                |
| 4  | <div>CTG</div> <div>⭐👍👎🔄</div> | HOSE                        | Ngân hàng                  | Nhóm Tỷ USD<br>OCT15:100.229M345     | 22.4                    | 1N: -0.2%<br>1Thg: +8.7%<br>Beta: 2.01  | 1.6 -> 13.6<br>20 -> 1.1   | Sideway<br>24/10 | 19.50<br>24.50              | Mua<br>24/10       | MT: 22.5<br>(+0.4%)<br>Cắt lỗ: 20.6 | Nắm giữ<br>28/10                               | 21.3<br>-4.9%                                                                                         | TN hoạt động: 39,269 (+36.6% yoy). LNST cty mẹ: 8,002 (+47.8%) | 1.6 -><br>14.4 |
| 5  | <div>DGW</div> <div>👍👎🔄📈</div> | HOSE                        | Phân phối hàng chuyên dụng | Small cap<br>Thanh khoản: Cao        | 25.9                    | 1N: +0.2%<br>1Thg: +2.6%<br>Beta: 0.97  | 3.5 -> 7.5<br>21.3 -> 1.2  | Tăng<br>28/10    | 21.00<br>27.50              |                    |                                     |                                                | Nhịp tăng có thể nối rộng đến vùng cản 27                                                             |                                                                |                |
| 6  | <div>FPT</div> <div>⭐👍👎🔄</div> | HOSE                        | Phần mềm                   | Nhóm Tỷ USD<br>Thanh khoản: Cao      | 59.8                    | 1N: -0.2%<br>1Thg: +5.3%<br>Beta: 1.39  | 4.7 -> 12.8<br>20 -> 3     | Sideway<br>25/10 | 52.00<br>60.00              |                    |                                     | Mua<br>28/10                                   | 70.0<br>+17.1%                                                                                        | Doanh thu: 28,598 (+23.2% yoy). LNST cty mẹ: 3,319 (+26.7%)    | 4.9 -><br>12.2 |
| 7  | <div>HCM</div> <div>👍👎🔄📈</div> | HOSE                        | Môi giới chứng khoán       | Mid cap<br>Thanh khoản: Cao          | 24.8                    | 1N: +0.2%<br>1Thg: +6.9%<br>Beta: 2.68  | 1.4 -> 17.1<br>14.2 -> 1.8 | Tăng<br>04/11    | 22.00<br>27.00              | Mua<br>04/11       | MT: 25.8<br>(+4%)<br>Cắt lỗ: 22.5   |                                                | Bật tăng mạnh từ ngưỡng hỗ trợ tạo bởi Fibonacci Retracement 50%                                      |                                                                |                |
| 8  | <div>HDC</div> <div>👍👎🔄</div>  | HOSE                        | Bất động sản               | Mid cap<br>Thanh khoản: Cao          | 22.9                    | 1N: +4.3%<br>1Thg: -3.4%<br>Beta: -0.14 | 1.7 -> 13.3<br>14 -> 1.6   | Sideway<br>25/10 | 21.00<br>24.00              |                    |                                     |                                                | Dao động cân bằng xung quanh vùng giá 22.                                                             |                                                                |                |
| 9  | <div>HVN</div> <div>⭐👍👎🔄</div> | HOSE                        | Hàng không                 | Nhóm Tỷ USD<br>Thanh khoản: Cao      | 36.5                    | 1N: 0%<br>1Thg: +10%<br>Beta: 1.46      | 2 -> 18.1<br>12.8 -> 2.9   | Tăng<br>04/11    | 34.00<br>39.00              |                    |                                     |                                                | Nhịp hồi phục mở rộng và hướng đến vùng 38-39                                                         |                                                                |                |
| 10 | <div>KDH</div> <div>👍👎🔄📈</div> | HOSE                        | Bất động sản               | Large cap<br>Thanh khoản: Trung bình | 27.2                    | 1N: +2.3%<br>1Thg: +7.9%<br>Beta: -0.08 | 1.7 -> 16<br>13.3 -> 2.1   | Tăng<br>28/10    | 24.50<br><del>26.70</del>   |                    |                                     |                                                | Đang kiểm tra vùng cản 26.7                                                                           |                                                                |                |
| 11 | <div>PNJ</div> <div>👍👎🔄📈</div> | HOSE                        | Hàng cá nhân               | Large cap<br>OCT15:107.200.300       | 85.2                    | 1N: -0.5%<br>1Thg: +6.1%<br>Beta: 0.64  | 4.8 -> 17.6<br>18.5 -> 4.6 | Sideway<br>25/10 | 79.00<br><del>85.00</del>   |                    |                                     | Mua<br>28/10                                   | 109.0<br>+27.9%                                                                                       | Doanh thu: 17,043 (+17% yoy). LNST cty mẹ: 1,156 (+20.4%)      | 4.8 -><br>17.6 |
| 12 | <div>QNS</div> <div>👍👎🔄📈</div> | UPCOM                       | Thực phẩm                  | Mid cap<br>OCT15:111.200.300         | 29.0                    | 1N: -0.8%<br>1Thg: -2.2%<br>Beta: 0.44  | 3.6 -> 8.2<br>16.8 -> 1.7  | Sideway<br>28/10 | 28.00<br>36.00              |                    |                                     | Mua<br>01/11                                   | 40.5<br>+39.4%                                                                                        | Doanh thu: 7,818 (-2.7% yoy). LNST cty mẹ: 1,162 (-6.3%)       | 3.8 -><br>7.7  |
| 13 | <div>REE</div> <div>👍👎🔄📈</div> | HOSE                        | Máy công nghiệp            | Large cap<br>Thanh khoản: Cao        | 37.9                    | 1N: -1%<br>1Thg: +1.3%<br>Beta: 1.1     | 5.6 -> 6.8<br>32.1 -> 1.2  | Tăng<br>30/10    | 37.00<br>40.00              |                    |                                     | Mua<br>28/10                                   | 43.3<br>+14.2%                                                                                        | Doanh thu: 5,192 (+1.8% yoy). LNST cty mẹ: 1,606 (-10%)        | 5.2 -><br>7.3  |
| 14 | <div>SCI</div> <div>👍👎🔄</div>  | HNX                         | Xây dựng                   | Small cap<br>Thanh khoản: Trung bình | 10.6                    | 1N: +1%<br>1Thg: -31.6%<br>Beta: -0.86  | 4.6 -> 2.3<br>16.2 -> 0.7  |                  |                             |                    |                                     |                                                |                                                                                                       |                                                                |                |
| 15 | <div>SSI</div> <div>👍👎🔄</div>  | HOSE                        | Môi giới chứng khoán       | Mid cap<br>Thanh khoản: Cao          | 21.8                    | 1N: +0.2%<br>1Thg: +0.9%<br>Beta: 1.82  | 1.7 -> 12.7<br>19 -> 1.1   | Sideway<br>31/10 | 20.50<br>24.00              |                    |                                     |                                                | Sideway trong ngắn hạn và có khả năng sẽ sớm tăng trở lại                                             |                                                                |                |

# PHỤ LỤC

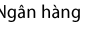
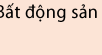
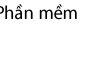
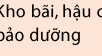
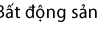
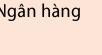
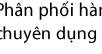
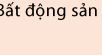
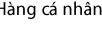
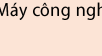
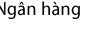
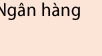
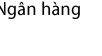
## Môi giới 9

### Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu (Tổng số cổ phiếu: 15)

| CK |                | Phân ngành | Nhóm vốn hóa<br>Thanh khoản                       | Thị giá<br>05/11                        | 1N: 6+9-<br>1Thg: 7+8- | EPS -> P/E<br>BV -> P/B                  | Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 14 |                           |                     | Khuyến nghị: Mua 1 vs Bán 0                        |                                                                                  | Thống kê khuyến nghị: tích cực 8 vs tiêu cực 0 |                       |                                                                  |                   |
|----|----------------|------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------|------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------|---------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------|
|    |                |            |                                                   |                                         |                        |                                          | Xu hướng<br>hiện tại               | Hỗ trợ<br>Kháng cự        | Khuyến<br>nghị      | Kỳ vọng 2<br>tuần                                  | Nhận định kỹ thuật                                                               | Khuyến<br>nghị (ngày)                          | Mục<br>tiêu 1Y        | Dự phóng 2019F<br>(đ.v: tỷ đồng)                                 | EPS -><br>P/E (f) |
| 1  | <b>BMP</b><br> | HOSE       | Vật liệu xây dựng &<br>Nội thất                   | Mid cap<br>Thanh khoản: Trung<br>bình   | <b>52.8</b>            | 1N: +0.4%<br>1Thg: -0.8%<br>Beta: 0.1    |                                    |                           |                     |                                                    |                                                                                  | <b>Tích lũy</b><br>28/10                       | 51.1<br>-3.2%         | Doanh thu: 4,123 (+5.2% yoy).<br>LNST Cty mẹ: 518 (+21.2%)       | 5.4 -><br>9.8     |
| 2  | <b>DGC</b><br> | HNX        | Sản phẩm hóa dầu,<br>Nông được & Hóa<br>chất khác | Mid cap<br>Thanh khoản: Trung<br>bình   | <b>25.8</b>            | 1N: -0.4%<br>1Thg: -5.5%<br>Beta: 0.06   |                                    |                           |                     |                                                    |                                                                                  |                                                |                       |                                                                  |                   |
| 3  | <b>FPT</b><br> | HOSE       | Phần mềm                                          | Nhóm Tỷ USD<br>Thanh khoản: Cao         | <b>59.8</b>            | 1N: -0.2%<br>1Thg: +5.3%<br>Beta: 1.39   | Sideway<br>25/10                   | 52.00<br>60.00            |                     |                                                    | Kiểm tra lại vùng đỉnh cũ, kênh giá<br>tăng vẫn đang được giữ vững               | <b>Mua</b><br>28/10                            | 70.0<br>+17.1%        | Doanh thu: 28,598 (+23.2% yoy).<br>LNST Cty mẹ: 3,319 (+26.7%)   | 4.9 -><br>12.2    |
| 4  | <b>HAH</b><br> | HOSE       | Kho bãi, hậu cần và<br>bảo dưỡng                  | Small cap<br>Thanh khoản: Trung<br>bình | <b>13.1</b>            | 1N: +0.8%<br>1Thg: -8.1%<br>Beta: -0.28  | Sideway<br>24/10                   | <del>13.50</del><br>16.00 | <b>Mua</b><br>24/10 | <b>MT: 15.9</b><br><b>(+21.4%)</b><br>Cắt lỗ: 13.9 | Xu hướng tăng trở lại và tiến đến<br>ngưỡng kháng cự 16.                         | <b>Mua</b><br>28/10                            | 18.0<br><b>+37.4%</b> | Doanh thu: 1,093 (+3.7% yoy).<br>LNST Cty mẹ: 128 (-5.5%)        | 2.6 -><br>5       |
| 5  | <b>HND</b><br> | UPCOM      | Sản xuất & Phân<br>phối Điện                      | Mid cap<br>Thanh khoản: Thấp            | <b>14.3</b>            | 1N: -1.3%<br>1Thg: -6.4%<br>Beta: 0.17   |                                    |                           |                     |                                                    |                                                                                  |                                                |                       |                                                                  |                   |
| 6  | <b>IJC</b><br> | HOSE       | Bất động sản                                      | Mid cap<br>Thanh khoản: Trung<br>bình   | <b>15.8</b>            | 1N: +3.3%<br>1Thg: -2.2%<br>Beta: -0.24  | Sideway<br>28/10                   | 14.00<br>16.00            |                     |                                                    | Chạm target trung hạn 17 và đang<br>điều chỉnh xuống.                            |                                                |                       |                                                                  |                   |
| 7  | <b>MWG</b><br> | HOSE       | Phân phối hàng<br>chuyên dụng                     | Nhóm Tỷ USD<br>Thanh khoản: Cao         | <b>125.6</b>           | 1N: -0.4%<br>1Thg: +2.1%<br>Beta: 0.57   | Sideway<br>31/10                   | 120.00<br>130.00          |                     |                                                    | Có nhiều dấu hiệu cho thấy sự suy<br>yếu. Khả năng cao sẽ có nhịp điều<br>chỉnh. | <b>Mua</b><br>28/10                            | 167.0<br><b>+33%</b>  | Doanh thu: 105,327 (+21.7% yoy).<br>LNST Cty mẹ: 3,888 (+35.1%)  | 8.6 -><br>14.7    |
| 8  | <b>NDN</b><br> | HNX        | Bất động sản                                      | Small cap<br>Thanh khoản: Trung<br>bình | <b>16.5</b>            | 1N: -0.6%<br>1Thg: -2.4%<br>Beta: 1.17   |                                    |                           |                     |                                                    |                                                                                  |                                                |                       |                                                                  |                   |
| 9  | <b>NTC</b><br> | UPCOM      | Bất động sản                                      | Mid cap<br>Thanh khoản: Thấp            | <b>170.5</b>           | 1N: +1.9%<br>1Thg: +2.4%<br>Beta: 3.03   | <b>Tăng</b><br>06/11               | 165.00<br>180.00          |                     |                                                    | Đang dần khôi phục lại xu hướng<br>tăng, đã vượt lên SMA(100)                    | <b>Tích lũy</b><br>24/10                       | 170.1<br>-0.2%        | Doanh thu: 227 (-57.4% yoy).<br>LNST Cty mẹ: 193 (-58.9%)        | 14.7 -<br>> 11.6  |
| 10 | <b>PET</b><br> | HOSE       | Phân phối hàng<br>chuyên dụng                     | Small cap<br>Thanh khoản: Trung<br>bình | <b>7.8</b>             | 1N: -0.1%<br>1Thg: +2.5%<br>Beta: 0.55   |                                    |                           |                     |                                                    |                                                                                  |                                                |                       |                                                                  |                   |
| 11 | <b>PVD</b><br> | HOSE       | Thiết bị và Dịch vụ<br>Dầu khí                    | Mid cap<br>OCT15:100.224M341            | <b>17.0</b>            | 1N: +3.7%<br>1Thg: -0.3%<br>Beta: 1.36   | <b>Giảm</b><br>24/10               | 15.50<br>20.00            |                     |                                                    | Dấu hiệu đi xuống chưa dừng lại<br>ngắn hạn.                                     | <b>Mua</b><br>28/10                            | 21.1<br><b>+24.2%</b> | Doanh thu: 4,321 (-21.4% yoy).<br>LNST Cty mẹ: -38               |                   |
| 12 | <b>REE</b><br> | HOSE       | Máy công nghiệp                                   | Large cap<br>Thanh khoản: Cao           | <b>37.9</b>            | 1N: -1%<br>1Thg: +1.3%<br>Beta: 1.1      | <b>Tăng</b><br>30/10               | 37.00<br>40.00            |                     |                                                    | Điều chỉnh kết thúc, xu hướng tăng<br>ngắn hạn hình thành                        | <b>Mua</b><br>28/10                            | 43.3<br>+14.2%        | Doanh thu: 5,192 (+1.8% yoy).<br>LNST Cty mẹ: 1,606 (-10%)       | 5.2 -><br>7.3     |
| 13 | <b>TCW</b><br> | UPCOM      | Kho bãi, hậu cần và<br>bảo dưỡng                  | Small cap<br>Thanh khoản: Thấp          | <b>23.9</b>            | 1N: -0.3%<br>1Thg: +2.7%<br>Beta: 1.11   |                                    |                           |                     |                                                    |                                                                                  | <b>Mua</b><br>19/09                            | 44.0<br><b>+83.8%</b> | Doanh thu: 670 (+1.5% yoy).<br>LNST Cty mẹ: 61 (+5.1%)           | 4 -><br>5.9       |
| 14 | <b>TDH</b><br> | HOSE       | Bất động sản                                      | Small cap<br>OCT15:100.249.350          | <b>9.9</b>             | 1N: +1.5%<br>1Thg: -16.1%<br>Beta: -0.45 | <b>Giảm</b><br>01/11               | 9.50<br>10.00             |                     |                                                    | Sắp giảm về hỗ trợ tương đối mạnh<br>quanh 9.5 và có thể phục hồi kỹ<br>thuật.   |                                                |                       |                                                                  |                   |
| 15 | <b>VCB</b><br> | HOSE       | Ngân hàng                                         | Nhóm Tỷ USD<br>Thanh khoản: Cao         | <b>90.8</b>            | 1N: -1.3%<br>1Thg: +9.4%<br>Beta: 1.26   | Sideway<br>24/10                   | 79.00<br><del>90.00</del> |                     |                                                    | Xu hướng tăng vẫn duy trì, mức độ<br>chậm và tiến về ngưỡng 90.                  | <b>Nắm giữ</b><br>28/10                        | 90.0<br>-0.9%         | TN hoạt động: 47,022 (+19.7%<br>yoy). LNST Cty mẹ: 18,698 (+28%) | 4.5 -><br>20.1    |

# PHỤ LỤC

## VN Diamond Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu (Tổng số cổ phiếu: 13)

|                                                                                           |                                       |                                      | VNIndex 1Thg: +3.7% |                                         |                            | Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 13 |                           |                |                                      | Khuyến nghị: Mua 2 vs Bán 0                                                                   |                       | Thống kê khuyến nghị: tích cực 10 vs tiêu cực 0 |                                                                |                   |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|---------------------------|----------------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------|--|
| CK                                                                                        | Phân ngành                            | Nhóm vốn hóa<br>Thanh khoản          | Thị giá<br>05/11    | 1N: 6+7-<br>1Thg: 9+4-                  | EPS -> P/E<br>BV -> P/B    | Xu hướng<br>hiện tại               | Hỗ trợ<br>Kháng<br>cự     | Khuyến<br>nghị | Kỳ vọng 2<br>tuần                    | Nhận định kỹ thuật                                                                            | Khuyến<br>nghị (ngày) | Mục<br>tiêu 1Y                                  | Dự phóng 2019F<br>(đ.v: tỷ đồng)                               | EPS -><br>P/E (f) |  |
| 1<br>    | HOSE<br>Ngân hàng                     | Nhóm Tỷ USD<br>OCT15:100.229M345     | 22.4                | 1N: -0.2%<br>1Thg: +8.7%<br>Beta: 2.01  | 1.6 -> 13.6<br>20 -> 1.1   | Sideway<br>24/10                   | 19.50<br>24.50            | Mua<br>24/10   | MT: 22.5<br>(+0.4%)<br>Cắt lỗ: 20.6  | Vừa điều chỉnh khá tích cực và chuẩn bị vào xu hướng tăng tiếp.                               | Nắm giữ<br>28/10      | 21.3<br>-4.9%                                   | TN hoạt động: 39,269 (+36.6% yoy). LNST cty mẹ: 8,002 (+47.8%) | 1.6 -><br>14.4    |  |
| 2<br>    | HOSE<br>Bất động sản                  | Mid cap<br>OCT15:106.230B328         | 15.9                | 1N: -0.6%<br>1Thg: -5.1%<br>Beta: 1.41  | 3.1 -> 5.2<br>13 -> 1.2    | Sideway<br>29/10                   | 15.00<br>17.00            | Mua<br>29/10   | MT: 17.5<br>(+10.4%)<br>Cắt lỗ: 15.3 | Nhập điều chỉnh có khả năng đã kết thúc và xu hướng tăng sẽ được khôi phục                    | Mua<br>28/10          | 22.0<br>+38.8%                                  | Doanh thu: 4,439 (-4.5% yoy). LNST cty mẹ: 1,230 (+4.3%)       | 2.4 -><br>6.6     |  |
| 3<br>    | HOSE<br>Phần mềm                      | Nhóm Tỷ USD<br>Thanh khoản: Cao      | 59.8                | 1N: -0.2%<br>1Thg: +5.3%<br>Beta: 1.39  | 4.7 -> 12.8<br>20 -> 3     | Sideway<br>25/10                   | 52.00<br>60.00            |                |                                      | Kiểm tra lại vùng đỉnh cũ, kênh giá tăng vẫn đang được giữ vững                               | Mua<br>28/10          | 70.0<br>+17.1%                                  | Doanh thu: 28,598 (+23.2% yoy). LNST cty mẹ: 3,319 (+26.7%)    | 4.9 -><br>12.2    |  |
| 4<br>    | HOSE<br>Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng | Mid cap<br>Thanh khoản: Trung bình   | 25.9                | 1N: +2%<br>1Thg: -0.1%<br>Beta: 0.21    | 2 -> 12.7<br>21.1 -> 1.2   | Sideway<br>23/10                   | 25.50<br>30.00            |                |                                      | Đà giảm đã chậm lại tại vùng 26.3 và có thể hồi phục nhẹ với vùng cản 27.5                    | Tích lũy<br>28/10     | 30.0<br>+15.8%                                  | Doanh thu: 2,859 (+5.6% yoy). LNST cty mẹ: 524 (-71.6%)        | 1.7 -><br>14.9    |  |
| 5<br>    | HOSE<br>Bất động sản                  | Large cap<br>Thanh khoản: Trung bình | 27.2                | 1N: +2.3%<br>1Thg: +7.9%<br>Beta: -0.08 | 1.7 -> 16<br>13.3 -> 2.1   | Tăng<br>28/10                      | 24.50<br><del>26.70</del> |                |                                      | Đang kiểm tra vùng cản 26.7                                                                   |                       |                                                 |                                                                |                   |  |
| 6<br>    | HOSE<br>Ngân hàng                     | Nhóm Tỷ USD<br>OCT15:100.211B308     | 23.3                | 1N: -0.2%<br>1Thg: +2.6%<br>Beta: 1.34  | 3.2 -> 7.3<br>15.6 -> 1.5  | Sideway<br>06/11                   | 21.00<br>24.50            |                |                                      | Dao động tích lũy trong biên độ hẹp 22.5-23.5. Đường EMA(26) vẫn đang hỗ trợ tốt cho đà tăng. | Mua<br>28/10          | 28.5<br>+22.6%                                  | TN hoạt động: 24,060 (+23.2% yoy). LNST cty mẹ: 7,588 (+24.1%) | 3.1 -><br>7.5     |  |
| 7<br>    | HOSE<br>Phân phối hàng chuyên dụng    | Nhóm Tỷ USD<br>Thanh khoản: Cao      | 125.6               | 1N: -0.4%<br>1Thg: +2.1%<br>Beta: 0.57  | 8.3 -> 15.1<br>25.5 -> 4.9 | Sideway<br>31/10                   | 120.00<br>130.00          |                |                                      | Có nhiều dấu hiệu cho thấy sự suy yếu. Khả năng cao sẽ có nhịp điều chỉnh.                    | Mua<br>28/10          | 167.0<br>+33%                                   | Doanh thu: 105,327 (+21.7% yoy). LNST cty mẹ: 3,888 (+35.1%)   | 8.6 -><br>14.7    |  |
| 8<br>    | HOSE<br>Bất động sản                  | Mid cap<br>Thanh khoản: Cao          | 28.7                | 1N: +0.5%<br>1Thg: -1.2%<br>Beta: 0.34  | 2.1 -> 13.6<br>18.5 -> 1.5 |                                    |                           |                |                                      |                                                                                               | Mua<br>28/10          | 38.7<br>+35.1%                                  | Doanh thu: 3,263 (-6.2% yoy). LNST cty mẹ: 972 (+27.4%)        | 3.8 -><br>7.6     |  |
| 9<br>    | HOSE<br>Hàng cá nhân                  | Large cap<br>OCT15:107.200.300       | 85.2                | 1N: -0.5%<br>1Thg: +6.1%<br>Beta: 0.64  | 4.8 -> 17.6<br>18.5 -> 4.6 | Sideway<br>25/10                   | 79.00<br><del>85.00</del> |                |                                      | Áp sát ngưỡng cản 84, có thể vẫn bị cản nhưng dấu hiệu đang có sự chuyển biến tích cực        | Mua<br>28/10          | 109.0<br>+27.9%                                 | Doanh thu: 17,043 (+17% yoy). LNST cty mẹ: 1,156 (+20.4%)      | 4.8 -><br>17.6    |  |
| 10<br> | HOSE<br>Máy công nghiệp               | Large cap<br>Thanh khoản: Cao        | 37.9                | 1N: -1%<br>1Thg: +1.3%<br>Beta: 1.1     | 5.6 -> 6.8<br>32.1 -> 1.2  | Tăng<br>30/10                      | 37.00<br>40.00            |                |                                      | Điều chỉnh kết thúc, xu hướng tăng ngắn hạn hình thành                                        | Mua<br>28/10          | 43.3<br>+14.2%                                  | Doanh thu: 5,192 (+1.8% yoy). LNST cty mẹ: 1,606 (-10%)        | 5.2 -><br>7.3     |  |
| 11<br> | HOSE<br>Ngân hàng                     | Nhóm Tỷ USD<br>OCT15:118.200B332     | 24.8                | 1N: +1.6%<br>1Thg: +4.9%<br>Beta: 1.28  | 2.7 -> 9.3<br>16.8 -> 1.5  | Sideway<br>04/11                   | 22.80<br><del>24.50</del> |                |                                      | Lượng lự sát ngưỡng 24 nhưng đang được hỗ trợ và lượng lự gần mức 23.5                        | Tích lũy<br>07/08     |                                                 | TN hoạt động: n/a. LNST cty mẹ: n/a                            |                   |  |
| 12<br> | HOSE<br>Ngân hàng                     | Large cap<br>Thanh khoản: Trung bình | 22.6                | 1N: +0.7%<br>1Thg: +0.7%<br>Beta: 0.14  | 2.9 -> 7.9<br>14.4 -> 1.6  |                                    |                           |                |                                      |                                                                                               |                       |                                                 |                                                                |                   |  |
| 13<br> | HOSE<br>Ngân hàng                     | Nhóm Tỷ USD<br>OCT15:100.232B310     | 22.3                | 1N: +1.1%<br>1Thg: -0.2%<br>Beta: 0.56  | 3.4 -> 6.5<br>16.8 -> 1.3  | Sideway<br>04/11                   | 21.00<br>23.00            |                |                                      | Có dấu hiệu hỗ trợ gần mức 21.2, có thể sẽ tích lũy trước khi tăng trở lại                    | Tích lũy<br>31/10     | 25.3<br>+13.7%                                  | TN hoạt động: n/a. LNST cty mẹ: n/a                            |                   |  |

# PHỤ LỤC

## VNFIN Select Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu (Tổng số cổ phiếu: 15)

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |            | VNIndex 1Thg: +3.7%         |                                           |                          | Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 15     |                            |                       |                           | Khuyến nghị: Mua 4 vs Bán 0 |                                                                                                     | Thống kê khuyến nghị: tích cực 3 vs tiêu cực 0                                |                         |                                                                   |                                                                   |                |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------------------------|-------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------|----------------------------|-----------------------|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------|
| CK |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Phân ngành | Nhóm vốn hóa<br>Thanh khoản | Thị giá<br>05/11                          | 1N: 11+3-<br>1Thg: 13+2- | EPS -> P/E<br>BV -> P/B                | Xu hướng<br>hiện tại       | Hỗ trợ<br>Kháng<br>cự | Khuyến<br>nghị            | Kỳ vọng 2<br>tuần           | Nhận định kỹ thuật                                                                                  | Khuyến<br>nghị (ngày)                                                         | Mục<br>tiêu 1Y          | Dự phóng 2019F<br>(đ.v: tỷ đồng)                                  | EPS -><br>P/E (f)                                                 |                |
| 1  | <b>BID</b><br>            | HOSE       | Ngân hàng                   | Nhóm Tỷ USD<br>OCT15:100.200B346          | <b>42.5</b>              | 1N: +0.7%<br>1Thg: +4.9%<br>Beta: 1.57 | 2.1 -> 20.2<br>16.5 -> 2.6 | Sideway<br>04/11      | 37.00<br><del>42.00</del> |                             | Kiểm tra lại vùng đỉnh cũ, kênh giá<br>tăng vẫn đang được giữ vững                                  | <b>Năm giữ</b><br>28/10                                                       | 38.0<br>-10.6%          | TN hoạt động: 48,199 (+8.4%<br>yoy). LNST cty mẹ: 7,583 (+3.1%)   | 1.7 -><br>24.8                                                    |                |
| 2  | <b>BMI</b><br>            | HOSE       | Bảo hiểm phi nhân<br>thọ    | Mid cap<br>Thanh khoản: Trung<br>bình     | <b>27.2</b>              | 1N: +2.5%<br>1Thg: +10.8%<br>Beta: 1.1 | 1.6 -> 16.6<br>24.5 -> 1.1 |                       |                           |                             |                                                                                                     |                                                                               |                         |                                                                   |                                                                   |                |
| 3  | <b>BVH</b><br>            | HOSE       | Bảo hiểm nhân thọ           | Nhóm Tỷ USD<br>Thanh khoản: Trung<br>bình | <b>75.2</b>              | 1N: +1.6%<br>1Thg: +3.3%<br>Beta: 1.38 | 1.8 -> 42.5<br>22.4 -> 3.4 | Tăng<br>04/11         | 71.50<br>80.00            | <b>Mua</b><br>04/11         | MT: 79.5<br>(+5.7%)<br>Cắt lỗ: 71.5                                                                 | Có tín hiệu đảo chiều đi lên tại vùng<br>hỗ trợ mạnh 71.x                     |                         |                                                                   |                                                                   |                |
| 4  | <b>CTG</b><br>            | HOSE       | Ngân hàng                   | Nhóm Tỷ USD<br>OCT15:100.229M345          | <b>22.4</b>              | 1N: -0.2%<br>1Thg: +8.7%<br>Beta: 2.01 | 1.6 -> 13.6<br>20 -> 1.1   | Sideway<br>24/10      | 19.50<br>24.50            | <b>Mua</b><br>24/10         | MT: 22.5<br>(+0.4%)<br>Cắt lỗ: 20.6                                                                 | Vừa điều chỉnh khá tích cực và chuẩn<br>bị vào xu hướng tăng tiếp.            | <b>Năm giữ</b><br>28/10 | 21.3<br>-4.9%                                                     | TN hoạt động: 39,269 (+36.6%<br>yoy). LNST cty mẹ: 8,002 (+47.8%) | 1.6 -><br>14.4 |
| 5  | <b>EIB</b><br>            | HOSE       | Ngân hàng                   | Large cap<br>OCT15:102.214B319            | <b>17.4</b>              | 1N: +5.5%<br>1Thg: +3%<br>Beta: -0.48  | 0.5 -> 33.6<br>12.9 -> 1.4 | Sideway<br>28/10      | 15.50<br>19.00            |                             | Lướt lự tại vùng 16.5 nhưng theo<br>xu hướng dần suy yếu nhẹ                                        |                                                                               |                         |                                                                   |                                                                   |                |
| 6  | <b>HDB</b><br>            | HOSE       | Ngân hàng                   | Nhóm Tỷ USD<br>OCT15:100.200B307          | <b>29.5</b>              | 1N: 0%<br>1Thg: +7.3%<br>Beta: 0.19    | 3.3 -> 8.9<br>18.5 -> 1.6  | Sideway<br>24/10      | 24.00<br>30.00            | <b>Mua</b><br>24/10         | MT: 30<br>(+1.7%)<br>Cắt lỗ: 27                                                                     | Dấu hiệu đảo chiều tăng ngắn hạn<br>và tiến đến ngưỡng KH 30.                 | <b>Năm giữ</b><br>28/10 | 29.0<br>-1.7%                                                     | TN hoạt động: 10,828 (+14.7%<br>yoy). LNST cty mẹ: 3,340 (+17.5%) | 3.4 -><br>8.7  |
| 7  | <b>MBB</b><br>            | HOSE       | Ngân hàng                   | Nhóm Tỷ USD<br>OCT15:100.211B308          | <b>23.3</b>              | 1N: -0.2%<br>1Thg: +2.6%<br>Beta: 1.34 | 3.2 -> 7.3<br>15.6 -> 1.5  | Sideway<br>06/11      | 21.00<br>24.50            |                             | Dao động tích lũy trong biên độ hẹp<br>22.5-23.5. Đường EMA(26) vẫn đang<br>hỗ trợ tốt cho đà tăng. | <b>Mua</b><br>28/10                                                           | 28.5<br><b>+22.6%</b>   | TN hoạt động: 24,060 (+23.2%<br>yoy). LNST cty mẹ: 7,588 (+24.1%) | 3.1 -><br>7.5                                                     |                |
| 8  | <b>SSI</b><br>            | HOSE       | Môi giới chứng<br>khoán     | Mid cap<br>Thanh khoản: Cao               | <b>21.8</b>              | 1N: +0.2%<br>1Thg: +0.9%<br>Beta: 1.82 | 1.7 -> 12.7<br>19 -> 1.1   | Sideway<br>31/10      | 20.50<br>24.00            |                             | Sideway trong ngắn hạn và có khả<br>năng sẽ sớm tăng trở lại                                        |                                                                               |                         |                                                                   |                                                                   |                |
| 9  | <b>STB</b><br>        | HOSE       | Ngân hàng                   | Large cap<br>OCT15:101.207M316            | <b>11.0</b>              | 1N: +0.5%<br>1Thg: +5.3%<br>Beta: 0.82 | 1.5 -> 7.1<br>14.5 -> 0.8  | Sideway<br>05/11      | 10.60<br>11.50            | <b>Mua</b><br>05/11         | MT: 11.6<br>(+5.9%)<br>Cắt lỗ: 10.6                                                                 | Điều chỉnh về mốc Fibonacci<br>Retracement 50% và có dấu hiệu<br>tăng trở lại |                         |                                                                   |                                                                   |                |
| 10 | <b>TCB</b><br>    | HOSE       | Ngân hàng                   | Nhóm Tỷ USD<br>OCT15:118.200B332          | <b>24.8</b>              | 1N: +1.6%<br>1Thg: +4.9%<br>Beta: 1.28 | 2.7 -> 9.3<br>16.8 -> 1.5  | Sideway<br>04/11      | 22.80<br><del>24.50</del> |                             | Lướt lự sát ngưỡng 24 nhưng<br>đang được hỗ trợ và lướt lự gần<br>mức 23.5                          | <b>Tích lũy</b><br>07/08                                                      |                         | TN hoạt động: n/a. LNST cty mẹ:<br>n/a                            |                                                                   |                |
| 11 | <b>TPB</b><br>    | HOSE       | Ngân hàng                   | Large cap<br>Thanh khoản: Trung<br>bình   | <b>22.6</b>              | 1N: +0.7%<br>1Thg: +0.7%<br>Beta: 0.14 | 2.9 -> 7.9<br>14.4 -> 1.6  |                       |                           |                             |                                                                                                     |                                                                               |                         |                                                                   |                                                                   |                |
| 12 | <b>VCB</b><br>    | HOSE       | Ngân hàng                   | Nhóm Tỷ USD<br>Thanh khoản: Cao           | <b>90.8</b>              | 1N: -1.3%<br>1Thg: +9.4%<br>Beta: 1.26 | 5.3 -> 17.2<br>21.9 -> 4.1 | Sideway<br>24/10      | 79.00<br><del>90.00</del> |                             | Xu hướng tăng vẫn duy trì, mức độ<br>chậm và tiến về ngưỡng 90.                                     | <b>Năm giữ</b><br>28/10                                                       | 90.0<br>-0.9%           | TN hoạt động: 47,022 (+19.7%<br>yoy). LNST cty mẹ: 18,698 (+28%)  | 4.5 -><br>20.1                                                    |                |
| 13 | <b>VCI</b><br>    | HOSE       | Môi giới chứng<br>khoán     | Mid cap<br>Thanh khoản: Thấp              | <b>34.9</b>              | 1N: +1.2%<br>1Thg: +0.9%<br>Beta: 0.94 | 3.8 -> 9.1<br>23.1 -> 1.5  | Sideway<br>04/11      | 31.00<br>37.00            |                             | Tích lũy khá ổn định tại mức 34 và có<br>thể bật tăng khi có cơ hội                                 |                                                                               |                         |                                                                   |                                                                   |                |
| 14 | <b>VND</b><br>    | HOSE       | Môi giới chứng<br>khoán     | Mid cap<br>OCT15:100.200B340              | <b>13.8</b>              | 1N: +0.4%<br>1Thg: -2.1%<br>Beta: 0.44 | 1.3 -> 10.4<br>14.9 -> 0.9 |                       |                           |                             |                                                                                                     |                                                                               |                         |                                                                   |                                                                   |                |
| 15 | <b>VPB</b><br>    | HOSE       | Ngân hàng                   | Nhóm Tỷ USD<br>OCT15:100.232B310          | <b>22.3</b>              | 1N: +1.1%<br>1Thg: -0.2%<br>Beta: 0.56 | 3.4 -> 6.5<br>16.8 -> 1.3  | Sideway<br>04/11      | 21.00<br>23.00            |                             | Có dấu hiệu hỗ trợ gần mức 21.2, có<br>thể sẽ tích lũy trước khi tăng trở lại                       | <b>Tích lũy</b><br>31/10                                                      | 25.3<br>+13.7%          | TN hoạt động: n/a. LNST cty mẹ:<br>n/a                            |                                                                   |                |



# PHỤ LỤC

## VNFIN Lead **Bảng tổng hợp cổ phiếu theo yêu cầu** (Tổng số cổ phiếu: 13)

|    |                     |                             | VNIndex 1Thg: +3.7%                       |                         |                                        | Số lượng cp đạt điều kiện PTKT: 13 |                       |                           |                   | Khuyến nghị: Mua 5 vs Bán 0         |                                                                                                     | Thống kê khuyến nghị: tích cực 3 vs tiêu cực 0 |                                  |                                                                   |                |
|----|---------------------|-----------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------|------------------------------------|-----------------------|---------------------------|-------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------|
| CK | Phân ngành          | Nhóm vốn hóa<br>Thanh khoản | Thị giá<br>05/11                          | 1N: 9+3-<br>1Thg: 11+2- | EPS -> P/E<br>BV -> P/B                | Xu hướng<br>hiện tại               | Hỗ trợ<br>Kháng<br>cự | Khuyến<br>nghị            | Kỳ vọng 2<br>tuần | Nhận định kỹ thuật                  | Khuyến<br>nghị (ngày)                                                                               | Mục<br>tiêu 1Y                                 | Dự phóng 2019F<br>(đ.v: tỷ đồng) | EPS -><br>P/E (f)                                                 |                |
| 1  | <b>BVH</b> HOSE<br> | Bảo hiểm nhân thọ           | Nhóm Tỷ USD<br>Thanh khoản: Trung<br>bình | <b>75.2</b>             | 1N: +1.6%<br>1Thg: +3.3%<br>Beta: 1.38 | 1.8 -> 42.5<br>22.4 -> 3.4         | Tăng<br>04/11         | 71.50<br>80.00            | Mua<br>04/11      | MT: 79.5<br>(+5.7%)<br>Cắt lỗ: 71.5 | Có tín hiệu đảo chiều đi lên tại vùng<br>hỗ trợ mạnh 71.x                                           |                                                |                                  |                                                                   |                |
| 2  | <b>CTG</b> HOSE<br> | Ngân hàng                   | Nhóm Tỷ USD<br>OCT15:100.229M345          | <b>22.4</b>             | 1N: -0.2%<br>1Thg: +8.7%<br>Beta: 2.01 | 1.6 -> 13.6<br>20 -> 1.1           | Sideway<br>24/10      | 19.50<br>24.50            | Mua<br>24/10      | MT: 22.5<br>(+0.4%)<br>Cắt lỗ: 20.6 | Vừa điều chỉnh khá tích cực và chuẩn<br>bị vào xu hướng tăng tiếp.                                  | Nắm giữ<br>28/10                               | 21.3<br>-4.9%                    | TN hoạt động: 39,269 (+36.6%<br>yoy). LNST cty mẹ: 8,002 (+47.8%) | 1.6 -><br>14.4 |
| 3  | <b>EIB</b> HOSE<br> | Ngân hàng                   | Large cap<br>OCT15:102.214B319            | <b>17.4</b>             | 1N: +5.5%<br>1Thg: +3%<br>Beta: -0.48  | 0.5 -> 33.6<br>12.9 -> 1.4         | Sideway<br>28/10      | 15.50<br>19.00            |                   |                                     | Lướt lự tại vùng 16.5 nhưng theo<br>xu hướng dần suy yếu nhẹ                                        |                                                |                                  |                                                                   |                |
| 4  | <b>HCM</b> HOSE<br> | Môi giới chứng<br>khoán     | Mid cap<br>Thanh khoản: Cao               | <b>24.8</b>             | 1N: +0.2%<br>1Thg: +6.9%<br>Beta: 2.68 | 1.4 -> 17.1<br>14.2 -> 1.8         | Tăng<br>04/11         | 22.00<br>27.00            | Mua<br>04/11      | MT: 25.8<br>(+4%)<br>Cắt lỗ: 22.5   | Bật tăng mạnh từ ngưỡng hỗ trợ tạo<br>bởi Fibonacci Retracement 50%                                 |                                                |                                  |                                                                   |                |
| 5  | <b>HDB</b> HOSE<br> | Ngân hàng                   | Nhóm Tỷ USD<br>OCT15:100.200B307          | <b>29.5</b>             | 1N: 0%<br>1Thg: +7.3%<br>Beta: 0.19    | 3.3 -> 8.9<br>18.5 -> 1.6          | Sideway<br>24/10      | 24.00<br>30.00            | Mua<br>24/10      | MT: 30<br>(+1.7%)<br>Cắt lỗ: 27     | Dấu hiệu đảo chiều tăng ngắn hạn<br>và tiến đến ngưỡng KH 30.                                       | Nắm giữ<br>28/10                               | 29.0<br>-1.7%                    | TN hoạt động: 10,828 (+14.7%<br>yoy). LNST cty mẹ: 3,340 (+17.5%) | 3.4 -><br>8.7  |
| 6  | <b>MBB</b> HOSE<br> | Ngân hàng                   | Nhóm Tỷ USD<br>OCT15:100.211B308          | <b>23.3</b>             | 1N: -0.2%<br>1Thg: +2.6%<br>Beta: 1.34 | 3.2 -> 7.3<br>15.6 -> 1.5          | Sideway<br>06/11      | 21.00<br>24.50            |                   |                                     | Dao động tích lũy trong biên độ hẹp<br>22.5-23.5. Đường EMA(26) vẫn đang<br>hỗ trợ tốt cho đà tăng. | Mua<br>28/10                                   | 28.5<br><b>+22.6%</b>            | TN hoạt động: 24,060 (+23.2%<br>yoy). LNST cty mẹ: 7,588 (+24.1%) | 3.1 -><br>7.5  |
| 7  | <b>SSI</b> HOSE<br> | Môi giới chứng<br>khoán     | Mid cap<br>Thanh khoản: Cao               | <b>21.8</b>             | 1N: +0.2%<br>1Thg: +0.9%<br>Beta: 1.82 | 1.7 -> 12.7<br>19 -> 1.1           | Sideway<br>31/10      | 20.50<br>24.00            |                   |                                     | Sideway trong ngắn hạn và có khả<br>năng sẽ sớm tăng trở lại                                        |                                                |                                  |                                                                   |                |
| 8  | <b>STB</b> HOSE<br> | Ngân hàng                   | Large cap<br>OCT15:101.207M316            | <b>11.0</b>             | 1N: +0.5%<br>1Thg: +5.3%<br>Beta: 0.82 | 1.5 -> 7.1<br>14.5 -> 0.8          | Sideway<br>05/11      | 10.60<br>11.50            | Mua<br>05/11      | MT: 11.6<br>(+5.9%)<br>Cắt lỗ: 10.6 | Điều chỉnh về mốc Fibonacci<br>Retracement 50% và có dấu hiệu<br>tăng trở lại                       |                                                |                                  |                                                                   |                |
| 9  | <b>TCB</b> HOSE<br> | Ngân hàng                   | Nhóm Tỷ USD<br>OCT15:118.200B332          | <b>24.8</b>             | 1N: +1.6%<br>1Thg: +4.9%<br>Beta: 1.28 | 2.7 -> 9.3<br>16.8 -> 1.5          | Sideway<br>04/11      | 22.80<br><del>24.50</del> |                   |                                     | Lướt lự sát ngưỡng 24 nhưng<br>đang được hỗ trợ và lướt lự gần<br>mức 23.5                          | Tích lũy<br>07/08                              |                                  | TN hoạt động: n/a. LNST cty mẹ:<br>n/a                            |                |
| 10 | <b>TPB</b> HOSE<br> | Ngân hàng                   | Large cap<br>Thanh khoản: Trung<br>bình   | <b>22.6</b>             | 1N: +0.7%<br>1Thg: +0.7%<br>Beta: 0.14 | 2.9 -> 7.9<br>14.4 -> 1.6          |                       |                           |                   |                                     |                                                                                                     |                                                |                                  |                                                                   |                |
| 11 | <b>VCB</b> HOSE<br> | Ngân hàng                   | Nhóm Tỷ USD<br>Thanh khoản: Cao           | <b>90.8</b>             | 1N: -1.3%<br>1Thg: +9.4%<br>Beta: 1.26 | 5.3 -> 17.2<br>21.9 -> 4.1         | Sideway<br>24/10      | 79.00<br><del>90.00</del> |                   |                                     | Xu hướng tăng vẫn duy trì, mức độ<br>chậm và tiến về ngưỡng 90.                                     | Nắm giữ<br>28/10                               | 90.0<br>-0.9%                    | TN hoạt động: 47,022 (+19.7%<br>yoy). LNST cty mẹ: 18,698 (+28%)  | 4.5 -><br>20.1 |
| 12 | <b>VND</b> HOSE<br> | Môi giới chứng<br>khoán     | Mid cap<br>OCT15:100.200B340              | <b>13.8</b>             | 1N: +0.4%<br>1Thg: -2.1%<br>Beta: 0.44 | 1.3 -> 10.4<br>14.9 -> 0.9         |                       |                           |                   |                                     |                                                                                                     |                                                |                                  |                                                                   |                |
| 13 | <b>VPB</b> HOSE<br> | Ngân hàng                   | Nhóm Tỷ USD<br>OCT15:100.232B310          | <b>22.3</b>             | 1N: +1.1%<br>1Thg: -0.2%<br>Beta: 0.56 | 3.4 -> 6.5<br>16.8 -> 1.3          | Sideway<br>04/11      | 21.00<br>23.00            |                   |                                     | Có dấu hiệu hỗ trợ gần mức 21.2, có<br>thể sẽ tích lũy trước khi tăng trở lại                       | Tích lũy<br>31/10                              | 25.3<br>+13.7%                   | TN hoạt động: n/a. LNST cty mẹ:<br>n/a                            |                |

## KHẢO SÁT Ý KIẾN BẠN ĐỌC

Nhằm nâng cao chất lượng bản tin sáng hàng ngày, chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp về mọi nội dung lẫn hình thức. Xin vui lòng ghi rõ các phần của bản tin mà quý vị muốn góp ý, và ghi ý kiến vào các ô trống dưới đây (thêm/sửa/xóa), rồi gửi về địa chỉ email của Hoàng Thạch Lâm ([lan.ht@vdsc.com.vn](mailto:lan.ht@vdsc.com.vn)). Chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

| Chương               | Nội dung                                                                                                                                                                                 | Ý kiến |
|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
| Tin tức và bình luận | Tin quốc tế. Vietnam vs Global indexes. Tin trong nước. Tin chứng khoán.                                                                                                                 |        |
| Thị trường           | Diễn biến trong phiên. Biến động giá hôm nay. So với tuần trước. Xu hướng gần đây. Đánh chứng T3 dễ hay khó.                                                                             |        |
| Giao dịch            | Nhận định chỉ số. Vốn hóa tỷ USD. Top10 tuần qua. Top10 dòng tiền 5 phiên. Khuyến nghị kỹ thuật mới (trong T3). Cổ phiếu hôm nay. Theo dõi khuyến nghị kỹ thuật (ngoài T3). Chứng quyền. |        |
| Đầu tư               | Danh mục đầu tư (giá mục tiêu và kỳ vọng, dự phóng doanh thu và LNST, dự phóng EPS và P/E forward). Nhóm ngành hôm nay. Cổ phiếu hôm nay.                                                |        |
| Phụ lục              | Bảng tổng hợp cổ phiếu (PTKT, PTCB) theo yêu cầu của 1 số phòng môi giới/Chi nhánh                                                                                                       |        |

## HỆ THỐNG ICONS

**Mục đích:** giúp người đọc dễ dàng nắm được các yếu tố quan trọng liên quan đến chỉ số, nhóm ngành hay bất kỳ cổ phiếu cụ thể. Biết được cổ phiếu đang được khuyến nghị mua hay bán, đầu tư hay lướt sóng mà không cần phải tra cứu các bảng khuyến nghị đầu tư hay PTKT. Giúp tiết kiệm không gian đăng tải số liệu liên quan.

- Quy mô vốn hóa:** các mã có vốn hóa lớn (large cap) có Giá trị thị trường từ 500 tr.USD trở lên sẽ hiển thị icons, đi kèm với biến động giá trong ngày gần nhất.

|                                | Tăng giá                                                                          | Đứng giá                                                                           | Giảm giá                                                                            |
|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| Nhóm vốn hóa 1 tỷ USD trở lên  |  |   |  |
| Large cap (500 tr.USD trở lên) |  |  |  |

- Thanh khoản:** tính theo khối lượng khớp lệnh bình quân 1 tháng gần nhất:

| Cao<br>(từ 500.000 cp/ phiên)                                                     | Trung bình<br>(từ 50.000 cp/ phiên)                                               | Thấp<br>(dưới 50.000 cp/ phiên)                                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  |

- Dòng tiền 5 phiên:** là tổng giá trị giao dịch trong 5 phiên gần nhất, trong đó giá trị mỗi ngày được lấy dấu vào (+) hoặc ra (-) theo biến động giá cổ phiếu so với ngày liền trước.

|                                               | Đảo chiều                                                                           | Tăng                                                                                | Giảm                                                                                  |
|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| Dòng tiền vào (Tổng giá trị 5 phiên là dương) |  |  |  |
| Dòng tiền ra (Tổng giá trị 5 phiên là âm)     |  |  |  |

- Xu hướng ngắn hạn:** là nhận định của nhóm PTKT – TVCN về diễn biến giá cổ phiếu trong ngắn hạn, bao gồm:

| Tích cực                                                                            | Trung lập                                                                           | Tiêu cực                                                                              |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  |
| Mua                                                                                 | Bán                                                                                 |                                                                                       |
|  |  |                                                                                       |

- Khuyến nghị Mua – Bán theo PTKT:**

- Khuyến nghị đầu tư:** được phân thành các nhóm tích cực (mua, thêm, khả quan, tích lũy...), trung lập (nắm giữ) hay tiêu cực (giảm, kém khả quan, bán). Bao gồm:

|                        | Tích cực                                                                            | Trung lập                                                                           | Tiêu cực                                                                              |
|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| Rồng Việt              |  |  |  |
| Một số công ty CK khác |  |  |  |



### Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Rong Viet Securities tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu

nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được Rong Viet Securities thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của Rong Viet Securities. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của Rong Viet Securities đều trái luật. **Bản quyền thuộc Rong Viet Securities.**